

Trình bày

tạp chí văn hóa chính trị xã hội
ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

NGƯỜI VIỆT CỘNG SẢN

KHÔNG CỘNG SẢN, Trần tuấn Nhậm

KHÍ GIỚI CỦA CÁC CƯỜNG QUỐC

TRONG MƯU TOÁN

THỐNG TRỊ CÁC NƯỚC THỨ BA, Nguyễn Khắc Ngũ

VIỄN TƯỞNG QUÁI THAI

CỦA LUẬT CHƯƠNG TRÌNH, Thuận Giao

MỘT CHÍNH SÁCH VĂN HÓA, Thanh Lãng



SỐ 4 — RA NGÀY 15 THÁNG CHÍN 1970

TRÌNH BẦY	Một chứng nghiệm mới ?	3
	Tham luận	
THANH LÃNG	Có nên có một chính sách Văn hóa ?	6
TRẦN TUẤN NHẠM	Thực chất vấn đề mâu thuẫn giữa người Việt Cộng-sản và không Cộng-sản (I)	19
NGUYỄN KHẮC NGŨ	Viện trợ, khí giới của các cường quốc trong mưu toan thống trị Thế giới thứ Ba	29
	Ghi nhận	
THUẬN GIAO	Viễn tượng quái thai của Luật Chương trình	37
	Văn nghệ	
HUỲNH NGỌC SƠN	Hộp thịt Mỹ	43
HOÀNG ANH TUẤN	Về Provins	49
NGUYỄN KHẮC NGŨ	Nghệ thuật Việt-nam : Tranh mộc-bản đầu thế kỷ XX (4)	58
NGUYỄN SA	Đông du ký (4)	60
	Tài liệu	
RICHARD J. BARNET	Nixon dưới mắt Hà-nội (I)	67
	Nhật ký tập thể	
NGUYỄN Đ. THƯỜNG	Một buổi sáng trên quê hương	73
TRẦN Đ. PHƯƠNG	Một đêm trên đất Kampuchea	74
	Điểm sách	
PHẠM CAO DƯƠNG	<i>Việt-sử : Xứ Đàng Trong (1558-1777)</i> của Phan Khoang	78
N.T.H.	Sinh hoạt văn hóa	80

GIÁ BẢO DẠI HẠN

Giá mỗi số : 50\$

Sáu tháng : 550\$ — Một năm : 1.050\$

- . Cao nguyên và miền Trung, thêm cước phí máy bay 50\$ một năm
- Ngoại quốc, đường thủy, thêm cước phí 80\$ một năm.
- . Thư bảo đảm, bưu phiếu, xin đề tên : Bà **TĂNG HOÀNG XINH**.
- . Bưu chỉ phiếu xin gửi về trường mục số : SAIGON T/M 48-78 của Bà **Tăng Hoàng Xinh**.

Trình bày

SỐ 4 — NGÀY 15 THÁNG CHÍN 1970

Một chứng nghiệm mới?

Từ trước tới nay, mặc dù chưa hề bao giờ được xác định rõ rệt bằng một văn kiện, nhà nước cũng vẫn có một chính sách văn hóa. Chính sách này thể hiện qua sự có mặt của Sở Kiểm duyệt, qua những khoản tiền trợ cấp cho các nhóm văn nghệ nào có khuynh hướng gần với khuynh hướng của chính quyền, qua việc treo những giải thưởng văn chương mà tác dụng tuyên truyền thường được coi nặng hơn là giá trị nghệ thuật..; nghĩa là qua hai thái độ thoát xem dường như rất mực mâu thuẫn: khủng bố và ban phát.

Khủng bố với tất cả những ai không chịu sắp hàng, rập khuôn theo đường lối của chế độ; và ngược lại, ban phát ân huệ thật là hậu hĩ cho những đứa con ngoan, biết vâng phục và cảm nín. Tóm lại, đó là một chính sách được xây dựng trên một tinh thần độc đoán, thoát thai từ một bản chất khó có thể coi là bản



TRÌNH BÀY



Tạp chí văn hóa chính trị xã hội — ra ngày 1 và 15 mỗi tháng.
Chủ nhiệm kiêm chủ bút: Thế Nguyên.

Tổng thư ký: Diễm Châu.

Biên tập: Lý Chánh Trung, Thanh Lăng, Đỗ Long Vân, Phạm Cao Dương, Nguyễn Sa, Nguyễn Văn Trung, Thảo Trường, Nguyễn Khắc Ngữ, Trần Tuấn Nhậm, Diễm Châu, Nguyễn Quốc Thái, Tôn Thất Lập, Thế Nguyên, Hoàng Ngọc Biên, Nguyễn Đông, Nguyễn Nguyên, Trần Đỗ Dũng, Hoàng Ngọc Nguyên, Du Tử Lê, Nguyễn Tử Lộc.

Quản lý: Tăng Hoàng Xinh.

Tòa soạn: 291, Lý Thái Tổ — Saigon.

chất của một kẻ mạnh.

Chế độ kiểm duyệt khắc nghiệt hiện diện liên tục từ nhiều năm nay, đã không nguyên chỉ còn là một đe dọa, không chế về mặt tư tưởng các nhà văn, mà dần dà đã trở nên là một thành phần của vô thức. Mặt khác, sự ban phát ân huệ, những khoản tiền trợ cấp hậu hĩ đòi hỏi người nhận một sự « thông cảm », « lịch sự » tối thiểu, từ 15 năm nay, đã lại xô đẩy một số nhà văn khác rơi vào tình cảnh của một kẻ bị tê liệt, bất ổn trong tâm hồn. Những hoạt động văn hóa có được nhờ vào trợ cấp của nhà nước hầu hết là những hoạt động không có sinh khí. Những tờ báo lãnh tiền trợ cấp đều là những tờ báo « chết », với một loại văn chương mà có người đã gọi là thứ « văn chương thiếu xương sống ». Thực tế 15 năm văn nghệ ở miền Nam chứng tỏ rõ rệt điều này.

Như vậy, khủng bố và ban phát, hai thái độ hầu như có vẻ đối nghịch đó, thật ra chỉ là hai phương cách cho một mục tiêu duy nhất : tạo ra nơi những người làm văn hóa ở đây sự sợ hãi và một tình trạng uể oải về mặt tinh thần.

Cho nên, nếu trong những năm gần đây, người ta đã phải chứng kiến một sự phá sản hết sức mau chóng của nền văn hóa Việt-nam cổ truyền — và hầu như không thể có được một sự đối kháng nào đáng kể — trước những nền văn hóa xa lạ đã được du nhập đồng thời với sự có mặt của bộ đội ngoại quốc (những phong trào đòi bảo vệ văn hóa dân tộc, bảo vệ nhân phẩm phụ nữ, bảo vệ thanh thiếu nhi, tìm về dân tộc... chứng tỏ trước hết sự phá sản của văn hóa Việt-nam hiện nay), thì phần lớn cũng chỉ là kết quả tất nhiên của một chính sách văn hóa như đã nói ở trên.



Hội đồng Văn hóa Giáo dục đang nhóm họp (từ 7 đến 17-9-70) và với một thành phần tương đối « ít có sự dị biệt » như ta thấy hiện nay, chắc hẳn là sau hết, Hội đồng cũng sẽ « đẻ » ra được « một cái gì ». « Cái gì » đó có thể sẽ là một bản Khuyến nghị nhà nước, trong đó ngoài những nhận định về thực trạng văn hóa giáo dục tại miền Nam hiện nay, chắc sẽ còn mang những nét lồng quát của một chính sách văn hóa giáo dục và một số những biện pháp cấp thời nhằm thực hiện chính sách ấy.

Tuy nhiên, về phía người dân và những người làm văn hóa ở

ngoài Hội đồng, từ lâu người ta đã quá quen thuộc với cái cuộc chơi dân chủ như hiện nay ; họ đã chán ngấy với tất cả mọi thứ Hội đồng, kể cả với cái thứ Hội đồng gần gũi hơn cả là Hội đồng Xã. Liệu Hội đồng Văn hóa Giáo dục sẽ có thể làm thay đổi được cái thành kiến không phải là vô cơ đó hay không, cụ thể nhất là việc trả lại quyền tự do diễn tả cho các nhà văn (bãi bỏ Sở Phối hợp Nghệ thuật và không thay thế bằng một cơ cấu kiểm duyệt trá hình nào khác), điều kiện tiên quyết để làm thay đổi cái bộ mặt « mất máu » của văn nghệ miền Nam hiện nay, khởi đầu cho việc xây dựng một nền Văn hóa cho Tự do và Dân chủ thực sự ?

Cho tới lúc này, dường như không có một ai có được sự tin tưởng ấy.

TRÌNH BÀY





tham luận:

Có nên có một chính sách Văn hóa?

THANH LĂNG

L.T.S. : Hội đồng Văn hóa Giáo dục đang nhóm họp (từ ngày 7 đến 17-9-1970) để đưa ra một bản nhận định về tình trạng văn hóa, giáo dục hiện nay. Bài sau đây là một phần trong bản phúc trình của G.S. Thanh-Lăng, Trưởng ban Nhân-văn của Hội đồng này. Chúng tôi trích đăng ở đây như một tài liệu.

T. B.

Ngày nay người ta hay nói đến chính sách nọ, chính sách kia: như chính sách quốc gia, chính sách quân sự, chính sách tôn giáo, chính sách văn hóa.

Vậy chính sách là gì? Chính sách là cả một hệ thống tổ chức qui mô để thực hiện một chủ trương nào đó. Theo nghĩa chuyên môn, cái hệ thống qui mô để thực hiện một mục tiêu nào đó gồm có sáu giai đoạn sau đây:

1) *Chủ trương* (là cái mục tiêu phải đạt tới: mục đích của chính sách).

2) *Đường lối* (là phương hướng vạch ra để theo đuổi mục tiêu).

3) *Chiến lược* (là các kế hoạch đề ra để đối phó với mọi khó khăn gặp phải).

4) *Chương trình* (là sự sắp xếp

thứ tự công việc phải làm để thực hiện mục tiêu).

5) *Tổ chức* (là hệ thống phân chia việc và trao phó công việc cho từng người).

6) *Cán bộ* (là việc đào tạo chuyên viên hiểu việc để trung kiên trong việc thi hành công tác để thực hiện đúng mục tiêu đã đề ra).

Cho được gọi là một chính sách, phải hội đủ sáu công việc như trình bày trên đây.

Chữ « chính sách », hiểu theo ý nghĩa chuyên môn và chặt chẽ, như trên đây, thường được áp dụng một cách triệt để trong các tổ chức tại những nước cộng-sản. Hiểu như vậy, thì không thể, hay không nên có một chính sách văn hóa ở thể giới tự do.

NHẬN ĐỊNH VỀ NỀN VĂN HÓA CỔ TRUYỀN VIỆT-NAM :

1) Con người bị vị trí :

Con người, như là con người, đương nhiên ở trong vị trí (en situation) và, bởi vậy, cũng đương nhiên và tất nhiên bị vị trí.

Vậy cái vị trí phủ phàng đã bao vây con người Việt-nam, như là cá nhân, hay như là tập thể, tức dân tộc Việt-nam, là vị trí của nước nhỏ và vị trí của thân phận dân chậm tiến. Hai vị trí này (nước nhỏ và sự chậm tiến) đã bao vây, quy định toàn vẹn con người Việt-nam và toàn thể dân tộc Việt-nam.

2) Vị trí của cái nhỏ về địa lý, về đất đai :

Sinh ra làm dân nước nhỏ, xếp vào mảnh đất nhỏ nhoi như mảnh đất Việt-nam, chúng ta không thể nào thoát ra khỏi cái nhỏ nhoi ấy hoàn toàn được : cái nhỏ đương nhiên nói lên sự yếu đuối, sự thiếu thốn. Cái nhỏ, ta không thể thoát ra khỏi được : chính trời đất thiên nhiên quy định như vậy. Ta chỉ còn phải biết khôn ngoan mà đối phó để làm sao vẫy vùng được trong cái nhỏ ấy mà không bị đụng độ để bị nghiền nát. Vì nhỏ cho nên tổ tiên ta luôn luôn nghĩ đến bám vào, dính vào, dựa vào cái lớn, mở ra cái lớn. Thực vậy, nền văn hóa cổ truyền Việt-nam đã được trình bày như là một nền văn hóa « mở cửa », « tiếp thu », « đón nhận ». Cái bé,

cái nhỏ Việt-nam mở ra trước cái to Ấn-độ, cái to Tàu, cái to Tây phương... Nói khác, cái nhỏ Việt-nam vì nó nhỏ cho nên nó không đủ cho nó, thành ra nó phải vay mượn các anh chị to lớn hơn nó : tổ tiên ta, trong suốt dọc cả cái lịch sử dài đằng đằng ba bốn ngàn năm, đã trung thành với định luật khắt khe đó.

3) Vị trí của cái chậm tiến, kém mở mang :

Nếu cái nhỏ, tổ tiên ta nhận thấy mình chẳng làm sao thoát khỏi được mà chỉ còn biết kiên trì đối phó cho sáng suốt, thì, ngược lại, đối với cái chậm tiến, cái kém mở mang, tổ tiên ta đã quyết tâm tranh đấu để thoát ra, để vươn lên, để không chịu thua. Chính cái tinh thần muốn luôn luôn thoát khỏi tình trạng chậm tiến, mà tổ tiên ta không ngừng thích nghi, mở phông, học với người, bắt chước người : nói cách khác, tổ tiên ta đã luôn luôn sẵn sàng cởi mở, đón nhận, tiếp thu các nền văn minh sáng sủa rực rỡ hơn nền văn minh Việt-nam. Tinh thần đó mạnh đến nỗi tổ tiên ta không chịu thua kém cái gì đối với Ấn-độ, đặc biệt là Trung-hoa : một người quan sát hời hợt sẽ bảo ta là Ấn-độ, Ấn-độ là ta, ta là Tàu, Tàu là ta. Tất cả những cái hay, cái lạ, cái mới... của hai dân tộc Ấn và Tàu, ta đều có như họ, giống như họ.

Tóm lại có thể nói, cái vị trí nhỏ về địa lý, và cái vị trí về sự chậm tiến là định luật chi phối nền văn hóa cổ truyền Việt-nam.

3) Tinh thần quật khởi quốc gia và đối kháng chủng tộc :

Nhiều dân tộc nhỏ, chậm tiến, đã bị tiêu diệt, đã bị đào thải hoặc bởi vì nó không theo kịp đà tiến của nhân loại, hoặc bởi vì nó đã bị biến hóa để trở nên dân tộc khác, như trường hợp nhiều chi tộc đã bị dòng Hán tộc chi phối để trở thành Trung-hoa ngày nay.

Dân tộc Việt-nam say mê bắt chước chạy theo cái mới, không từ bỏ một cái mới nào mà không mô phỏng, không bắt chước. Nhưng bắt chước thì bắt chước vậy thôi chứ không nô lệ, các Cụ đã tiêu thụ, đã biến hóa thành của mình, hay nói theo tiếng chuyên môn, thì các Cụ đã tiêu hóa các món ăn ngoại quốc làm cho nó trở nên máu nên thịt của mình. Chính trong tinh thần đó, tổ tiên ta say mê vay mượn những của hay vật là của Tàu và của Ấn-độ mà, đứng về phương diện quốc gia và chủng tộc, các Cụ vẫn chống Tàu, chống Ấn-độ, khinh Tàu, khinh Ấn-độ. Chính cái tinh thần ấy mà ta gọi là tinh thần quật khởi quốc gia và đối kháng chủng tộc đã giúp cho các Cụ trong khi mô phỏng bắt chước Tàu và Ấn rất dạm dả mà không thể trở thành Tàu hay trở thành Ấn.

5) Sự diệp văn hóa của tổ tiên ta :

Không tuyên bố ra thành lời, thành văn, thành chính sách, tổ tiên ta xem ra vẫn có cả một chủ trương văn hóa, cả một chính sách văn hóa, nghĩa là các ngài hình như cũng đã phải bàn khoăn, tru tư nhiều lắm trong khi phải đối phó với các sinh hoạt văn hóa xảy ra chung quanh các Cụ. Nói đến sinh hoạt văn hóa, tức là nói đến ba sự kiện :

- Người làm văn hóa.
- Người tiếp nhận văn hóa.
- Chính cái nội dung văn hóa.

a) *Người làm văn hóa thời xưa = thiều sở trí thức, học giả, nhà nho...*

Nhìn vào thực tế, ta thấy các nhà làm văn hóa, cổ động văn hóa thời xưa, cũng như thời nay, vẫn là những người xử dụng, hoặc là chữ viết (tức nhà văn), hoặc là âm thanh, điệu bộ, màu sắc (tức nghệ sĩ)... Việc làm văn chương nghệ thuật, tức làm văn hóa của quý vị ấy, đương nhiên được coi là làm văn chương và nghệ thuật để truyền bá đạo lý, để nâng cao dân trí. Như vậy, người làm văn hóa thừa xưa, đương nhiên biết mình là gì, mình định gửi cái gì trong khi làm văn hóa, mình định gửi cách nào, mình định gửi cho ai.

b) *Người nhận văn hóa thời xưa = quảng đại quần chúng :*

Người làm văn hóa thừa xưa - biết rõ những người sẽ tiếp nhận

sứ điệp văn hóa của các ngài là những ai: các ngài biết đó là nhân dân, tức quảng đại quần chúng, một thứ quần chúng cần được giác ngộ, cần được dạy bảo, cần được giáo dục. Đối với cái quần chúng ấy, các Cụ ta coi rằng chẳng những phải giác ngộ, dạy bảo, giáo dục họ, mà còn cần phải yêu mến, tôn kính, phục vụ họ nữa.

Nói cách khác, các Cụ coi là một bổn phận — trong tương quan đối với tha nhân, với nhân dân — không được làm bất cứ việc gì di hại, thiệt thòi... cho quảng đại quần chúng, cho nhân dân.

c) *Nội dung văn hóa, tức nội dung sứ điệp văn hóa thời xưa :*

Vì biết mình và biết người, biết mình đề tự trọng, biết người đề tôn kính, cho nên nội dung văn hóa, tức sứ điệp văn hóa của các Cụ ta xưa, bao giờ cũng được

các Cụ săn sóc, chú ý : săn sóc từ hình thức bên ngoài, tức cái vỏ chứa đựng văn hóa, bao giờ cũng được các Cụ coi trọng. Chính vì thế, văn của các Cụ, nghệ thuật của các Cụ thừa xưa bao giờ cũng là thứ văn tao quý trang nhã, nghệ thuật bao giờ cũng là thứ nghệ thuật cao siêu, lý tưởng. Phương chi nói gì đến cái nội dung gói ghém trong câu văn, ý nghĩa gói ghém trong âm nhạc, trong màu sắc của bức họa, trong đường nét của một pho tượng hay của một công trình kiến trúc.... Như vậy, ở đâu, ở chỗ nào, sứ điệp văn hóa của các Cụ, tức sinh hoạt văn hóa của các Cụ, tức văn chương của các Cụ, tức nghệ thuật của các Cụ, lúc nào cũng đường đường, chính chính, lúc nào cũng dẫn đạo, lúc nào cũng thanh lịch, chứ chẳng bao giờ cầu thả, và càng chẳng bao giờ bậy bạ, dơ bẩn... di hại, khinh thường bất cứ ai.

NHẬN ĐỊNH VỀ SINH HOẠT VĂN HÓA VIỆT-NAM HIỆN NAY

1) Dữ kiện lịch sử Việt-nam hiện đại :

Dữ kiện Lịch sử Việt-nam hiện đại là gì ?

a) *Vẫn là một nước nhỏ :*

Cũng như xưa nước Việt-nam ta ngày nay, vẫn là một nước nhỏ, một nước yếu, vẫn phải nằm bên những thế lực khổng lồ về đất đai như Trung-hoa, Ấn-độ, những

thế lực khổng lồ về kinh tế chính trị như Nhật, như Mỹ, như Nga, như Pháp...

b) *Vẫn là một nước kém mở mang, chậm tiến :*

Cũng như xưa, nước Việt-nam ta ngày nay, vẫn là một nước kém mở mang, một nước chậm tiến : kém mở mang, chậm tiến mà lại đang bị đặt vào trong cái thế phải giao dịch, trao đổi với những

nước tiến bộ nhất thế giới như Mỹ, như Nga, như Trung-cộng, như Nhật, như Pháp... Ta đang bị những thế lực kinh tế siêu việt chi phối, cảm dỗ, thu hút...

c) *Tình trạng chiến tranh tàn phá:*

Nước đã nhỏ, đã chậm tiến, mà lại bị 80 năm đô hộ của Pháp (từ 1862-1945), bị chiến tranh giằng gai suốt từ năm 1939 đến bây giờ, tức trên dưới 30 năm. Tất cả những cái đó làm cho đất nước ta càng tan hoang, nhân dân ta càng điêu đứng, cho nên càng chậm tiến, càng kém mở mang.

Mọi chính sách, mọi kế hoạch quốc gia, đối với nhân dân ta, đều phải dựa trên ba dữ kiện trên đây: tức là dựa vào tình trạng nhỏ bé của đất nước, tình trạng chậm tiến của nhân dân ta, tình trạng chiến tranh tàn phá, điêu tàn ngày nay mà đối phó...

2) Văn hóa ngày hôm nay có sứ mạng gì không?

Là dân của nước Việt-nam, tức là dân của một nước vừa nhỏ, vừa chậm tiến, tại vừa bị chiến tranh tàn phá đến độ điêu linh, nhà làm văn hóa Việt-nam có phải có một sứ mạng văn hóa nào không? Có nên có một sứ mạng văn hóa nào không?

Nói cách khác:

a) *Về phía người làm văn hóa ngày nay:*

Người làm văn hóa hôm nay, trong tình trạng nước nhỏ, kém

mở mang mà lại bị chiến tranh tàn phá, người làm văn hóa:

1) Có cần đặt ra cho mình một bổn phận nào không?

2) Có phải gửi một sứ điệp văn hóa nào không?

3) Nếu có gửi thì có nên, hay có buộc phải gửi như thế nào không?

4) Nếu gửi thì gửi cho những ai, cho những hạng người nào?

b) *Về phía những người tiếp nhận văn hóa, tức nhân dân Việt-nam:*

1) Nhân dân Việt-nam ta hiện nay cần cái gì?

2) Nhân dân Việt-nam hôm nay có quyền đòi nhà văn hóa cái gì?

3) Nhân dân Việt-nam hôm nay có quyền đòi nhà văn hóa hôm nay phải gửi sứ điệp văn hóa theo một hình thức như thế nào?

c) *Nội dung sứ điệp văn hóa hôm nay:*

— Nội dung văn hóa, tức sứ điệp văn hóa ngày hôm nay, có cần phải được quan niệm như thế nào không?

— Sứ điệp văn hóa của nước chậm tiến có cần phải có gì khác với sứ điệp văn hóa ở các nước siêu cường không?

— Sứ điệp của một nước nhỏ như Việt-nam có cần phải có gì khác sứ điệp văn hóa các nước lớn như Nga, như Mỹ hay Tsu không?

— Trong một nước mà chiến tranh tàn phá đến độ điêu tàn, thì sứ điệp văn hóa có cần gì phải thích nghi với hoàn cảnh hay không?

ĐƯỜNG LỐI VĂN HÓA VIỆT-NAM HÔM NAY

1) Không máy móc đưa ra những lý thuyết văn hóa :

Lúc này không phải là lúc máy móc đưa ra những lý thuyết văn hóa viển vông. Nhưng cho dù hiểu văn hóa là gì đi nữa, hoặc cho văn hóa là văn chương nghệ thuật, hay cho văn hóa là sinh hoạt tinh thần, hay cho văn hóa là thể hiện toàn bộ sinh hoạt một dân tộc, thì văn hóa cũng là cái gì bàng bạc bao phủ, gắn liền với nếp sống, với lối sống, với sinh hoạt hàng ngày của một dân tộc... từ lối cảm, lối nghĩ, lối yêu, lối ghét, đến cách thức văn chương nghệ thuật, duy trì luân lý, đạo đức, tôn thờ Thượng đế cho tới những cách ăn mặc, làm lung, chơi bời, ngủ nghỉ...

2) Không muốn khuôn nắn sinh hoạt văn hóa theo những giáo lý :

Con người là tự do, cho nên tự do là tư cách cao quý nhất, khiến con người khác con vật. Con người là con người, vì con người là tự do. Văn hóa là sinh hoạt của con người, chứ loài vật không có sinh hoạt văn hóa, bởi vì con vật không có tự do, tức không có lựa chọn. Cho nên sinh hoạt văn hóa đương nhiên, tất nhiên là sinh hoạt tự do. Con người làm văn bởi vậy, phải được tự do trong việc gửi sứ điệp văn hóa, không thể khuôn nắn nhả văn hóa vào một lý thuyết nô lệ

nào cả, như trường hợp những nhà văn hóa trong các chế độ chuyên chế, độc tài, dù là độc tài tư bản hay độc tài vô sản.

3) Nhưng văn hóa cũng không thể tách rời khỏi thân phận dân tộc :

Tuy là sinh hoạt của con người tự do, văn hóa không thể bị nô lệ, nhưng cũng không phải vì có tự do mà văn hóa của một dân tộc lại có thể đứng ngoài, thờ ơ, khinh thường, phó mặc đối với thân phận của dân tộc. Nếu bảo văn hóa là sinh hoạt của một dân tộc, thì không thể nào quan niệm rằng sinh hoạt của chính dân tộc ấy lại không liên đới, lại không gắn liền, lại không chia sẻ những gì thuộc về thân phận của dân tộc ấy, tức là những ưu tư, những lo lắng, những hy vọng, những mong đợi, của chính dân tộc ấy. Vậy dân tộc Việt-nam, như là một thân phận, thì ta thấy đó là thân phận của một nước nhỏ, một nước chậm tiến, nghèo khổ, một nước đang bị chiến tranh tàn phá... Một nước nhỏ, một nước chậm tiến, nghèo khổ, một nước đang bị chiến tranh tranh tàn phá, đương nhiên có những yêu sách, những đòi hỏi khác hay không giống hẳn những nước lớn, những nước văn minh tân tiến, những nước thái bình thịnh vượng.

Từ những suy diễn trên đây,

văn hóa, tuy là sinh hoạt tự do, nhưng cũng không thể là một thứ sinh hoạt phóng túng, tự do không bờ bến, tự do mà bỏ quên thân phận bị thương của dân tộc mình như là dân tộc nhỏ, dân tộc nghèo, dân tộc đang bị chiến tranh tàn phá đến độ điêu đứng..

4) Văn hóa Việt-nam hôm nay không thể là anh Chà-và ngồi gác ngói cổ miếu :

Sau một thời gian, người ta say sưa muốn Âu hóa xã hội Việt-nam, thì, ngược lại, ngày nay, đang có một số người muốn nhà văn hóa Việt-nam biến thành chú Chà-và ngồi gác ngói cổ miếu. Người ta đắm đuối nhìn về dĩ vãng như một chú Chà-và nhìn vào trong ngói cổ miếu : người ta mơ màng những là « ngõ hẻm đêm khuya dóm lập lòe », những là « mái nhà gianh, có giàn mướp, có khói lam chiều tỏa vờn vương », những là « gia đình Việt-nam thời xưa, cha mẹ đặt đâu con cái phải ngồi đấy », những là « người góa phụ chổng chết phải thủ tiết thờ chồng nuôi con »... Gần ấy thứ và hàng vạn thứ khác đã từng là văn hóa Việt-nam trong quá khứ. Nhưng thời thế đã thay đổi, ta không có quyền cấm nhân dân này đem ánh điện về làm ngập ngụa các ngõ hẻm dóm lập lòe, đem bếp điện, bếp ga thay cho rơm rạ làm tắt làn khói lam chiều, xây dựng những ngôi nhà khang trang bằng xi-măng cốt sắt, thay cho những mái gianh, đem

trình bày dân chủ, trình bày tự do để giải phóng cho con người, dù con người ấy là con gái hay con, dâu, là góa phụ hay hóa phu.

5) Văn hóa Việt-nam hôm nay không thể là đĩa ăn mỳ xách rổ đi xin :

Nếu văn hóa Việt-nam không thể là anh Chà-và ngồi gác tha ma, thì, ngược lại, văn hóa Việt-nam cũng không thể là đĩa ăn xin xách rổ đi ăn xin mọi ngã đường. Nỗi buồn văn hóa là ngày nay đang có một thiểu số muốn biến dân tộc này thành một lũ ăn xin đi ăn xin thiên hạ : họ muốn chối bỏ tất cả dĩ vãng mà họ lên án nặng nề, mà họ gọi là phong kiến, là phản động, là hủ hóa, là tư bản hay là tiểu tư sản. Họ đòi người Việt-nam phải gột rửa cho hết dĩ vãng mà họ bảo là phong kiến, là phản động, để rồi họ cưỡng ép nhân dân ta khoác lên mình những bộ áo, để họ nhồi vào bụng, vào óc dân ta đủ thứ mà họ bảo là cách mạng, là tiến bộ... Đó là những cơn cảm dỗ đang tràn đến từ những thế lực mà chúng tôi gọi là thế lực tư bản, hay thế lực vô sản... Các thế lực đó đều muốn chặt đứt con người Việt-nam hôm nay với con người Việt-nam ngày xưa.

6) Văn hóa Việt nam hôm nay không thể chỉ là dĩ vãng, hay chỉ là hiện tại, hay chỉ là tương lai :

Văn hóa Việt-nam hôm nay

đang bị đe dọa bởi ba khuynh hướng cực đoan: có người muốn văn hóa Việt nam chỉ là dĩ vãng cho nên văn hóa dân tộc đối với họ chỉ là văn hóa của mấy ngàn hay mấy trăm năm về trước; có người lại cho rằng văn hóa dân tộc chỉ là cái gì dân tộc này đang sống thiết tha hôm nay mà không muốn biết đến những cái dân tộc đã có từ xưa; ngược lại có những người tự cho mình là tiên tri, tự cho mình là thần thánh, đã khám phá ra những cái mới lạ khủng khiếp cho nên họ bắt dân tộc này chẳng những phải rũ bỏ dĩ vãng mà còn phải gột rửa cả hiện tại qua những trại tẩy não để rồi họ đem nhồi vào những lý thuyết xa vời mà họ gọi là cứu dân độ thế, là giải phóng...

Văn hóa Việt-nam, hay gọi là văn hóa dân tộc, hay đúng hơn là văn hóa của dân tộc Việt nam, không thể chỉ định cho nó chỉ là cái này, chỉ là cái nọ, chỉ là dĩ vãng, hay chỉ là hiện tại, hay chỉ là tương lai, mà nó phải bao trùm cả dĩ vãng, cả hiện tại, cả tương lai. Như một người khỏe mạnh, không phải là người phải kiêng cử chỉ ăn được cái này cái nọ mà không ăn được cái kia, người khỏe là người ăn cái gì cũng tiêu hóa, là người dễ nuôi, dễ sống, thì một dân tộc cũng vậy, một dân tộc hùng cường không phải là cái dân tộc chỉ có cái này cái nọ, chỉ tiêu hóa được cái này cái nọ, mà phải là dân

tộc có đủ trăm thứ, tiêu hóa được trăm thứ. Dân tộc hùng cường, giàu có là dân tộc có một di sản to lớn trong dĩ vãng, một gia tài vĩ đại trong hiện tại, và di sản và gia tài ấy phải cứ mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm... lớn mạnh mãi lên, bồi đắp thêm nhiều của mới vật lạ. Một nền văn hóa khi nó muốn đứng lại, không muốn tiếp thu những cái mới, đó là nền văn hóa đang đi đến chỗ diệt vong.

7) Văn hóa Việt-nam hôm nay phải đối phó với tình trạng nước nhỏ, chậm tiến :

Nhà làm văn hóa Việt-nam, trong khi gửi sứ điệp muốn tự do gì thì tự do, muốn làm gì thì làm, không thể không làm văn hóa trong viễn tượng là thân phận của dân nước nhỏ, dân nước chậm tiến. Nhà làm văn Việt-nam cần tự giác ngộ, và giác ngộ đồng loại của mình về tình trạng làm dân nước nhỏ và chậm tiến, tự nhiên ta thấy cần vươn lên, cần học hỏi ở người khác, cần thích nghi: từ bao lâu ta say sưa cái học từ chương, ta thấy ngày nay cần chuyển sang cái học thực nghiệp, từ bao lâu ta cầu thả bằng lòng với những cái tiêu sơ với nhà gianh, với ngô tối, với đường lầy lội, ta phải làm sao đem lại cho dân tộc này những ngôi nhà khang trang, có nhiều ánh sáng, nhiều tiện nghi. Nhà làm văn hóa phải là người cổ động để các vớ

ngoại quốc đầu tư ào ạt nhưng có trật tự vào trong xứ sở mình.

8) Văn hóa Việt - nam phải thể hiện tinh thần quật khởi quốc gia :

Từ nhận thức về thân phận làm dân nước nhỏ, nước chậm tiến để rồi vươn lên, điều ấy khác với cái mặc cảm của một người hổ thẹn và dấu diếm thân phận nhỏ bé chậm tiến của mình. Không từ bỏ một cái gì hay, cái gì tốt của thiên hạ mà không học, nhưng học để làm cho mình giàu, mình mạnh mà vẫn là mình chứ không trở thành người, không chạy theo người để quay lại nhục mạ tổ tiên, quê hương xứ sở. Hai ngàn năm lịch sử Việt-nam đã minh chứng cái tinh thần quật khởi quốc gia của tổ tiên ta. Mọi cái hay, cái đẹp của Ấn-độ, của Trung-hoa, ta đều học hỏi, bắt chước, nhưng về phương diện quốc gia, chủng tộc, ta vẫn chống Ấn-độ, vẫn khinh Tàu, đánh lại người Tàu. Sự mạng nhà văn hóa, trong khi tiếp thu cái mới đem vào văn hóa, là đi là làm trong tư thế người Việt-nam, nghĩa là làm cho cái dân tộc này giàu mạnh lên, nhưng cái dân tộc này vẫn giữ được truyền thống nối tiếp với lịch sử. Nói cách khác, nhà văn hóa hôm nay, trong khi tiếp thu văn hóa nhân loại, vẫn đề tâm yêu mến, cổ động, nghiên cứu các giá trị văn hóa cổ truyền, đề nền văn hóa Việt-nam

duy trì được đến mức tối đa các vốn liếng cũ xưa của dân tộc, đang khác chấp nhận một cách dễ dãi sự đầu tư của các vốn liếng thuộc gia đình nhân loại.

9) Văn hóa Việt-nam phải là thành quả của tinh thần bao dung :

Trong tình trạng hỗn loạn của 30 năm chiến tranh, nhân dân Việt, hai miền Nam và Bắc, đang bị đe dọa trở thành người dưng, xa lạ, ngoại quốc, thù địch muốn tiêu diệt nhau. Sự phân hóa đi đến cực độ. Cái gì cũng đang trở thành mục tiêu tranh đấu, ngay cả đến tôn giáo.

Nhìn ra thế giới cũng vậy, chiến tranh nóng, chiến tranh lạnh, bao trùm thế giới, con người trong hoàn cảnh ấy, như đang bị biến thành đồ vật và thế giới loài người biến thành thế giới đồ vật, thành món hàng sinh lợi : người ta chém giết nhau để tranh giành các món lợi, các đồ-vật-người ấy.

Có lẽ không còn cái gì làm điểm tựa cho con người gặp nhau ngoài văn chương ra. Thực vậy, có lẽ chỉ còn có văn chương, nghệ thuật hy vọng còn là điểm tựa để con người gặp nhau : dù là Bắc hay là Nam, dù là cộng sản hay quốc gia, tất cả chúng ta đều say mê, đều tôn thờ Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ... Vậy mà tất cả cái kho tàng văn chương nghệ thuật ấy đang gào

thét lớn lên rằng con người không phải là món hàng, không phải là đồ vật, mà con người là suy tư, là lo âu, là hy vọng, là chia sẻ, là cảm thông, là liên đới, là anh em với nhau. Sự mạng của nhà làm văn hóa là đặt trọng tâm vào văn chương nghệ thuật, cổ động cho dân chúng yêu văn chương nghệ thuật như nguồn vui mạch sống, như nhịp cầu thông cảm giữa các tầng lớp nhân dân ta và giữa nhân dân ta với nhân loại. Tất cả sự hỗn loạn của thế giới, sự tranh chấp chém giết nhau đang diễn ra trong dân tộc ta, sự phân hóa kinh dịch đang dựng đứng lên giữa các cá nhân, giữa các đoàn thể, giữa các tôn giáo... là bởi thiếu *tinh thần bao dung, thiếu tinh thần dân chủ, thiếu linh thần tự do*. Con người ngày hôm nay đi đến chỗ phân hóa cùng độ, chính bởi mỗi con người tự cho mình là một hòn đảo, là tuyệt đối, bắt mọi người phải chấp nhận mình toàn vẹn, mà không muốn chấp nhận ai. Tổ tiên ta ngày xưa đoàn kết nhau được, đùm bọc nhau được, là chính bởi các Cụ trọng *tinh thần dân chủ*, tức trọng cái quyền làm chủ của người khác, không xúc phạm chà đạp lên quyền làm chủ của người khác, không muốn bắt ép bất cứ ai phải nghĩ theo mình; đặc biệt nhất là các Cụ có *tinh thần bao dung*, tức là *tinh thần chấp nhận người khác, chấp nhận lý thuyết của người khác, chấp nhận tư tưởng dị đồng của người khác*,

hòa đồng mình với người khác. Lý thuyết Tam giáo Đồng nhấ. là một thứ lý thuyết ba phải, là tinh hoa của *tinh thần bao dung chấp nhận lẫn nhau*. Chính cái *tinh thần bao dung này* cổ động sự cảm thông, dung thứ, nhượng bộ nhau giữa các cá nhân, giữa các đoàn thể, các tôn giáo, khuyến khích *tinh thần phân công và hợp tác giữa các giới, các đoàn thể tôn giáo, chính trị, nghề nghiệp, văn chương nghệ thuật*. Đây là chính bí quyết của Hòa bình, một thứ Hòa bình chân chính trong đó mọi cá nhân bao dung nhau, mọi tôn giáo bao dung nhau, mọi đảng phái đoàn thể bao dung nhau, mọi lý thuyết, mọi ý thức hệ bao dung, nhân nhượng nhau.

10) Văn hóa Việt-nam hôm nay phải thể hiện ý chí hòa bình :

Dân tộc Việt-nam đang trải qua những ngày điêu linh, vì chiến tranh tàn phá, vì sự phân hóa nghi kỵ bốc lên ngùn ngụt. Nhà văn hóa, dù tự do mấy đi nữa, cũng không thể thờ ơ trước vận mạng của dân tộc đang bị đe dọa diệt vong vì chiến tranh. Nhà văn hóa hôm nay phải là sứ giả của hòa bình, một thứ hòa bình không phải chỉ là buông súng ngoài mặt trận có chiến tuyến để chuyển di sự chém giết vào hậu trường chính trị. Hòa bình mà nhà văn hóa vận động là hòa bình dựa trên *tinh thần bao dung, dựa trên sự chấp nhận lẫn nhau, nhân nhượng*

lấn nhau, tha thứ lẫn nhau, tức là dựa trên tinh thần dân chủ, tinh thần tự do.

11) Văn hóa Việt-nam hôm nay phải mang sứ điệp xã hội :

Xã hội hôm nay đang diễn ra đầy rẫy những bất công, những thối nát, những bóc lột lẫn nhau. Nhà làm văn hóa, tuy không gò bó mình như là chiến sĩ vô sản, nhưng nhà làm văn hóa hôm nay không thể thờ ơ lãnh đạm với tình trạng xã hội, với thân phận đen tối của đồng loại, không thể để mặc kẻ muốn sao thì ra xảy ra cho đồng loại. Như vậy là nhà làm văn hóa, dưới hình thức này hay hình thức khác, phải là sứ giả của lý thuyết xã hội, đem tinh thần xã hội vào trong văn chương nghệ thuật để văn chương nghệ thuật có thể góp phần giải quyết các vấn đề quốc gia dân tộc một cách thiết thực theo tinh thần bao dung, chịu đựng lẫn nhau, đùm bọc, dìu dắt lẫn nhau.

12) Văn hóa Việt-nam hôm nay phải là lý thuyết đồng tiến và phát triển toàn diện :

Xã hội ngày hôm nay đang bày ra muôn vàn sự chênh lệch. Người ta muốn đổi sự chênh lệch này để thay vào một thứ chênh lệch khác. Người ta muốn thay thế một giai cấp bóc lột đàn áp này bằng một giai cấp bóc lột đàn áp khác, do đó xã hội rồi ra chỉ

thay đổi giai cấp đàn áp và bóc lột chứ sự bóc lột và đàn áp vẫn lan tràn trong xã hội. Nhà làm văn hóa Việt-nam trong hiện tại phải là sứ giả của lý thuyết đồng tiến và phát triển toàn diện. Nói cách khác, ta phải cổ động cho chính sách trong đó mọi tài năng đều phải được phát triển, mọi cá nhân đều phải được bảo vệ. Con người là mục đích tối hậu của xã hội. Xã hội có vì con người, chứ con người không có vì xã hội, xã hội phải được quan niệm để giúp cho con người được phát triển toàn diện, toàn vẹn. Con người là cứu cánh của nó chứ con người không hướng về một cứu cánh xã hội nào cả. Chẳng những mọi con người được phát triển toàn vẹn đã vậy, mà mọi tổ chức, mọi đoàn thể, cũng được quyền phát triển.

Nói cách khác, mọi giai cấp, mọi đoàn thể, từ tôn giáo đến chính trị, đến văn hóa xã hội... phải được hưởng đầy đủ điều kiện để phát triển, để thi đua. Càng những tập thể nhỏ, càng những giai cấp thấp hèn càng được bảo vệ để có điều kiện phát triển. Lý thuyết phát triển đồng đều cho mọi người, mọi giới phải là lý thuyết ám ảnh nhà văn hóa Việt-nam hôm nay.

Trên đây là 12 khoản, 12 yếu tố của sứ điệp đang đòi hỏi, đầy đủ cho người làm văn hóa Việt-nam hôm nay. Nó không phải là thứ lý thuyết văn hóa gò bó nhà văn

hóa Việt-nam phải nỗ lực vào nó. Nhưng nó phải là những ưu tư hướng dẫn tinh thần văn hóa của nhà văn hóa Việt-nam để nhà văn hóa Việt-nam muốn tự do đến đâu thì tự do trong việc sáng tác

văn chương nghệ thuật, nhưng đừng làm gì như là phản bội, chà đạp lên một điều khoản nào trong 12 điều khoản trên đây mà nền văn hóa Việt-nam hôm nay đang mong chờ ở nhà làm văn hóa.

NHỮNG BIỆN PHÁP VĂN HÓA CẦN THIẾT

Một điều đáng buồn mà nhận định rằng, ở xã hội ta, hiện nay, hầu như mọi sáng kiến và sinh hoạt văn hóa đều là do sáng kiến của tư nhân, đều là sinh hoạt của cá nhân, hay tập thể nhỏ bé thiếu thốn mọi phương tiện. Tình trạng đó đã đưa đến cái cảnh sinh hoạt văn hóa ở đây nghèo nàn vô cùng. Nhà nước chưa có một chương trình, hay một cố gắng nào nhằm giúp đỡ phát triển văn hóa có qui mô. Bây giờ đã đến lúc nhà nước phải quan tâm đến văn hóa và dành cho nó một phần quan trọng trong việc phân định ngân sách quốc gia.

1) Nhà nước trước tiên phải tạo môi trường thuận tiện cho sinh hoạt văn hóa :

Chính sách văn hóa của nhà nước trước tiên không phải là đưa lý thuyết văn hóa gò bó cho nhà văn hóa mà là tạo điều kiện, tạo môi trường cho sinh hoạt văn hóa :

a) Như việc ban hành những đạo luật bảo vệ tác quyền cho các công trình nghiên cứu, sáng tác, phát minh của học giả, của nghệ sĩ, của khoa học gia. Các quyền

này đang bị các bọn côn đồ chà đạp để cướp cơm áo của nhà văn hóa chân chính.

b) Như việc trao trả cho nhà văn hóa quyền tự do nghiên cứu, tự do sưu tầm, tự do sáng tác, tự do khám phá mà không bị ràng buộc bởi những nha, những sở kiểm duyệt hẹp hòi, thiên cận ngăn cản sinh hoạt văn hóa.

c) Như việc cung cấp phương tiện vật chất như giấy in, giấy xuất bản sách.

d) Như việc lập hệ thống phổ biến, phát hành rộng rãi để các sản phẩm văn hóa đi đến người dân để dãi và việc trang trải thanh toán sản phẩm văn hóa được giải quyết để dãi ít bị mất mát vì qua quá nhiều trung gian.

2) Nhà nước phải lập thư viện, phát triển Thư viện Quốc gia :

Một Thư viện Quốc gia rộng lớn chẳng những có đủ chỗ ngồi yên tĩnh cho giới làm văn hóa có chỗ làm việc thích hợp mà nhất là có một thư viện dồi dào đầy đủ mọi tài liệu để nhà văn hóa khi cần đến bất cứ sách vở tài liệu nào thì thư viện phải cung ứng đủ :

a) Thư viện phải hội đủ mọi

tài liệu sách vở xuất bản trong nước.

b) Phải sẵn đón mua cho thật đầy đủ mọi tài liệu văn hóa cổ, không được để cho bất cứ một tài liệu văn hóa cổ nào lọt ra nước ngoài khi mà tài liệu đó chưa có ở Thư viện Quốc gia.

c) Phải liên lạc trao đổi tài liệu với các nước trên thế giới, phải làm vì ảnh các tài liệu về văn hóa Việt-nam hiện có ở các thư viện ngoại quốc.

3) Nhà nước phải thiết lập ngay một Văn khố Quốc gia :

Mọi tài liệu liên quan đến văn hóa Việt-nam đang bị tiêu diệt vì cho đến nay chúng ta chưa có Văn khố, cho nên các nhà, các sở đầy ứ tài liệu nên mạnh ai nấy tha hồ mà hủy bỏ tài liệu. Việc thiết lập Văn khố Quốc gia phải coi như là một biện pháp khẩn trương trong chính sách phục hồi văn hóa.

4) Nhà nước phải thiết lập những hí trường :

Cho tới ngày hôm nay, ngay thủ đô Sài Gòn :

— Nghệ sĩ chưa có hí trường để trình diễn kịch.

— Họa sĩ chưa có phòng để có thể triển lãm họa phẩm.

— Nhà văn chưa có câu lạc bộ để hội họp, để tổ chức những

buổi diễn thuyết, những buổi hội thoại văn chương nghệ thuật.

5) Nhà nước phải ra những đạo luật và thiết lập cơ quan bảo trì tài liệu :

Những tài liệu cổ quý báu, kho tàng của văn hóa đang đua nhau chạy ra ngoại quốc vì có những tổ chức quốc tế tung tiền mua thật đắt.

a) Nhà nước phải ra những đạo luật cấm xuất ngoại những loại tài liệu thuộc lịch sử quốc gia.

b) Phải thiết lập những cơ quan chuyên môn bảo vệ các tài liệu đó: như việc ngăn chặn xuất ngoại các tài liệu, nhất là sẵn đón để mua ngay tất cả những tài liệu đó bằng những giá phải chăng.

c) Phải khuyến khích, trao giải thưởng cho những ai cung cấp được tài liệu quý, tài liệu cổ.

6) Nhà nước phải bảo trì và dành ngân sách cho việc trùng tu các di tích :

Di tích lịch sử Việt-nam vốn đã hiếm, nay vì chiến tranh, các di tích đó bị tàn phá càng trở nên hiếm hơn.

a) Phải thiết lập những cơ quan có thẩm quyền để trông coi.

b) Phải dành ngân sách tương xứng cho việc trùng tu.

Thực chất vấn đề mâu thuẫn giữa người Việt Cộng-sản và không Cộng-sản

TRẦN TUẦN NHÂM

Tìm mọi cách để sớm thoát khỏi tình trạng thiếu mớ mang và cấp thời thanh toán mọi tàn tích bất công xã hội do thực dân để lại, đó là hai vấn đề cơ bản và cấp thiết nhất đối với một quốc gia vừa thu hồi độc lập ở vào thế kỷ này. Bởi vì những quốc gia ấy nằm rải rác trong một khu vực rộng lớn thường được mệnh danh là « *Thế giới đệ Tam* », động lực cơ yếu của phong trào giải thực, làm nền tảng cho lòng yêu nước và tinh tự dân tộc, chính là nhu cầu cải thiện đời sống, một đời sống quá nghèo đói, quá thiếu thốn và không có đủ những điều kiện sống tối thiểu của một con người. Thêm vào đó, vì nhu cầu của thống trị, thực dân đã phải tạo ra một tầng lớp tay sai được nuôi dưỡng bằng những đặc quyền đặc lợi do thực dân dành cho. Tầng lớp tay sai này, đối với thực dân, chúng là bọn trung gian thống trị; đối với nhân dân, chúng là một thứ *thực dân bản xứ* để mang sự đàn áp bóc lột đến tận hang cùng ngõ hẻm.

Chính vì thế mà ở những quốc gia vừa mới thu hồi độc lập đã đương nhiên đứng trước một yêu cầu cách mạng toàn diện cơ cấu xã hội. Nói cách khác, đối với những dân tộc này, đi liền với nỗ lực đấu tranh giải thực phải có một nỗ lực đấu tranh cách mạng xã hội như là một điều kiện để bảo tồn nền độc lập quốc gia và phát triển dân tộc. Mục tiêu căn bản của công cuộc cách mạng này bao giờ cũng phải là *thiết lập một trật tự xã hội mới*, tạo điều kiện đồng đều cho mọi công dân trong mọi phạm vi sinh hoạt và thăng tiến đời sống. Do đó, đối tượng đấu tranh trước mắt của một dân tộc trong hoàn cảnh này chính là cái thiểu số đã được thực dân ưu đãi nuôi dưỡng để sử dụng làm tay sai, bằng cách tước bỏ lập tức những đặc quyền đặc lợi mà thực dân đã ban cho chúng với mọi giá.

Nếu yêu cầu cách mạng đã là một yêu cầu lịch sử tất nhiên sau nỗ lực giải thực, thì cũng tất nhiên, những nỗ lực cách mạng trong trường hợp này đều vấp phải sức phản động

của tầng lớp tay sai thực dân với sự tiếp trợ của đế quốc thực dân. Bởi vì, trong công cuộc cách mạng này, tầng lớp tay sai, thực dân thường đã bị lực lượng cách mạng thanh trừng một cách tàn bạo. Một mặt chúng bị tước hết những đặc quyền đặc lợi đã do thực dân dành cho (vì yêu cầu của cách mạng), những đặc quyền đặc lợi mà do sự thủ đắc lâu đời, chúng tưởng như một tư hữu chính đáng. Mặt khác, vì chính tầng lớp này đã là trung gian thông tri của thực dân cho nên trong giai đoạn hậu giải thực, nó là hình ảnh của thực dân trước quần chúng, nó phải hứng chịu sự căm thù của quần chúng, một thứ căm thù cách mạng, biến dạng từ căm thù thực dân, tất nhiên nhiều khi khó tránh được sự tàn bạo đẫm máu. Vì thế, tính chất phản động, phản cách mạng của tầng lớp này, trước hết, trong nhất thời, là một phản ứng thụ động nhằm né tránh sự thanh trừng của nhân dân cách mạng, và trong trường kỳ là mưu cầu duy trì những đặc quyền đặc lợi.

Tầng lớp này, tuy chỉ là một thiểu số, nhưng lại có một sức phản động mạnh mẽ nhờ những cơ sở kinh tế và tư thế xã hội, nhất là nó gần như nắm trọn thượng tầng kiến trúc xã hội.

Trong khi đó, đế quốc thực dân bao giờ cũng có khuynh hướng muốn tái chiếm thuộc địa hay ít ra là tái lập ảnh hưởng vào cựu thuộc địa, vì thế bao giờ cũng mưu tìm cơ hội để trở lại cựu thuộc địa. Thực dân sẽ không bao giờ bỏ lỡ cơ hội mà

không lợi dụng khai thác sức phản động của bè lũ tay sai cũ, cũng như bọn tay sai không bao giờ bỏ lỡ cơ hội mà không liên kết để nhờ cậy thế lực thực dân. Chính vì thế mà một quốc gia sau khi thu hồi độc lập và bắt đầu phát động cách mạng, thì lập tức hình thành một lực lượng phản động cấu kết với cựu thực dân nhằm chống lại cách mạng.

Việt-nam sau cách mạng mùa Thu đã không thể đi ra ngoài qui luật của tiến trình cách mạng chung. Tuy nhiên, trong cái tiến trình tất yếu của lịch sử cách mạng, sản xuất chính trị Việt-nam lại chứa đựng một số dữ kiện đặc thù, tạo thành một diễn tiến đặc biệt với những khúc quanh lịch sử đặc biệt. Một phần tư thế kỷ sau khi giành được độc lập, vẫn không hoàn thành được công cuộc cách mạng, dù ý thức, cách mạng không bị bế gãy, và động thời cũng không kiện toàn được nền độc lập dưới áp lực nặng nề của các thứ đế quốc ngoại bang. Và, hậu quả là dân tộc này đã phải gánh chịu một cuộc chiến tranh tàn khốc suốt một phần tư thế kỷ mà người ta thường cố gán cho nó ý nghĩa ý thức hệ trong chiều hướng mâu thuẫn Cộng-sản — không Cộng-sản giữa những người Việt.

Căn bản của mâu thuẫn giữa người Việt Cộng sản và không Cộng sản:

Vấn đề Cộng sản được đặt ra trên sản xuất chính trị Việt-nam bắt đầu từ khi Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội được thành lập (6-1925), hay đúng hơn là từ khi ông

Nguyễn ái Quốc, với tư cách một cán bộ của *Đệ Tam quốc tế* tới Trung-hoa trong phái bộ Borodine (1-1925) để chuẩn bị đặt những viên đá đầu tiên cho thể lực Cộng-sản tại vùng Đông Nam Á. Thời kỳ này lại cũng chính là thời kỳ mà cuộc đấu tranh chống Pháp giành độc lập của nhân dân Việt-nam đi vào một khúc quanh mới, chuyển từ trạng thái thuần túy lực lượng vũ trang kháng chiến sang định thức chính đảng về phương diện hình thức, và chuyển từ hệ ý thức quân chủ phong kiến sang hệ ý thức dân chủ cách mạng, nếu xét về nội dung.

Thực ra thì hình thức thuần túy lực lượng vũ trang kháng chiến trong tinh thần khôi phục chủ quyền để tái lập trật tự phong kiến quân chủ đã chấm dứt với sự thất bại của các chiến khu Cần vương của Nguyễn thiện Thuật, Phan đình Phùng. Tiếp theo đó, là một thời kỳ chuyển tiếp bằng các phong trào vận động cách mạng có tính chất văn hóa giáo dục nhằm cải tạo xã hội, giác ngộ quần chúng, đào tạo thanh niên. Khởi đầu của thời kỳ chuyển tiếp này là *Việt-nam Duy tân hội* thường được gọi là Phong trào Duy-tân do ông Phan bội Châu cùng với các ông Tăng bạt Hồ, Nguyễn thượng Hiên, Nguyễn bá Quyền... thành lập ở Quảng-nam năm 1904 với ba mục tiêu chính : mở rộng dân trí, chấn khởi dân khí, vun trồng nhân tài. Hỗ trợ cho Duy-tân Hội là phong trào Đông-du nhằm mục đích khuyến khích và giúp đỡ thanh niên Việt-nam qua Nhật học hỏi, cũng do các

nhà lãnh đạo Duy tân hội phát động và hoạt động mạnh trong các năm 1907, 1908. Do thỏa hiệp giữa Nhà Nước thực dân Pháp và chính quyền Nhật thời đó, phong trào một mặt bị chính quyền Nhật làm khó dễ (1908), một mặt trong nước bị thực dân Pháp đàn áp mạnh, sau đó ít lâu Duy-tân Hội cũng tan rã. Cùng thời kỳ này còn có *Đông-kinh Nghĩa thực* (1907) do các ông Lương văn Can, Phan chu Trinh, Phạm duy Tồn, Trần đình Đức...thành lập nhằm mục đích cải tạo xã hội và giáo dục quần chúng bằng những phương tiện ngay trong nước như mở trường học (*Đông-kinh Nghĩa thực*), diễn thuyết, ấn hành tài liệu giáo khoa và các tài liệu tuyên truyền cổ động cho việc cải cách xã hội. *Đông-kinh Nghĩa thực* hoạt động được gần một năm thì bị thực dân Pháp giải tán và đàn áp.

Phải mãi đến năm 1911, sau cách mạng Tân Hợi của Trung-hoa, Phan bội Châu đang lưu vong ở Thái-lan (từ khi Duy-tân Hội bị đàn áp), trở qua Trung-hoa tụ họp đồng chí thành lập *Việt-nam quang phục hội* với tôn chỉ : khu trục giặc Pháp để khôi phục Việt-nam, dựng nước Việt-nam cộng hòa dân quốc, thì mới có thể kể là chính đảng Việt-nam đầu tiên được thành lập với một hệ tư tưởng chính trị mới. Sau khi Phan bội Châu bị nhà cầm quyền Quảng-đông bắt giữ theo lời yêu cầu của Pháp (1913) và Quang-phục Hội tan vỡ, thì khoảng đầu năm 1925, một số sinh viên các trường Cao-đẳng ở Hà-nội thành lập *Việt-nam nghĩa đoàn*, nối tiếp tinh

thần Quang - phục - hội. Việt-nam nghĩa đoàn, sau nhiều lần đổi tên từ *Phục Việt hội*, rồi *Hưng Nam hội*, rồi *Việt-nam cách mệnh đảng*, rồi *Việt-nam cách mệnh đồng chí hội* (với danh hiệu này, hội có một số liên lạc hỗ tương hoạt động với *Thanh niên cách mệnh đồng chí hội* của ông Nguyễn Ái Quốc), và sau cùng, năm 1927, hội đổi tên là *Tân Việt cách mệnh đảng*. Ít lâu sau *Tân Việt cách mệnh đảng* cũng tan rã vì chia rẽ, một số có xu hướng Cộng-sản, gia nhập Việt-nam thanh niên cách mệnh đồng chí hội, một số khác gia nhập *Việt-nam quốc dân đảng* vừa được thành lập do các ông Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu... Tuy có tổ chức chặt chẽ hơn và hoạt động có phương pháp hơn, Việt-nam Quốc dân đảng vẫn là nối tiếp tinh thần của Phan bội Châu lúc trước, nghĩa là chủ trương làm cách mạng dân tộc dựa vào chủ nghĩa Tam Dân của Tôn trung Sơn và tổ chức đảng cũng dựa khuôn theo Quốc dân-đảng Trung-hoa.

Tất cả những nỗ lực liên tục của nhân dân Việt-nam, từ những tổ chức kháng chiến đầu tiên của nghĩa sĩ Nam-kỳ, những phong trào Cần Vương, Văn Thân của sĩ phu Bắc và Trung-kỳ qua các phong trào vận động cải cách đến các tổ chức chính đảng sau này đều chứng minh một yêu cầu lịch sử bức thiết là *chống xâm lăng, giành độc lập* cho quốc gia và biểu lộ một ý chí sắt đá của dân tộc là đánh đổ nhà nước thực dân đô hộ của đế quốc Pháp. Nếu có điều gì phân biệt

quan trọng giữa các tổ chức đấu tranh từ sau 1911 với các phong trào trước đó thì không hẳn chỉ là định thức tổ chức mà chính là nội dung của nó. Rõ rệt ở các tổ chức đấu tranh chống thực dân sau này, ngoài mục tiêu chống xâm lăng, giành độc lập còn hàm chứa một dự phóng chính trị cho tương lai. Nói cách khác, vấn đề đối với tất cả các tổ chức này không phải là đánh đuổi thực dân để tái lập cơ cấu chính trị quân chủ xưa mà là nhằm thiết lập một cơ cấu chính trị mới có tính chất dân chủ. Chính ở điểm này, lịch sử đấu tranh chống thực dân Pháp của dân tộc ta chia ra làm hai khuynh hướng rõ rệt :

1) Một khuynh hướng có tính chất ôn hòa bảo thủ gồm những đảng không Cộng sản, điển hình và chủ yếu là Việt - nam Quốc-dân-đảng, chủ trương thiết lập một chế độ dân chủ chính trị sau khi đánh đuổi được thực dân Pháp chỉ có ý nghĩa như là một cái tổ vè định chế Nhà Nước thay cho định chế quân chủ phong kiến, còn cơ sở xã-hội, tổ chức kinh tế thì căn bản vẫn là nhằm *tái lập lại cái trật tự cũ*, tất nhiên có thể có những *cải cách* cần thiết.

2) Một khuynh hướng thứ hai có tính cách bạo động và cấp tiến là khuynh hướng của những người Cộng sản, chủ trương làm một cuộc *cách mạng toàn bộ và triệt để* cơ cấu kinh tế, xã hội, chính trị sau khi giải phóng được dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân.

Như vậy, thật sự giữa những

người Việt cùng tranh đấu cho một mục tiêu chung là chống thực dân giành độc lập cho quốc gia đã có sự khác biệt, mâu thuẫn. Đó là sự khác biệt về nội dung của công cuộc tranh đấu, là sự mâu thuẫn về cách xác định mục tiêu quốc gia và phương thức thực hiện các mục tiêu quốc gia trong giai đoạn hậu giải thực. Và như vậy, tự khởi đầu, mâu thuẫn Cộng sản — không Cộng sản giữa những người Việt chỉ là mâu thuẫn về cách bày tỏ và thể hiện lòng yêu nước theo quan điểm riêng của mỗi người. Nếu những người Cộng sản đã tin cậy ở chủ nghĩa Cộng sản thì cũng chỉ như những người Việt-nam Quốc-dân-dảng đã tin cậy ở chủ nghĩa Tam Dân.

Nhưng, đứng trước kẻ thù chung, kẻ thù chính yếu trước mắt là thực dân Pháp, dù là người Việt Cộng sản hay không Cộng sản, đều ý thức yêu cầu lịch sử trọng tâm là yêu cầu giải thực, nhận thức nhiệm vụ cơ bản là nhiệm vụ phản đế, cho nên vấn đề mâu thuẫn Cộng-sản — không Cộng-sản, dù đã có, vẫn chỉ là mâu thuẫn phụ. Mâu thuẫn chính yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt-nam tới đế quốc Pháp.

Vì ý thức yêu cầu trọng tâm của lịch sử, vì cùng nhận thức nhiệm vụ trọng yếu chung, nên tuy có mâu thuẫn, trong giai đoạn đầu giữa những người Việt Cộng-sản và không Cộng-sản đã có những sự hợp tác mật thiết, điển hình là Việt-nam thanh niên cách mệnh đồng chí hội đã từng huấn luyện người giúp cho Việt-nam

cách mệnh đồng chí hội (hậu thân của Quang-phục-hội và tiền thân của Tân Việt cách mệnh đảng). Ngoài ra, tuy tổ chức riêng biệt, hoạt động riêng biệt, nhưng tất cả hoạt động đều nhằm tấn công một mục tiêu chung là đế quốc Pháp. Khi người Việt không Cộng-sản phát động cuộc khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930), thì người Việt Cộng-sản cũng tổ chức nổi dậy trong phong trào Xô-viết Nghệ-an (7-9-1930). Và, ở cả hai trường hợp, những người Việt yêu nước đều đã gặp sự đàn áp dã man của thực dân Pháp.

Những yếu tố quốc tế ảnh hưởng tới mâu thuẫn Cộng-sản — không Cộng-sản tại Việt-nam

Lúc đầu, mâu thuẫn Cộng-sản — không Cộng-sản manh nha trong lòng dân tộc Việt-nam là một mâu thuẫn nội tại, không bị những yếu tố bên ngoài, những yếu tố quốc tế ảnh hưởng và chi phối. Trong khi đó, vì nhận thức rõ đối tượng đấu tranh chính yếu là đế quốc Pháp, ý thức rõ yêu cầu gay gắt của lịch sử là giành độc lập, nên nguyên tắc đi riêng, đánh chung giữa người Việt Cộng sản và không Cộng sản đã tiến hành tốt đẹp.

Mặt khác, tất cả các lực lượng đấu tranh chống đế quốc Pháp của người Việt, dù Cộng sản hay không Cộng sản, đều lấy miền Hoa Nam làm hậu cứ, trong khi đó tại Trung-hoa, vì yêu cầu chống xâm lăng Nhật, Quốc-dân-dảng là đảng cầm quyền, đã áp dụng nguyên tắc liên Nga dung Cộng nên

cũng không làm khó dễ gì các tổ chức cách mạng yêu nước của người Việt-nam dù là Cộng sản hay không. Ông Hồ chí Minh (Nguyễn ái Quốc) đã tới Trung-hoa để đặt nền tảng cho Cộng đảng Việt-nam trong hoàn cảnh ấy.

Đến giữa năm 1927, Trung-hoa từ bỏ chính sách *liên Nga dung Cộng*, ông Hồ chí Minh phải trốn khỏi Quảng-châu sang Mạc tư Khoa, trao quyền lãnh đạo Việt - nam Thanh niên cách mệnh đồng chí hội cho Hồ tùng Mậu, và tháng 1-1929, Hồ tùng Mậu bị nhà cầm quyền Trung-hoa bắt giữ, thì các cán bộ Cộng sản Việt-nam tuy có gặp khó khăn với những người không Cộng sản Trung-hoa, nhưng giữa những người Việt Cộng sản và không Cộng sản, vẫn không đưa tới những mâu thuẫn trầm trọng, các tổ chức yêu nước chống đế quốc của người Việt Cộng sản vẫn phát triển một cách tốt đẹp song song với những tổ chức của người Việt không Cộng sản.

Vì những khó khăn với nhà cầm quyền Trung-hoa (chủ yếu là do mâu thuẫn Cộng sản — không Cộng sản Trung-hoa), trong suốt khoảng thời gian 1929-1941, những tổ chức của người Việt Cộng sản đã không thể đặt cơ sở công khai hoạt động ở Hoa Nam được nữa mà phải dời qua Hương Cảng hoặc về nội địa. Tới năm 1941, ông Hồ chí Minh trở lại Hoa Nam, cùng với các đồng chí của ông lập Việt-nam Độc lập Đồng minh hội (9-1941), một tổ chức mà đường lối công khai không mang-

chút màu sắc Cộng sản nào, thì chủ yếu vẫn là nhằm né tránh những khó khăn với nhà cầm quyền Quốc-dân-đảng Trung-hoa hơn là vì mâu thuẫn giữa những người Việt yêu nước. Đầu năm 1942, ông Hồ chí Minh bị bắt vì nhà cầm quyền Trung-hoa khám phá ra rằng Việt-nam Độc lập Đồng minh hội, vẫn chỉ là một tổ chức hoàn toàn của người Cộng sản, chủ yếu vẫn là do mâu thuẫn Cộng sản — không Cộng sản của người Trung - hoa. Nói cách khác, cho đến thời kỳ này, giữa những người Việt Cộng sản và không Cộng sản, vì có mâu thuẫn mạnh mẽ nên đã *đi riêng*, nhưng đó vẫn chỉ là mâu thuẫn phụ trước mâu thuẫn chính là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt với đế quốc Pháp. Và do đó, trước yêu cầu bức thiết của lịch sử, yêu cầu phản đế giải thực, người Việt Cộng sản và không Cộng sản đã vẫn *đi riêng đánh chung* một cách tốt đẹp.

Khi Thế chiến thứ Nhì giữa một bên là trục quốc-xã Đức-Y-Nhật với một bên là các nước Đồng minh (gồm Cộng sản và Tư sản) bùng nổ và lan rộng sang Đông Nam Á-châu, các nước Đồng minh, cụ thể là Liên-sô và Trung-hoa đã dùng ảnh hưởng của họ, mỗi bên làm áp lực ép buộc người Việt Cộng sản và người Việt không Cộng sản kết hợp hành động, *đi chung, đánh chung*, chống kẻ thù trước mắt là phát-xít Nhật. Mục đích của các nước Đồng minh trong việc ấy là để mở rộng mặt trận chống phát-xít Nhật nói

đồng và trực quốc-xã Đức - Ý - Nhật nói chung.

Tháng 9-1940, Nhật đưa quân vào chiếm đóng miền Bắc nước ta. Tháng 7-1941, quân đội Nhật kiểm soát hầu hết tất cả các trục giao thông trọng yếu, các thành phố lớn tại Việt-nam. Ngày 7-12-1941, phi cơ Nhật tấn công và ném bom Trân-châu cảng. Mặt trận Thái-bình-đương giữa phe Quốc-xã với các nước Đồng minh lớn rộng thêm. Trước tình thế ấy, yêu cầu tổ chức du kích, đánh phá quân đội Nhật ở Đông Nam Á nói chung và ở Việt-nam nói riêng ngày càng cấp thiết.

Các nước Đồng minh, chủ yếu là Trung-hoa, tìm cách tập hợp lại các đảng phái Việt-nam không Cộng-sản để tổ chức du kích chống Nhật và giúp các nước Đồng minh về mặt tinh báo. Dưới sự bảo trợ của Trung-hoa, những đảng không Cộng sản thân Trung-hoa đã tập hợp lại và thành lập *Việt-nam Cách mệnh Đồng minh hội* (10-10-1942). Đối với Trung-hoa, việc thành lập *Việt-nam Cách mệnh Đồng minh hội* còn có ích lợi là có tác dụng để phòng mọi âm mưu của Nhật đang tìm những người Việt và các chính đảng chống Pháp để hợp tác với Nhật chống Trung-hoa.

Nhưng *Việt-nam Cách mệnh Đồng minh hội* đã không làm tròn được vai trò cũng như nhiệm vụ đã được trao phó. Vì thiếu cán bộ cơ sở, bộ đội vũ trang và hậu thuẫn quần chúng, nên *Việt-nam Cách mệnh Đồng minh hội* đã không có khả năng, phương tiện để hoạt động tinh báo,

tổ chức du kích, đánh phá quân đội Nhật.

Do sự can thiệp của người Mỹ và sự thương lượng giữa ông Hồ chí Minh với người Trung-hoa, nhà cầm quyền Trung-hoa đã trả lại tự do cho ông Hồ chí Minh. Đổi lại, ông Hồ chí Minh và đảng Cộng sản đã thỏa thuận trở thành thành-viên của Việt - nam Cách-mệnh Đồng-minh-hội, đồng thời giúp đỡ Trung - hoa và các nước Đồng-minh về mặt tinh báo và tổ chức du kích chống Nhật. Tháng 2-1943, ông Hồ chí Minh ra khỏi nhà tù và trở thành ủy viên trong ban Chấp - hành Việt - nam Cách - mệnh Đồng - minh - hội do Trương bội Công rồi sau là Nguyễn hải Thần chủ-tọa.

Việc người Cộng sản gia nhập VNCMĐMH đã đem lại nhiều lợi ích cho họ ở chỗ thông qua việc VNCĐMH nhận sự trợ giúp tài chính và quân sự của Trung-hoa và các nước Đồng minh, người Cộng sản đã dùng đó làm cơ hội để củng cố tổ chức và phát triển cơ sở riêng của họ. Sự kiện này là một mối đe dọa cho Trung-hoa, người Trung-hoa tìm cách đặt lại căn bản hợp tác giữa những người Việt Cộng sản với những người Việt không Cộng sản nhằm ngăn cản người Việt Cộng sản lợi dụng sự trợ giúp của Trung-hoa và các nước Đồng minh làm phương hại đến tương quan lực lượng giữa những người Cộng sản và không Cộng sản ở Việt-nam. Do đó, nhà cầm quyền Trung-hoa đã triệu tập một đại hội các chính đảng Việt-nam tại Liễu-Châu từ 25 đến

28-3-1944 và tiến tới việc thành lập một *Chính phủ Cộng hòa lâm thời*, Thủ - tướng Chính - phủ là ông Trương bội Công. Việc thành lập này nhằm giới hạn tự do hành động của người Việt Cộng sản trong một tổ chức có hệ thống hơn.

Nhưng thực tế, việc thành lập Chính - phủ Cộng - hòa lâm - thời không có tác dụng mong muốn vì những mâu thuẫn ngay trong nội bộ phe những người Việt không Cộng sản. Tự do hành động của người Cộng sản trong Chính-phủ Cộng-hòa lâm thời không những không bị hạn chế mà còn có phần thuận lợi hơn vì có thể nhân danh chính phủ này trong mọi hoạt động, tuyên truyền.

Ngày 9-3-1945 tạm ước Pháp-Nhật về Đông-dương đổ vỡ. Quân đội Nhật tấn công chớp nhoáng và đoạt toàn bộ quyền hành của Pháp tại Đông-dương. Nhiều người Việt không Cộng sản và nhiều chính đảng không Cộng sản, nhất là những chính đảng có thể chứng minh xuất xứ liên hệ với Nhật từ thời Phan bội Châu, chạy theo và cộng tác với Nhật, hy vọng rằng Nhật sẽ trả lại độc lập cho Việt-nam mà không phải đấu tranh hy sinh gì cả (!). Trong tình trạng chia rẽ, phân hóa như thế, tất nhiên thế đứng của những người Việt không Cộng sản ngày càng yếu so với thế đứng của người Cộng sản trên bàn cờ chính trị Việt-nam.

Ngày 6-8-1945, Mỹ thả bom nguyên tử xuống Hiroshima. Nhật thua trận đầu hàng.

Những người Việt không Cộng sản đã hợp tác với Nhật không còn chỗ đứng nữa. Những người Việt thân Trung-hoa, vì thiếu cán bộ cơ sở, lực lượng quần chúng, nên cũng không có khả năng, phương tiện để thừa cơ lúc Nhật thua trận mà củng cố và bành trướng thế lực của mình. Họ sống bên Trung-hoa đợi ngày về Việt - nam cùng với quân đội Trung-hoa sang giải giới quân đội Nhật. Chỉ có người Cộng sản, vì có sẵn chương trình và kế hoạch qui mô, có cán bộ cơ sở và lực lượng quần chúng rêu đã có khả năng, điều kiện phát triển cuộc tổng khởi nghĩa giành độc lập và từ đó xác định vai trò lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc Việt-nam.

Sự thất thế của các đảng phái không C.S. và vai trò lãnh đạo cách mạng của người C.S.

Trong công cuộc đấu tranh giải thực, các đảng phái không Cộng sản tuy không đóng nổi vai trò lịch sử, nhưng đã đi theo đúng chiều hướng lịch sử. Tuy nhiên, sau mùa Thu 1945, khi quốc gia thu hồi độc lập thì những đảng phái này đã không nắm được vai trò lãnh đạo, đã bị loại một cách nhục nhã ra khỏi chính trường Việt-nam, và vai trò lãnh đạo hoàn toàn nằm trong tay người Cộng sản. Sự thất thế của các đảng phái không Cộng sản thường được trình bày như là thiếu tổ chức khoa học, thiếu lãnh đạo sáng suốt và phải đương đầu với một địch thủ có quá nhiều thủ đoạn là

Cộng sản. Những yếu tố đó có thật, nhưng không phải là chính yếu. Nói cách khác, dù rằng các đảng phái không Cộng sản có được tổ chức khoa học hơn, có lãnh đạo tài giỏi hơn, và người Cộng sản có ít thủ đoạn hơn thì các đảng phái không Cộng-sản vẫn không thể nắm được vai trò lãnh đạo. Nguyên nhân chính yếu khiến cho các đảng phái không Cộng-sản *nhất định mất thế lãnh đạo*, hơn thế nữa, *nhất định bị loại khỏi chính trường*, là vì các đảng phái đó đã không còn đáp ứng yêu cầu lịch sử. Khi mà lịch sử không còn yêu cầu giải thực, hay yêu cầu giải thực không còn tính chất trọng tâm nữa mà yêu cầu lịch sử trọng tâm, cấp thiết là *yêu cầu cách mạng*, thì chỉ những lực lượng cách mạng mới có thể có vai trò trong lịch sử. Tất cả các đảng phái không Cộng sản trong thời kỳ này đều đã không có một nội dung cách mạng thật sự, nó bắt buộc phải chấm dứt chỗ đứng trong lịch sử. Chính điều này giải thích sự thiếu sáng suốt trong lãnh đạo và những lỗ lã chiến thuật như dựa Tàu, theo Nhật... như là một điều tất nhiên không thể khác được. Đó không phải là những không may ngẫu nhiên tình cờ hay chỉ là những ấu trĩ của cá nhân lãnh đạo mà là kết quả tất nhiên của một bản chất. Chính vì vậy nó đã tiếp tục sai lầm, tiếp tục ấu trĩ khi theo Tây lúc bắ m Mỹ ở giai đoạn sau này và cũng sẽ vẫn còn sai lầm ấu trĩ mãi mãi để chịu những phê phán nghiêm khắc của lịch sử.

Các lực lượng, đảng phái không Cộng sản trong thời kỳ chống thực

dân, từ động cơ thành lập đến mục tiêu tối hậu chỉ là giải thực. Sự phân biệt giữa đảng này với đảng kia chỉ là vấn đề hoàn cảnh ra đời, đường lối hoạt động hoặc tư cách lãnh đạo chứ không phải là tư tưởng chính trị, nghĩa là một quan niệm về cơ cấu kinh tế, chính trị, xã hội, một nghiên cứu nghiêm chỉnh về các mục tiêu quốc gia và một phương thức đúng đắn để thực hiện các mục tiêu quốc gia. Nói cho đúng hơn, về nội dung, giữa các đảng phái không Cộng sản không có sự khác biệt nào, bởi một lẽ giản dị, tất cả đều mang một nội dung trống rỗng như nhau, và chỉ được kết hợp như là một tập hợp những người có lòng trong ý chí chống đế quốc Pháp. Đó chỉ là những thứ *Lương Sơn Bạc* kiểu mới. Giữa những đảng phái này, nếu có gì khác nhau thì chỉ là cái danh xưng không có giá trị gì hơn là một phân biệt về ảnh hưởng của một số « lãnh tụ ». Và giữa mỗi thứ lãnh tụ ấy, sự khác biệt nhau không gì khác hơn là những cảm hứng học lỏm được ở Tàu, ở Nhật... Cho nên bên Tàu từng có *Hưng Trung hội* thì ta cũng có *Quang Phục hội*, *Hưng Nam hội*, bên Tàu có *Nghĩa hòa đoàn* thì bên ta cũng lập *Việt-nam Nghĩa đoàn*, bên Tàu có *Quốc dân đảng* thì bên ta cũng lập *Quốc dân đảng*. Thấy *Thanh niên cách mệnh đồng chí hội* hoạt động hiệu nghiệm thì ta cũng đổi tên là *Việt-nam cách mệnh đồng chí hội*... Cũng vậy, khi Nhật đang thắng thế, thì các đảng của ta, phải hợp thời trang bằng cách đeo thêm vào danh hiệu những từ ngữ *Quốc* - *xã*, hoặc kèm thêm chữ *Độc*... như

thần Đại Nhật-bản, Đại đồng Á của Nhật. Và như vậy, gạt những cái vô danh từ trống rỗng ấy ra thì không thể tìm thấy một nội dung chính trị, nhất là một nội dung cách mạng hiểu như một quan niệm thay đổi triệt để cơ cấu xã hội. Nếu có chăng, thì ở những vị lãnh tụ này, chỉ có một khái niệm mơ hồ về hình ảnh một quốc gia trong đó các ông quan thực dân được thay thế bằng các ông quan yêu nước sau khi thu hồi được độc lập.

Tất nhiên, trong giai đoạn bị trị, thì yêu cầu giải thực là yêu cầu lịch sử quan trọng duy nhất, và không có gì bắt buộc các lực lượng yêu nước phải là lực lượng cách mạng. Nhưng cũng chính vì thế mà vai trò của họ nhất định phải bị chấm dứt khi lịch sử chuyển sang giai đoạn cách mạng. Đó là trường hợp của các đảng phái không Cộng-sản sau cách mạng mùa Thu, khi họ đã làm xong nhiệm vụ ở một giai đoạn lịch sử.

Trong khi đó, tuy không hẳn đã có một vai trò trội bật trong thời kỳ tiền cách mạng, những người Cộng-sản Việt-nam đã dễ dàng đóng vai trò lãnh đạo từ cách mạng mùa Thu. So với các đảng phái khác, các tổ chức của người Cộng-sản trong thời kỳ này không những chặt chẽ, khoa học, lại có lãnh đạo tài ba, kỹ thuật hoạt động tinh vi với toàn bộ kế hoạch dài, ngắn hạn chính xác. Nhưng, những yếu tố đó, chỉ giúp cho người Cộng-sản có thể giữ vai trò lãnh đạo một cách mau chóng và dễ dàng hơn chứ không phải là

những yếu tố quyết định. Yếu tố quyết định chính là, ở thời kỳ này, Cộng-sản đã là lực lượng duy nhất có nội dung cách mạng. Vượt ngoài mục tiêu giải thực, đảng Cộng-sản chuẩn bị một chương trình cách mạng với đầy đủ sách lược đấu tranh cụ thể và dài hạn nhằm thay đổi một cách triệt để và toàn bộ cơ cấu kinh tế, xã hội, chính trị do thực dân Pháp tạo ra trên đất nước ta. Vấn đề không phải là từ đâu lực lượng Cộng-sản Việt-nam có được nội dung cách mạng, vấn đề cũng chưa phải là phê phán giá trị của nội dung cách mạng ấy. Vấn đề đặt ra ở đây là đúng vào lúc lịch sử chấm dứt nhu cầu giải thực và chuyển sang giai đoạn cách mạng, thì Cộng sản đã là lực lượng duy nhất đáp ứng nhu cầu ấy vì là lực lượng duy nhất có chủ trương cách mạng. Do đó, đương nhiên vai trò lãnh đạo phải nằm trong tay người Cộng sản. Chính từ đây mâu thuẫn Cộng sản — không Cộng sản giữa những người Việt mới trở nên gay gắt. Và cũng từ đó người ta có thể nhìn rõ căn bản của mâu thuẫn chỉ là vấn đề tranh chấp quyền lãnh đạo. Nói cho đúng hơn, là tham vọng tranh quyền của một số người Việt không Cộng sản sau khi đã mất thế lãnh đạo. Điều này giải thích thái độ ôn hòa, ngoan ngoãn của một số lãnh tụ các đảng phái không Cộng sản, vào năm 1946 khi được chia 70 ghế trong Quốc hội mà không phải qua cuộc bầu cử (!) và nhất là được dành cho một số ghế trong chính phủ của ông Hồ chí Minh.

(Còn 1 kỳ)

TRẦN TUẤN NHẠM

Viện trợ, khí giới của các cường quốc trong mưu toan thống trị Thế giới thứ Ba

NGUYỄN KHẮC NGŨ

Sau thế chiến thứ II, chính sách thực dân cổ điển đã cáo chung, các cường quốc kinh tế và cả các cựu đế quốc thực dân vẫn thường lớn tiếng rêu rao về chính sách «viện trợ» cho các quốc gia kém mở mang và coi đó là những chương trình vĩ đại để giúp đỡ các tiểu nước trên đường phát triển.

Kết quả của chính sách đó ra sao? Hình ảnh yếu kém của các nước trên sau một phần tư thế kỷ «*được viện trợ*» đã là những câu trả lời hùng hồn nhất. Tại sao lại có tình trạng đó?

Tổng hợp các *hắc thư viện trợ* người ta thấy cái gọi là «*viện trợ*» đó đã chứa đựng nhiều gian lận to tát.

Viện trợ cho số đông hay viện trợ cho một thiểu số?

Sự viện trợ được thực hiện dưới nhiều hình thức, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp như viện trợ trang bị (dường lộ, nhà thương, trường học, xe cộ v.v...), cho vay dài hạn, viện trợ thực phẩm (sữa, lúa mì), viện trợ tài chánh (ngân sách), viện trợ thương mại, viện

trợ quân sự (vũ khí, lương binh sĩ), viện trợ kỹ thuật (chuyên viên). Viện trợ có thể là viện trợ *song phương* như viện trợ Đức cho Kenya, viện trợ Pháp cho Ivory Coast, hay viện trợ *đa phương* như các nước góp tiền cho UNESCO, rồi UNESCO viện trợ lại cho nước khác.

Nhìn trên thống kê ta thấy năm 1953, các nước Tây phương kể cả Hoa-kỳ, Gia-nã-đại, Úc, Tân-tây-lan, Nam-Phi đã viện trợ cho Thế giới thứ Ba tới 8, 198 tỷ đô-la, các nước xã hội chủ nghĩa 425 triệu đô-la và các cơ quan quốc tế như UNESCO, FAO, OMS, UNICEF 654 triệu đô-la.

Như vậy các nước kỹ nghệ Tây phương đã viện trợ cho Thế giới thứ Ba một số tiền và vật liệu trị giá gấp 20 lần số viện trợ của Nga-sô và Trung-cộng. Song các điều kiện chính trị của các nước viện trợ thường là bắt các nước được viện trợ chấp nhận các chính quyền theo ý họ, các chính quyền độc tài, tham nhũng, thối nát làm cho tiền viện trợ tuy nhiều mà

thực sự vào tay người thụ hưởng chẳng bao nhiêu. Do đó viện trợ chỉ là nguồn lợi cho những kẻ cầm quyền chứ không hữu ích cho dân chúng. Kẻ cầm quyền càng có nhiều phương tiện từ bên ngoài đưa đến thì dân chúng càng dễ bị coi thường, dễ bị đàn áp và đó là nguồn gốc của các chế độ độc tài.

Tiền viện trợ không làm đời sống dân chúng sáng sủa hơn mà còn gây cho dân chúng nhiều cơ cực. Viện trợ Hoa-kỳ đã dung dưỡng một số lớn tay sai của họ. Bọn này được trả lương cao hơn với sức làm việc của họ (một kỹ sư làm việc cho chính phủ Việt-nam chỉ được trả 10.000 đồng một tháng, trong khi một bạn cùng bằng cấp làm cho Hoa-kỳ có thể được trả đến từ 50.000 đến 100.000 đồng). Nhờ số lương cao này bọn làm công cho Hoa kỳ đã làm cho giá sinh hoạt cao lên và đương nhiên đa số dân chúng không đi làm cho Hoa-kỳ phải chịu ảnh hưởng. Tiền viện trợ càng nhiều, Hoa-kỳ càng đòi đòi đô-la theo hối suất cao để ưu đãi bọn tay sai của họ bao nhiêu, thì đời sống dân chúng lại càng cơ cực thêm bấy nhiêu.

Viện trợ cho nước được viện trợ cũng là viện trợ cho chính nước viện trợ :

Mặt khác, tiền viện trợ đã được chính các quốc gia viện trợ buộc phải trao cho các tư bản hay chuyên viên chính quốc thực hiện.

Thí dụ Hoa-kỳ viện trợ dưới

hình thức tặng phẩm, lúa mì và gạo cho Việt - nam nhưng bắt chính phủ Việt-nam phải trả tiền cước phí vận tải qua các hãng tàu Hoa-kỳ với một giá cao gấp bội giá chuyên chở bằng các tàu nước khác... Hoa-kỳ viện trợ cho Việt-nam xa lộ, phi trường nhưng buộc phải trao cho các hãng tàu Mỹ (RMK) thực hiện, các hãng này đã nhận tiền bằng đô-la nhưng trả tiền công nhân Việt-nam bằng tiền Việt nên lương so với tiền đô-la thì thật thấp. Do đó số tiền lời họ chuyển về Mỹ lên đến 40% số tiền viện trợ. Viện trợ cho các nước nhược tiểu buộc dân chúng Hoa-kỳ phải đóng góp nhiều nhưng đem lại một mối lợi khổng lồ cho bọn tư bản. Viện trợ càng nhiều, bọn tư bản càng lời lớn.

Thêm vào đấy tiền viện trợ còn bị phung phí vào việc trả lương cho các chuyên viên, các nhân viên điều hành các tổ chức viện trợ. Nhiều nước nhận viện trợ đã phải kêu vì tiền viện trợ đã phải chi cho chuyên viên ngoại quốc với giá quá cao (150.000 quan Pháp một năm, tức là trên 1 triệu đồng VN theo giá chính thức) mà các chuyên viên đó không giúp ích gì mấy cho quốc gia thụ hưởng. Trường hợp này không thiếu gì ở VN, vì các cố vấn của Liên hiệp Quốc trong các cơ quan phần lớn không có khả năng và không quen việc, chỉ đến sở khời khời để ăn lương.

Tổng số tiền viện trợ của các

nước Tây phương năm 1963 chỉ độ hơn 9 tỷ đô-la một năm. Trong khi đó tiền chi tiêu vào việc quốc phòng của họ lên đến 140 tỷ đô-la.

Riêng Nga-sô mỗi năm chi vào việc quốc phòng đến 18 tỷ đô-la mà cả Nga lẫn Trung-cộng mới viện trợ cho các nước trong Thế giới thứ Ba được có 425 triệu đô-la một năm (1963). Pháp viện trợ cho ngoại quốc đến 1,70/o tổng lợi tức quốc gia, trong khi đó Đức chỉ viện trợ độ 0,81 o/o.

Tiền viện trợ này càng ngày càng kém đi, năm 1962 tổng số viện trợ cho các nước trong Thế giới thứ Ba là 1,02 o/o tổng số lợi tức quốc gia của họ, năm 1964 chỉ còn 0,95 o/o và đến năm 1966 chỉ còn 0,88 o/o. Song vấn đề chính đặt ra không phải chỉ ở chỗ viện trợ nhiều hay ít so với tổng lợi tức quốc gia mà còn là ở cách thu góp số tiền đó ở chính quốc. Người ta đã lợi dụng chiêu bài giúp đỡ các nước kém mở mang để gia tăng giá thịt (12 quan Pháp cũ 1 kg), giá vé cinéma (6 quan mỗi vé), giá xăng (1 quan mỗi lít)... nói là để giúp đỡ Thế giới thứ Ba.

Viện trợ chỉ là một hình thức chi phối chính trị :

Sự viện trợ của các cường quốc hoàn toàn không vô tư vì các nước viện trợ đã chi phối các nước nhận viện trợ trên nhiều phương diện, văn hóa, quân sự, thương mại và chính trị nói riêng.

Mọi người đã biết rõ sự mặc cả

bản thù của bọn phù thủy chính trị trong các dịp bầu bán ngay ở hội đồng Liên hiệp Quốc. Chiến tranh Việt-nam, chiến tranh Algérie và chiến tranh Do-thái—Ả-rập đã là những dịp để các cường quốc ép buộc các nước nhận viện trợ phải tuân theo nhiều điều khoản đặc biệt.

Chiến tranh càng khốc liệt, viện trợ cho đôi bên càng gia tăng thì sự lệ thuộc vào ngoại bang càng nặng, các nước nhận viện trợ chẳng chóng thì chầy sẽ trở thành nạn nhân của chính sách thực dân mới.

Liên-sô viện trợ cho Algérie, Ai-cập toàn những khí giới « tấn công » trong khi quân lính và dân chúng các xứ này còn thiếu ăn, còn mù chữ. Họ sẽ cơ cực bội phần khi cứ phải tiếp tục chính sách « chiến tranh » của các bậc đàn anh. Hậu quả của chính sách viện trợ này là các dân tộc nhược tiểu phải đóng góp nhiều hơn (ở Ai-cập năm 1966 đã xữ dụng tới 11,10/o tổng lợi tức Quốc gia cho ngân sách Quốc phòng) để phục vụ chính sách của đàn anh trong lúc đáng lẽ họ phải tung hết khả năng của họ vào công cuộc chống đói, chống dốt nát v.v...

Viện trợ và công cuộc đầu cơ não óc :

Trong vòng 20 năm gần đây, một hiện tượng lạ lùng đã xảy ra trong các nước kỹ nghệ là dù họ đã khuyếch trương việc giáo dục kỹ thuật, họ vẫn thiếu

chuyên viên, kỹ thuật gia và các nhà bác học.

Từ Thế chiến thứ II, các cường quốc trên thế giới đã nhận ra rằng nước nào có nhiều bác học, có nhiều sáng chế mới sẽ bảo đảm được phần thắng trong tay. Do đó Hoa-kỳ và Liên-sô đã cố gắng tìm kiếm các nhà bác học Đức mang về xứ.

Từ đó đến nay Hoa-kỳ đã trở thành xứ nhập cảng nhiều chuyên viên ngoại quốc nhất. Các chuyên viên này được thu hút từ các quốc gia Âu châu, và cả các quốc gia trong Thế giới thứ Ba. Hình thức thu hút nhân tài của họ là cấp học bổng du học cho các chuyên viên trên rồi mời ở lại cộng tác.

Trường hợp rõ ràng nhất là các Tiến sĩ Nguyễn xuân Vinh, Nguyễn đình Hòa, Trương bửu Lâm của ta sau khi học xong đã ở lại cộng tác với các trường Đại học ngoại quốc trong khi các Đại học trong nước không có đủ giáo sư giảng dạy.

Ở Pháp cũng vậy, trong khi Hoa-kỳ thu hút các nhân tài của Pháp sang Mỹ thì chính Pháp lại thu hút một số lớn chuyên viên của Việt - nam và của các cựu thuộc địa Pháp.

Trong khi chúng ta cứ mang tiếng là phải nhận viện trợ về chuyên viên của Hoa-kỳ và của Pháp nhưng sự thực số chuyên viên của ta hiện làm việc ở Hoa-kỳ gấp 10 lần số chuyên viên Hoa-kỳ cung cấp cho ta (1) và số

chuyên viên của ta cộng tác với Pháp gấp 2.400 lần số chuyên viên của Pháp viện trợ cho ta (kể cả mấy giáo sư mới ra trường bị đẩy sang Việt-nam dạy ở mấy trường Pháp).

Trong khi tổng số các bác sĩ ở Việt-nam chỉ độ 1.000 người để trông coi cho 17,5 triệu dân, thì ở Pháp số bác sĩ Việt-nam lên đến 2.500 người. Xứ Dahomey cũng vậy. Số bác sĩ Dahomey ở Paris cũng nhiều hơn số bác sĩ ở trong nước. Tình trạng này đã khiến ông Ehsan Naraghi, Giám đốc Viện Khoa học Xã hội ở Teheran, phải cảnh giác Liên hiệp Quốc từ năm 1966.

Maurice Guernier trong cuốn « Cơ hội cuối cùng của Thế giới



thứ Ba» (2) đã đưa ra các con số sau :

— 300/o bác sĩ làm việc ở Luân-đôn thuộc quốc tịch Ấn và Hồi — Trong toàn quốc Anh có đến 4.000 bác sĩ ngoại quốc.

— 400 y tá Ba-tư làm việc trong các bệnh viện ở New-York.

— Ở Hoa-kỳ có đến 20.000 y sĩ ngoại quốc và 11.000 nội trú các bệnh viện, nghĩa là 270/o các nhân viên bệnh viện là người ngoại quốc.

— Từ năm 1955 đến năm 1964 Hoa-kỳ « nhập cảng » trung bình 5.000 kỹ sư và khoa học gia một năm.

Năm 1965 số này tăng lên đến 6.000. Số chuyên viên này so với tổng số chuyên viên ở các nước kém mở mang (đang cần chuyên

viên) là một tỷ số rất cao.

Ấn-châu trong vòng ba năm đã cung cấp cho Hoa-kỳ tới 3.000 kỹ sư và khoa học gia, gồm toàn những người xuất sắc nhất trong xứ.

Năm 1966 có 1.143 giáo sư Ấn-độ giảng dạy tại các Đại học Hoa-kỳ trong khi số sinh viên Ấn du học tại Hoa-kỳ mỗi năm chỉ có vài chục người và số giáo sư Hoa-kỳ viện trợ cho Ấn-độ có thể đếm trên đầu ngón tay.

Năm 1965 có tới 574 kỹ sư thuộc các xứ Mỹ châu La-tinh bỏ xứ sang làm việc tại Hoa-kỳ.

Do-thái, dù đang thiếu chuyên viên để mở mang xứ sở, năm 1966 đã có 740 kỹ sư, giáo sư và kiến trúc sư bỏ sang làm việc ở Hoa-kỳ. Năm 1965 lại có đến 1.600 kỹ sư Do-thái sang làm việc ở Hoa-kỳ. Con số này gần bằng số chuyên viên tốt nghiệp đại học Technion ở Haifa trong năm.

Bởi vậy, trên tờ « *La Terre Retrouvée* » số ngày 15-1-1967, người ta đã viết : « Viện trợ kỹ thuật của Do-thái cho Hoa-kỳ lớn hơn viện trợ của Hoa-kỳ cho xứ này ». Lý do những kẻ ra đi thường là : « Quê hương không có đủ trình độ kỹ thuật để xử dụng họ » (thí dụ Việt-lam không có các trung tâm thí nghiệm không gian để xử dụng ông Nguyễn xuân Vinh chẳng hạn) và vì lợi



(1) Không kể ở các cơ quan quân sự.

(2) Maurice Guernier, *La dernière chance du Tiers Monde*, Robert Laffont, Paris 1968.

ích khoa học quốc tế hay khoa học không có biên giới họ phải ra đi.

Đó cũng là một trong các lý do. Song trước khi đưa một sinh viên sang Hoa-kỳ học trong chương trình viện trợ giáo dục, người ta hẳn cũng đã biết điều đó. Như vậy chứng tỏ rằng viện trợ giáo dục là một hình thức khai thác nhân tài thế giới.

Lối khai thác này khiến cho các nước đã giàu lại giàu thêm trong lúc các nước đã chậm tiến lại càng chậm tiến hơn.

Viện trợ và việc khai thác kinh tế:

Các xứ viện trợ thường khai thác các nước nhận viện trợ về kinh tế qua 3 phương diện thương mại, tài nguyên và nhân lực. Các nước kỹ nghệ thường bán được nhiều hàng sang Thế giới thứ Ba vì 2 lý do:

— Thứ nhất, dân chậm tiến vì mặc cảm, ưa mua các loại hàng mới nhất, tối tân nhất.

— Thứ hai, dân các nước chậm tiến vì lý do lạm phát, trung bình tiền thường mất giá 20/o một năm, nên đổ tiền ra mua hàng. Ở Thế giới thứ Ba, giá xe hơi, vải vóc, xi măng, thép v.v... tăng đều đều.

Trong khi đó, các nước trong Thế giới thứ Ba chỉ có thể bán cho các nước kỹ nghệ các nông sản (café, ca-caô, cao-su, dầu-dừa, dầu-lạc...). Giá các nông sản này thường đã rẻ vì mức sản xuất dư

trên thị trường mà lại còn có khuynh hướng hạ dần.

Năm 1954 ở Colombie người ta bán 14 bao café có thể mua được một chiếc xe Jeep nhưng năm 1961 người ta phải bán tới 39 bao mới mua được chiếc xe trên.

Ở Ivory Coast, năm 1958 người ta bán 1 tấn café có thể mua được 4.500 kgs sắt. Đến năm 1962 với số tiền bán 1 tấn café người ta chỉ còn mua được có 3000 kgs.

Ở Phi-châu năm 1960, bán 1 tấn cacao người ta có thể mua được 2.700m hàng trong khi năm 1965 người ta chỉ có thể mua được 800m (3).

Người ta đã tính ra được rằng số lợi tức mà các nước kỹ nghệ thu được ở Thế giới thứ Ba nhờ thương mại vào khoảng 10 tỷ đô-la — nghĩa là tương đương với số tiền — gọi là viện trợ.

Tình trạng này khiến cho nền kinh tế các quốc gia nhược tiểu càng ngày càng bẽ bét vì dù họ có cố gắng sản xuất thật nhiều để xuất cảng, số lợi tức của họ cũng không thể hơn được nếu không bảo rằng sẽ bị sút kém đi.

Đối với việc khai thác tài nguyên, viện trợ kỹ thuật lại là một cách dễ chi phối thị trường. Các nước kỹ nghệ viện trợ máy móc cho Thế giới thứ Ba trên mức độ thế nào để các nước này vẫn phải lệ thuộc họ. Thí dụ về phương diện kỹ thuật các nhà máy lọc dầu kiểu Hoa-kỳ chỉ có thể cung cấp dầu cho các nước thuộc khu

vực đô-la chứ không thể bán dần cho các nhà máy kiểu Nga.

Ở Việt-nam, các nhà máy dệt hiện tại phải mua sợi của Nhật, Trung-hoa, Đại-hàn hay Hoa-kỳ, các nhà máy giấy phải mua bột giấy ngoại quốc v.v...

Việc khai thác nhân lực cũng là những mục tiêu đáng kể của việc viện trợ.

Dưới hình thức đầu tư vào các xí nghiệp lớn ở các nước nhược tiểu, các quốc gia kỹ nghệ đã thể mướn một số công nhân lớn với giá rẻ mạt để đó thể thu vào một số lợi tức khổng lồ.

Trường hợp này không phải chỉ các nước chậm tiến phải chịu mà ngay cả Nhật-bản, một cường quốc kinh tế đứng hàng thứ ba thế giới cũng không thoát.

Nhật-bản sau ngày bại trận (1945) phải nhận viện trợ Hoa-kỳ, phần lớn dưới hình thức tư nhân đầu tư trong các xí nghiệp mang tên Nhật-bản.

Từ đó các xí nghiệp trên đã sử dụng số vốn phần lớn là của Hoa-kỳ, áp dụng kỹ thuật sản xuất theo lối Hoa-kỳ, chỉ có nhân công là Nhật-bản.

Sau một phần tư thế kỷ tranh thương, hàng Nhật-bản đã nắm được ưu thế trên thị trường thế giới. Ưu thế thế này không phải vì Nhật-bản có vốn lớn, cũng không phải vì kỹ thuật cao mà vì hàng Nhật-bản rẻ. Hàng Nhật sở dĩ rẻ hơn hàng các nước không phải vì nguyên liệu (Nhật-bản phải nhập cảng nguyên liệu

ngoại quốc), cũng không phải nhờ kỹ thuật sản xuất (kỹ thuật Hoa-kỳ) mà vì công nhân rẻ.

Như vậy người ta đã đem sức lao động của người công nhân Nhật-bản ra làm phương tiện để tranh thương trong khi các giới tư bản (phần lớn của Hoa-kỳ) ngồi chơi hưởng lợi lớn.

Viện trợ và ảnh hưởng của nó về phương diện tinh thần:

Mối nguy cơ nhất cho Thế giới thứ Ba trong việc nhận viện trợ là về phương diện tinh thần.

Việc nhận viện trợ đã mang lại cho các dân nhược tiểu mặc cảm tự ti đưa đến sự lệ thuộc tư tưởng một cách quá đáng.

Viện trợ giáo dục đã đạo tạo cho Thế giới thứ Ba một số các chuyên viên rất đáng chê trách về phương diện tinh thần.

Bọn chuyên viên học ở Pháp về coi cái gì của Pháp cũng là nhất, bọn học ở Hoa-kỳ về lại coi của Hoa-kỳ là nhất. Họ bắt chước «mẫu quốc» cả những thói quen tồi bại nhất và mang về phổ biến ở trong nước.

Pháp mở ở Việt-nam các trường Tây để đạo tạo một lũ «tây con», «đầm con», lúc nào cũng vọng về Paris một cách kính cần. Hoa-kỳ truyền bá tiếng Anh ở Việt-nam đồng thời với các sách vở báo chí phim ảnh thời thượng, đề rồi những người học được cái tinh túy của văn minh Hoa-kỳ chẳng có bao nhiêu nhưng những kẻ không ai dạy mà cũng học được

cái trò cowboy, hippy, sống theo lối Mỹ thì nhan nhản...



Những hắc thư về vấn đề viện trợ còn dài, dài bất tận...

Viện trợ không còn là « ảo vọng » của dân chúng tiểu nhược quốc mà đã trở thành mối nguy cơ vì nó dần dần đưa các nước trong Thế giới thứ Ba vào trong một guồng máy thống trị cực kỳ tinh tế của chế độ thực dân mới, một chế độ thực dân rất khó có thể đương đầu

vì nó không còn là những cái ách cụ thể dễ có thể phá vỡ được.

Nó là những cái bóng, những cái bóng núp trong cái vỏ lúc nào cũng rất đẹp, rất kêu, mệnh danh là nhân đạo, là tương trợ, là đồng tiến, là giúp đỡ các nước kém mở mang... Chúng ta có thể chống những kẻ vác súng xâm lăng chúng ta thực sự, nhưng phải sáng suốt lắm mới có thể không để bị những cái bóng u mê đó che mờ mắt.

NGUYỄN KHẮC NGŨ



SÁCH BÁO MỚI

Chúng tôi đã nhận được :

— **CÂU CHUYỆN THẦY TRÒ** của Huỳnh Phan, Trí Đăng xuất bản, dày 180 trang, giá 180 đồng. Sách gồm 5 bài tiểu luận : Giáo sư trung học, anh là ai ? — Thử phác họa một chân dung nhà giáo — Vài điều tối kỵ trong chỗ thầy trò — Tại sao tôi lựa nghề dạy học ? — Nghĩ về sứ mạng giáo dục hậu chiến. Có thêm Phụ lục ý kiến về Cách mạng Giáo dục của các ông : Lý Chánh Trung, Nguyễn Hiến Lê, Kim Định, Giản Chi, Phan Khôi.

— **TRONG LẶNG LẼ** của Việt-Hùng (Nguyễn qui Hùng), cơ sở Phạm quang Khai xuất bản, dày 500 trang, giá 350 đồng. Sách gần như một bút ký lịch sử diễn tả xã hội Việt-nam sau chính biến 1-11-1963, viết dưới thể văn nhật ký và lồng trong một câu chuyện tình.

— **CÙNG ĐÌNH**, thơ Nguyễn Âu Hồng, tác giả xuất bản, in ronéotypé, phổ biến hạn chế.

Tạp chí Trình Bày trân trọng cảm tạ các tác giả và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.



ghi nhận:

Viễn tượng quái thai của Luật Chương trình

THUẬN GIAO

Khi cuộc bầu cử bán phần Thượng viện đã xong xuôi, có lẽ Hành pháp, Lập pháp và cả dân chúng lại sẽ phải nói nhiều đến Luật Chương trình từ ba tháng nay nằm chờ bất động tại Thượng viện.

Hành pháp có một thái độ tuy tự tin nhưng nóng nảy rõ rệt với LCT được soạn thảo. Sau khi Hạ viện miễn cưỡng thông qua dự luật còn được mệnh danh là Dự luật Chấn chỉnh Kinh tế Tài chánh, Hành pháp từ tháng Bảy đã thúc hối Thượng viện biểu quyết dự luật của mình, như thể mọi bế tắc, xáo trộn trong đời sống kinh tế của quốc gia xuất phát từ một luật chương trình chậm trễ.

Trong tờ trình về Dự-luật Chấn-chỉnh Kinh-tế Tài-chánh, tác giả dự luật này, ông Vũ quốc Thúc, đã nói đến một cuộc khủng hoảng chuyển hoán (crise de reconversion) đang đe dọa ngày càng lớn lao đến nền kinh tế quốc gia, nguyên do bởi sự chuyển biến từ chiến tranh qua hòa bình. Ông Thúc đã đề cập đến nhiều «dấu hiệu» đáng lo ngại và làm viễn ảnh không sáng sủa. Khởi tiên tệ lưu hành trong sáu tháng (kể từ tháng 9-69 đến 3-70) đã tăng thêm 15 tỷ (từ 149,5 tỷ lên 164,5 tỷ). Cũng trong khoảng thời gian đó, theo ông Thúc cho biết, chỉ số giá tiêu thụ tăng 10 điểm (397 so với 247, hay khoảng 25 phần trăm), giá vàng tăng quá 50 phần trăm (21.000 đồng so với 13.000 đồng), giá chợ đen Mỹ kim từ 230 đến 340 đồng, dự trữ ngoại tệ giảm sút từ 260 triệu Mỹ kim còn 205 triệu. Ông Thúc báo động trong tương lai, nếu không khéo ngăn chặn (bởi LCT ?) nhiều thảm trạng kinh tế sẽ dẫn dắt kéo đến, ông gọi là nhịp độ tích lũy của cuộc khủng hoảng : lạm phát phi mã (inflation galopante), thất nghiệp ở những khu vực có liên hệ với ngoại quốc, tư bản đào tẩu, thị trường bấp bênh...

Tờ trình của ông Thúc đưa ra bốn mục tiêu của Luật Chương

trình, một luật cục bộ nhằm xin Lập pháp ủy cho Hành pháp quyền được ban hành những sắc lệnh trong lãnh vực lập quy có hiệu lực hủy bỏ, sửa đổi hay thay thế những luật lệ hiện hành :

1) Hành pháp có thể đối phó tức thời với âm mưu phá rối kinh tế của địch.

2) Ngăn ngừa hữu hiệu những cuộc khủng hoảng tiền tệ dễ xảy ra trong thời kỳ chuyển tiếp giữa chiến tranh và hòa bình.

3) Tạo dựng mau chóng một khuôn khổ pháp lý thích nghi để mọi tầng lớp nhân dân cũng như giới tư bản ngoại quốc có thể tham gia công cuộc chấn hưng kinh tế ở Việt-nam Cộng hòa.

4) Nâng đỡ các tầng lớp yếu kém về kinh tế.

Đề đạt được bốn mục tiêu đó, Nhà Nước đã xin các người đại diện của dân được quyền lập qui trong năm lãnh vực :

1) Thiết lập, tổ chức và qui định sự điều hành của các thị trường hối đoái, chứng khoán, vàng và sản phẩm.

2) Ấn định thể thức và điều kiện đầu tư của người trong nước cũng như ngoại quốc.

3) Thiết lập, tổ chức và qui định sự điều hành của các khu quốc doanh, các khu kỹ nghệ, các khu chính trang, các khu miễn thuế quan, các khu dành cho du khách.

4) Giảm bớt sự thiếu hụt ngân sách Nhà Nước bằng các phương pháp công thải, bán công sản, gián tiếp hóa và hữu hiệu hóa thủ tục hành thu và tổ tụng các sắc thuế.

5) Nâng cao mức sống của các tầng lớp yếu kém về kinh tế bằng sự thiết lập Quỹ Dân tộc Tương trợ, những cơ sở sản xuất do quân nhân và công chức phụ trách, những khu chung cư.

Trình bày những mục tiêu và phương cách đạt những mục tiêu đó một cách minh thị, chúng ta sẽ dễ thấy rõ hơn mức độ hữu lý và thành tâm của Hành pháp trong việc giải quyết « cơn khủng hoảng chuyển hoán » mà chính họ tự xác nhận.

Hai mục tiêu đầu tiên đã tố cáo chính phủ từ trước đến nay, trong thời chiến, đã không có một chính sách kinh tế nào để vừa ngăn ngừa sự phá hoại kinh tế của đối phương vừa kiềm chế lạm phát là một hậu quả tất nhiên của chiến tranh.

Tuy nhiên, trong giai đoạn « chuyển hoán » này, ta cần nhận định đối phương có thể đã giảm đi khả năng phá hoại nền kinh tế của ta, bởi theo những thống kê của Nhà Nước, ít nhất 90 phần trăm dân chúng sống trong vùng hoàn toàn an ninh và 98,6 phần trăm

sống những khu vực tương đối an ninh. Chỉ có Hoa-kỳ, với những viện trợ dồi dào, mới có khả năng lũng đoạn được nền kinh tế của ta, nhưng không lẽ ta làm L.C.T. cho người bạn đồng minh «tốt bụng» đó ?

Những cuộc khủng hoảng tiền tệ trong quá khứ đã triển miên đe dọa, không nói đến thời kỳ chuyển tiếp. Chúng ta đang chứng kiến một cuộc khủng hoảng tiền tệ ngày càng trầm trọng, đó là một cuộc khủng hoảng đã xảy ra, và chỉ là một tiếp nối của những cơn bệnh trước. Nói « dễ xảy ra » có lẽ chỉ gây hoang mang trước một tương lai như có nhiều biến số và người ta có thể ngăn ngừa « hữu hiệu » được nó.

Mục tiêu thứ ba là một mục tiêu trường kỳ, vì nó nhắm đến việc xây dựng những nền tảng pháp lý tạo sinh hoạt tương lai khi mà người trong nước và ngoại quốc có thể yên tâm làm ăn ở đây.

Ông Vũ quốc Thúc, khi cắt nghĩa về mục tiêu này, nói rằng chính phủ muốn tạo một khích động tâm lý nơi quần chúng, và với người ngoại quốc, rằng chính phủ quyết tâm xây dựng nền kinh tế do đó họ có thể yên tâm mà đầu tư ở Việt-nam. Ông tin rằng dân chúng khi thấy có những luật đầu tư mới « tiến bộ », sự thành lập những thị trường chứng khoán, thị trường vàng, khu vực quốc doanh, tư doanh... sẽ thấy hứng khởi, tin tưởng ở chính quyền và bỏ tiền vào việc xây dựng nông nghiệp, kỹ nghệ xứ sở thay vì cho đào tẩu tư bản đi các ngân hàng ngoại quốc.

Ta có thể nghi ngờ về lập luận này, bởi sự tin tưởng của dân chúng, nhất là những nhà tư bản ngoại quốc, nơi chính phủ không do nơi dự luật mà thành. Mọi sự cưỡng đoạt lòng tin như phá giá đồng bạc, lập luật đầu tư mới, mở thị trường chứng khoán và thị trường vàng.. có thể cuối cùng chẳng thêm một người nào cả tin mà bỏ tiền vào đây trong khi đó chỉ làm cho dân chúng thêm ngặt nghèo bởi những cuộc khủng hoảng mới.

Mục tiêu thứ tư là mục tiêu hấp dẫn nhất, lại chỉ được xếp hạng cuối cùng. Cách diễn tả mục tiêu này đã làm cho người ta e ngại về vai trò của chính phủ trong tương lai. Liệu Nhà Nước có đủ khả năng nâng đỡ những người yếu kém về kinh tế đầy đủ, toàn diện và lâu dài.

Như ta biết, những thành phần quân nhân và công tư chức đồng lương thấp kém, cố định, trong khi vật giá gia tăng tưởng như không ngừng. Ta có thể ngạc nhiên tự hỏi tại sao chính phủ không lo kiềm chế vật giá mà lại chịu khuất phục bởi vật giá và đi giúp những

người kém lợi tức chạy theo vật giá. Đây là một mục tiêu khó tránh thất bại, bởi chạy theo vật giá đã là một hạ sách, nâng đỡ cho dân chúng tuân phục tốc độ của giá sinh hoạt lại là một thất sách lớn hơn.

Chúng ta khó thể không đồng ý với chính quyền ở tình trạng đen tối về kinh tế cho quốc gia nói chung và cho nhân dân nói riêng. Sự phát triển quốc gia có thể là một mục tiêu dài hạn, bởi sự gia tăng nền sản xuất quốc gia, gia tăng Tổng Sản lượng Quốc gia, thăng bằng và hữu lý hóa cán cân chi phí, cán cân mậu dịch là những việc đòi hỏi hàng năm cho một quốc gia chỉ mới có những hy vọng thoát khỏi chiến tranh. Nhưng làm cho sáng sủa đời sống dân chúng, làm cho mọi người chia sẻ đồng đều gánh nặng cam khổ của chiến tranh, làm cho ngân sách quốc gia bớt thiếu hụt, là những mục tiêu tức thời của chính phủ.

Ta có thể đặt câu hỏi tại sao một dự luật chấn chỉnh kinh tế tài chánh nhằm đưa dân chúng qua khỏi cơn khủng hoảng chuyển hoán lại có thể ơ thờ, không minh bạch với những điểm quan trọng như vậy.

Những lãnh vực lập qui được ấn định ở dự luật chương trình hầu như cũng chỉ có tác dụng sơn phết huy hoàng một căn nhà mà nền tảng đang cần phải xây đắp lại. Ba lãnh vực đầu tiên nhằm đến việc xây dựng những định chế kinh tế tài chánh của một nền kinh tế đang đầy triển vọng phát triển, những định chế vừa phục vụ mục tiêu lâu dài là xây dựng nền kinh tế quốc gia mà cũng không phương hại đến quyền sống tức thời của dân chúng là những thành phần đang bồi đắp cho cái tương lai phát triển đó.

Hai lãnh vực sau là phần quan trọng nhất, bởi nó có thể sẽ giúp ta đạt được mục tiêu « đích thực » của một dự luật chấn chỉnh kinh tế, và nếu ta thấy không bàn đến tính cách mới mẻ hay không của những biện pháp ở hai lãnh vực cuối cùng, một số câu hỏi cũng còn phải trả lời.

Những biện pháp công thải, bán công sản, gián di hóa và hữu hiệu hóa thủ tục hành thầu và tổ tụng các sắc thuế là những biện pháp đang được chính phủ sử dụng. Đó là những biện pháp gia tăng phần thu và giảm bớt một phần chi để thăng bằng ngân sách của chính phủ. Những biện pháp này đều nằm trong thẩm quyền của Hành pháp, bằng chứng là lâu nay Hành pháp vẫn tự làm mà không hỏi ý Quốc hội và cũng không bị phản đối. Những biện pháp nhằm nâng đỡ quân nhân và công chức ở lãnh vực 5 cũng có thể được

Tổng thống đưa ra Quốc hội thảo luận và biểu quyết mà không cần phải áp dụng thủ tục khẩn cấp, bởi lẽ nhu cầu của những biện pháp này đã có từ lâu, và khi mà người ta đợi đến nay mới nói đến, ta có thể tin sự cần kíp tương đối đã được giảm thiểu hóa.

Tại sao Hành pháp có thể nhún nhặn đến mức phải xin phép Lập pháp làm những gì ở trong quyền hạn của mình, lại đồng thời yêu cầu Quốc hội trao cho mình làm những việc mà mình không thể can dự? Phải chăng sự bao gồm hai lãnh vực cuối vào L.C.T. chỉ để cho người ta thấy sự quan trọng của dự luật và mau chóng thông qua để cứu nguy nền kinh tế, mà không thấy được cái hậu ý của những người Hành pháp ở ba điểm đầu tiên?

Trong khả năng có hạn của nền sản xuất hiện tại chúng ta, vai trò của chính phủ trở nên quan yếu ở cơ năng phân phối và kiểm soát thị trường, vì chính sự hoàn thành của hai cơ năng này sẽ kiểm chế sự gia tăng của vật giá, đầu mối của lạm phát và những lời ta thán của dân chúng. Luật Chương trình của chính phủ đã không minh bạch ở hai cơ năng này.

Một nhiệm vụ khác Nhà Nước có thể làm trong hiện tại là chia đều gánh nặng chiến tranh để hạn chế bớt những phân cách và xoa dịu những bất mãn. Trong thực tế, những người nhà giàu vẫn đóng thuế rất ít, lại có quyền hưởng thụ rất cao. Tham nhũng hoành hành mặc cho Nhà Nước sáng «thanh minh» chiều «thanh nga» sẽ tàn diệt những kẻ hối mại quyền thế.

Tăng thuế để quân bình ngân sách bằng cách đánh thuế vào hàng hóa, rồi cuộc chỉ cớ người nghèo chịu nặng nhất bởi hậu quả dây chuyền và sự bất chánh của gian thương. Giảm chi là một việc chính phủ chưa sẵn sàng và chỉ bước từng bước một một cách chán nản.

Nâng đỡ quân công không phải là một sáng kiến mới mẻ, nhưng những khó khăn trong quá khứ cần phải được nhớ đến luôn luôn, vì cho đến nay, người ta vẫn không khắc phục được làm sao cho những mưa móc của chính phủ khỏi rơi vào tay của một số đầu nậu và những viên chức thấp hèn ở dưới vẫn nhận phần tượng trưng vừa nhỏ bé vừa hư thừa của mình. Những Quỹ Dân tộc Tương trợ, những cơ sở sản xuất do quân nhân công chức đảm nhiệm có thể chỉ là những chuyện nói mua vui khi mà khả năng tài chính của Nhà Nước cùng nền hành chánh còn nặng tinh thần phong kiến của ta chưa cải tiến.

Kết cuộc, một câu hỏi phải được đặt ra: phải chăng Nhà Nước

đưa ra LCT nhằm cứu nguy nền kinh tế khủng hoảng của Việt-nam, và nếu đó là một hảo ý có thật, liệu hy vọng thành công sẽ đến chừng nào.

Ta không thể chắc chắn, nhưng cũng không thể loại bỏ giả thiết cho rằng cây đinh chính của LCT là ba lãnh vực đầu tiên, vốn thường được ông Thúc và các viên chức khác của Nhà Nước cõ xuy và Hoa-kỳ cũng tích cực « tán đồng. » Bằng ba lãnh vực đó, người ta tiên đoán sẽ dẫn đến những hậu quả như phá giá đồng bạc, một luật đầu tư mới nhượng cho ngoại quốc nhiều tiện lợi, mở khu vực hải cảng tự do Cam-ranh. Dĩ nhiên, những biện pháp đó khó mà hữu ích cho quyền lợi trực tiếp và tức thời của dân chúng, hay ít nhất một đa số dân chúng đang cõm cõi vĩ gánh nặng của cuộc mưu sinh. Cái lợi trước mắt có thể chỉ là cánh cửa mở rộng cho một số thực dân mới đến khai thác tài nguyên Việt-nam một cách hợp pháp và rút đi.

Nhược bằng nếu chính phủ tin rằng họ có thể phục vụ dân chúng với LCT, ta thấy nền hành chánh hiện tại cũng khó mà làm cho việc thực hiện cái dự luật chân chính đó được suông sẻ, không nói đến thành công mỹ mãn. Trong hiện trạng kinh tế nước nhà, việc lãnh đạo kinh tế mang tính chất đa nguyên: Phủ Tổng Thống, Phủ Quốc vụ khanh Vũ quốc Thúc, Bộ Kinh tế, Bộ Tài chánh, USAID. Chưa bao giờ ta chứng kiến một sự phối hợp giữa năm cơ quan đó, nếu ta tránh nói đến những bất đồng về quyền lãnh đạo kinh tế xứ này. Về nhân sự, tham nhũng, tắc trách vẫn là những đặc tính nổi bật của nền hành chánh, và chính đó là yếu tố sinh tử cho việc thi hành chính sách quốc gia.

Một liên danh thân với khối đối lập Ấn Quang đã vào được Thượng viện. Thành phần mới mẻ này chắc chắn sẽ làm cho kết quả cuộc bàn cãi về LCT hứa hẹn nhiều bất ngờ — ít nhất hơn Hạ viện.

Ông Vũ quốc Thúc đã nói Luật Chương trình cần được thông qua sớm hơn một tháng để cứu nguy nền kinh tế trước khi quá trễ. Nay đã hơn bốn tháng Lập Pháp vẫn chưa quyết định về số phận của nó, và quyết định cuối cùng sẽ có thể biến luật này thành một thứ quái thai. Liệu chính phủ có dám chấp nhận một thứ quái thai như thế không ?

THUẬN GIAO



văn nghệ :

Hộp thịt Mỹ

HUỲNH NGỌC SƠN



Một người đàn ông già hơn tuổi thanh niên chừng năm bảy năm cầm tay một thằng bé bước lên thềm hiên ngôi nhà gạch cũ. Anh ta mặc cái quần dài ka-ki vàng và chiếc áo khố định màu. Anh đưa tay kéo hai cánh cửa gỗ khép hờ, mở rộng, lộ mặt vào. Căn nhà vắng vẻ. Anh định tháo lui nhưng thằng bé đã chạy xộc vào trong. Một giọng nói ồ ồ từ nhà dưới vọng lên :

— Ai đó, mời xuống đây.

Anh bước về phía giọng nói vừa phát ra. Thằng bé bám sát sau lưng. Người có giọng nói ồ ồ hồi nãy là ông già, chưa già lắm. Ông và gia đình, tất cả gồm sáu người, ngồi hai bên chiếc bàn gỗ. Cối không gian này ấm và thơm. Hơi khói từ những cái đĩa, cái thau nhẹ phảng phất lên. Hai đầu bàn gỗ, hai thau đầy cơm trắng, nhỏ tròn như một quả đồi trọc. Chính giữa bàn, những đĩa đồ ăn an tọa trên vị trí định sẵn. Một cái đĩa lớn, bên trong nằm vắt vào những đợt rau khoai non mơn và mềm mại.

Cạnh nó, chén nước mắm ớt bột đỏ kết thành những chiếc bè nổi rải rác trên mặt. Mấy lát cà chua trong hai dĩa canh bất động như những cánh thuyền còn say giấc. Giữa hai dĩa canh, đĩa thịt màu đỏ sẫm chiếm một vị trí ưu tiên. Trong góc bàn, cái lon màu chàm đã bật tung nắp, vượt cao, chồm chệ. Những cái chén không, yên lặng trước mặt mọi người, bắt đầu xê dịch. Những dĩa dưa chuột từ người này sang người khác khởi sự múa may. Người đàn ông hai tay vói tới dĩa cơm, miệng chào :

— Anh Điều, ngồi chơi anh. Tôi ăn vài miếng cơm đã...

— Ăn chi mà sớm rửa bát Dục.

— Ờ, ăn cho rồi kéo lờ dầu lờ dền vô ích...

Điều ngồi xuống bộ phận thấp kê gần bàn ăn. Thằng bé để lọt thân vào giữa hai đầu gối nhỏ cao, mở rộng của anh. Nó đứng không yên. Chân nó cử động mãi như chuẩn bị lần tới trước. Ngực nó ưỡn thẳng, cọ sát vòng tay khép kín của Điều. Cổ thì

nhường cao lên, đầu thì hơi gục xuống như một chú cò đang tìm mồi. Mắt nó liên thoắt, đậu ở miệng người này chưa vững đã vội bay đến miệng người khác hay phóng theo đà của những đôi đũa và ngừng lại khá lâu tại một chỗ thích ý. Chốc chốc đôi mắt nó chớp thật nhanh, miệng khẽ nhóp nhép rồi ngáp gió và cục u ở cổ cử động. Thắng bé ngược nhìn Điều, tay thập thò chỉ về bàn ăn, gọi nhỏ nhỏ :

— Cha...

Điều nắm chặt bàn tay thắng bé trong tay mình, mắt gườm gườm nhìn xuống.

Bên bàn ăn sự hoạt động đang ở thời kỳ mạnh bạo. Những đôi đũa thanh niên tới tấp giăng xuống trung tâm bàn ăn. Ông Dục đảo mắt nhìn quanh rồi hạ đôi đũa xuống đĩa rau khoai hai ba lần liên tiếp. Ông gõ đôi đũa vào đĩa rau. Ông lại gõ thêm một cái nữa, miệng ngồm ngoàm nói, mấy tiếng đầu không rõ :

— ... ăn nhìn nhìn hơn nhìn ăn. Cừ xoắn mãi con mồi như mấy con quạ đói rĩa xác chết không bằng...

Câu nói rơi vô duyên giữa sự im lặng. Ông Dục chùng như cảm thấy khó chịu nên quay mặt về phía Điều phân trần :

— Người ta bán thịt hộp đầy chợ, tội chi mình không mua về ăn cho biết. Thịt hộp của Mỹ không bằng của Tây thời trước, mà ăn cũng ngon đáo để. Nhưng mà ăn cho được thịt hộp không

phải là chuyện dễ, tốn tiền ghê lắm, không biết dè xẻn thì có bạc bao bố xài cũng không nổi. Nói cho đúng thì người mình tài thiệt, Mỹ mới về đầu hôm, sớm mai đã có đồ hộp đầy chợ. Mấy bữa nì, không đi than củi được nên người ta bu quanh mấy trại lính Mỹ. Anh rảnh rảnh không ra ngoài đó coi thử, may ra kiếm chác về xài...

— Dạ...tôi chịu thôi, có chết đói thì chết, chớ mon men tới gần họ tôi sợ lắm. Hồi trước thắng Tây đen hần nên tôi mấy báng súng tính gây xương, tôi còn nhớ mãi, đến chừ nghe lại cái thứ tiếng nói lua lua như lua canh đó tôi còn sờn ốc.

— Nhớ lại hồi trước mần chi cho mệt. Nghèo thì kiếm ăn chớ hơi mô mà sợ sệt...

Điều cáo từ ra về. Nắng đã tắt. Ngày lè lết quá nặng nề. Điều không biết làm gì cho hết khoảng thời gian rảnh rỗi vô vị. Anh ngồi nằm chán rồi đi đứng dật dờ hay dẫn thắng bé đến nhà này nhà khác tán gẫu...

Điều tới gần nhà, ngo ngoái lại không thấy bóng dáng thắng bé đâu cả. Thắng bé b ớc từng bước ngẩn như muốn giật lùi lại. Mâm cơm ở nhà ông Dục đang đeo ngờ ngờ trước mắt hần. Hần mở mắt thật to, rồi nhấp nháy nhiều lần vẫn không xua đuổi được hình ảnh quyến rũ của đĩa thịt màu đỏ hồng. Nước bọt trong cổ hần chảy ròn rột. Hần đứng lại. Hần ngó lui. Bóng tối

chưa che khuất nhà ông Đức. Hấn lại nuốt nước miếng và lắc đầu.

Khi thẳng bé bước chân vào nhà thì mẹ hấn đang soạn chén bát rộn ràng. Trên mặt phản gỗ, một mâm cơm mới chớm bình thành. Cái mẹt tròn màu gỗ cũ dùng làm mâm. Giữa lòng mẹt là đĩa mấm dưa duy nhất, những lát dưa màu xỉn xỉn như những viên gạch ngấm bùn lâu ngày. Cái nồi lọ nghe đen thui vừa bật tung nắp vung, hơi tủa lên như ống khói tàu lửa. Mấy chén cơm trên mặt ngồn ngang những lát khoai khô như những que củi chổng chất lộn xộn che khuất vùng đất phía dưới. Anh chị Điều ngồi xuống, cái nôi dong đưa kêu ọt ọt bên cạnh. Cây đèn bồng treo cao phả ra ánh sáng vàng mờ. Thằng bé lưng dựa cột nhà, mắt liếc nhanh qua mâm cơm. Hấn cúi xuống, vẻ bồn thần như bất mãn điều gì mà chưa tiện nói ra.

— Lại ăn cơm cho rồi con. Chị Điều vừa xới cơm, vừa nói. Thằng bé đứng yên, mắt nhấp nháy lia lịa. Điều thúc giục :

— Lại ăn cơm cho rồi, Hai.

Thằng bé lầu bầu, tiếng nói bị cột lại trong miệng :

— ... không ăn.

— Răng mà không ăn, hả ?

Thằng bé trả lời câu hỏi của Điều bằng mấy giọt nước mắt lăn từ từ trên má. Điều bần người lên khỏi chỗ ngồi, chạy đình đình xuống bếp. Mắt anh lờm lờm xán lại gần Hai, tay cầm cây roi

đưa cao, hùng hổ :

— Mi muốn ăn cơm hay ăn roi, hử, nói mau.

Anh phết ngọn roi vào mông Hai, giọng tự nhiên chậm nhẹ :

— Nhà mình nghèo cha mẹ sắm được chi thì ăn nấy. Không phải thấy người ta ăn sừng mà thêm khát đòi cho được. Có cơm ăn là may lắm rồi. Tau mà ở nhà ít ngày nữa thì chết đói cả lũ... Mi nghe tau nói chi không, bước lên, mau, tau răn cho vài roi mà quay đưng lên chừ...

Hai liu riu leo lên phản. Nước mắt đầm đìa mặt mày. Những tiếng ầm ừc dồn dập hấn nuốt không kịp nên thỉnh thoảng nấc to lên. Những tiếng hu hu được dịp bùng ra theo, bị chặn lại, tạo thành những tiếng khóc cụt ngủn, không đầu không cuối... Tay bưng chén cơm để yên trên hai chân xếp bằng. Tay cầm đĩa cột cứng với đầu gối mặt. Nước mắt chảy xuống chén cơm, những lát khoai ướt ướt, màu gỗ cũ trở nên đen hơn.

Điều ngồi thừ, hết nhìn thẳng bé lại nhìn đĩa mấm và chén cơm trên tay. Anh và vài lát khoai vào mồm. Những lát khoai khô sao mà cứng như đá. Anh gắp một lát mấm dưa. Lát mấm dưa sao mà mặn quá chừng. Anh nhai thật lâu vẫn còn thấy xô xảm, lờn nhờn, và chất nước ngấm vào lưỡi đắng ghét. Những ngày đi đốt than khó nhọc, lem luốc, nóng nực nhưng Điều không cảm thấy mệt như người bằng mấy ngày

ngồi không vừa qua. Quăng gánh than xuống đất, gánh nặng trên vai, trong người như không còn dính dấp hơi hám gì. Điều sà xuống phân, cạnh mâm cơm dọn sẵn ăn ngon như chém, mặc dầu thức ăn không có gì khác ngoài đĩa muối mè, đĩa cá kho hay khá lắm là thêm đôi canh rau. Tự nhiên Điều quắc mắt nhìn vợ. Người vợ không hiểu tại sao cũng vội cúi xuống chén cơm im lặng. Điều ngó xuống bụng, miệng thì thầm như nói cho chính mình nghe :

— Tôi cũng chán ngán, nuốt không vô. Ở nhà thêm một vài ngày nữa chắc phải chết đói...

Điều ngước mắt nhìn vợ, nói tiếp :

— Mua qua bên quán, mua chịu mua lửa chỉ cũng được, mua cho hẳn một hộp thịt, thứ ít tiền nhất. Nói họ lựa cho hộp thịt bò.

Mâm cơm có thêm món ăn mới, món ăn mà từ thuở cha sinh mẹ đẻ anh chị Điều chưa hề đụng tới. Dĩa mắm dứa trở nên nhộp nhúa, tro trên, khi có đĩa thịt bên cạnh, như một tên đốt than, mặt dính đầy lọ nghe đứng gần một người to lớn, sang trọng. Người đời thường đặc biệt chú trọng đến kẻ sang trọng và bây giờ gia đình anh Điều cũng thế. Thắng Hai quá nồng nhiệt tiếp đón kẻ sang trọng kia. Những miếng khoai bết xỏ xám, trời nhe, tự nhiên, như nước chảy xuôi trên đá nhẵn. Những miếng cơm khoai bây giờ không còn là những miếng cơm khoai trước đây nửa

phút. Mùi vị thường bữa không còn dính dáng tí gì ở đầu lưỡi. Đôi đũa của thắng Hai vừa gần thêm đôi mắt của chú bói cá tỉnh đời.

Bữa cơm đó gia đình anh Điều ăn hết trơn. Trên mâm, đĩa mắm cá màu xỉn còn nguyên. Anh chị Điều đứng dậy. Thắng Hai ngồi bè he một tay ôm cái nồi đồng, một tay cầm cái muỗng cạo rồn rột.

Đầu hôm, nghe tin lính Mỹ nhỏ trại, Điều soạn sẵn cặp bội để giữa sân. Anh thức dậy khi gà vừa gáy đầu. Cơm ăn, cơm bới xong xuôi cả rồi anh ngồi đợi, nghe ngóng. Anh đợi mãi vẫn không nghe động tĩnh gì báo hiệu lính Mỹ đang di chuyển. Những chiếc xe về bữa trước, bây giờ chở lính đi thì phải nghe tiếng ù ù chớ. Anh ngồi tới sáng trời vẫn không nghe thấy gì khác. Thế là mất một ngày nữa. Cơm đùm, cơm bới, dậy sớm, chờ đợi thiệt vô ích.

Mãi đến khi mặt trời cao quá đôn gánh, tiếng ù ù của xe cộ mới bắt đầu nổi dậy. Tiếng la ó vang rền trời. Vài cánh máy bay lượn quanh, lượn quanh rồi hạ xuống trên những đụn khói xanh, khói hồng. Mặt trời cao quá vài con sào thì lính Mỹ đã lũ lượt đi hết. Vùng ruộng hoang trở lại trống trải. Lốp cỏ xanh đều đặn trước kia đã bị cây xới làm biến màu nhiều chỗ. Những cái thùng gỗ vứt bừa bãi ngổn ngang. Giấy tờ vung vãi khắp nơi như một bãi

hoang năm gần thị trấn đông người. Những cái lon, hộp nằm rải rác hay un dống, cái thì há hoác miệng, cái thì cháy đen. Linh Mỹ vừa bước lên xe lập tức đồng ruộng bị một nhóm người khác chiếm cứ. Người từ đâu chạy về càng lúc càng đông, lớn có nhỏ có, người đội nón, người phơi dầu trần, và có người cần thận hơn (hay kinh nghiệm hơn) mang lè kê bên lưng một cái bao. Người ta chia từng nhóm một, bu quanh những vùng đất vừa nhô trại hay tảo tác tìm kiếm moi móc trong các bụi bờ. Họ giành giật nhau, họ chạy đua nhau, nhiều khi không dẫn lòng được họ chưởi bới nhau, hăm dọa nhau, xô xát nhau. Những đứa trẻ lanh lẹ, cướp được một vài hộp, ôm chặt vào lòng, nhảy cẫng tung cả tung, hả hê. Những người già chạy không kịp tụi nhỏ, bị tụi nó cạnh tranh bất chính nên la hét chưởi thề đến rách khẻ miệng. Mọi người làm việc hăng say như chú hết tâm sức vào vụ mùa bất thường hiếm có.

Điều ngồi vác mặt ra đường, lơ đãng. Thắng Hai đứng giữa sân chăm chú theo dõi những người đi về. Một vài người vut ngang trước mặt nhà, gọi vói vào như nhắc nhở Điều. Một vài người rút rè, thận trọng cù rử anh đi cho có bạn. Anh từ chối, anh nêu ra những lý do mà người ta cho là ngu, là nghèo mà làm cao, chết đói sau lưng còn ở sạch. Rủ

không được anh họ cũng ra đi. Anh nhìn người ta nổi đuôi nhau đến ngợp mắt. Những người mang về một bao đầy sau lưng, vói vàng hí hửng. Anh kêu lại hỏi chuyện, họ giả dờ không nghe, chuồn gấp. Thắng Hai chạy vô chạy ra nao nức. Anh cản lại, dọa nạt. Hẳn đứng ở giữa sân mà mắt thì đậu ở đồng ruộng. Hai quay lại bên anh khăn khăn. Anh đưa tay muốn xàng xuống mặt hẳn một tát nhưng anh dừng kịp. Đã thế, sự háo hức ở cặp mắt thắng bé như đang truyền sang anh. Anh nhượng bộ hẳn mất rồi. Nhưng hẳn không thể đi, chính anh phải đi kia mới đúng. Anh xách nón bước vài bước, tự nhiên lòng hăng hái bay mất. Người ta kể đi, người về đầy đường. Anh quay lui, thắng Hai còn đứng giữa sân. Đôi mắt hẳn nhìn chòng chọc vào miệng người ta. Người ta nuốt, cục u ở cổ hẳn chạy rồn rột. Giọng ông Dục hách dịch, tỏ ra là khôn ngoan biết điều, biết ăn miếng ngon, lại chê anh là ngốc nghếch, khờ khạo. Nhưng biết đâu ông có lý, không kiếm được nhiều đề bán, thì kiếm một ít cho con cái ăn...

Trên đồng, nếp sinh hoạt bắt đầu đổi dạng. Người ta không còn chạy đua với nhau nữa mà lại cầm cuốc, cầm xẻng như đi khai ruộng. Họ dò dẫm những chỗ đất còn mới để khám phá bí mật. Một vài cái hầm, người ta mới khới sơ sơ vài lát cuốc đã thấy

ngay những cái hộp màu chàm. Người ta vỗ vập ủa vào. Anh Điều nhìn say sưa và quên mất vẻ dè dặt mang sẵn trong lòng. Nhưng anh không thể giành giật với họ được. Anh và hai người nữa xúm quanh một vạt đất nhỏ. Những lát cuốc dò dẫm ban đầu nhẹ nhàng không tin cậy mấy. Những lát cuốc sâu hơn như gặp phải một lớp gì cứng cứng dội ngược lên. Một tiếng « kèn » của kim khí va chạm nhau. Những lát cuốc mạnh, nhanh dồn dập, lớp đất lùa ra để lộ một nửa cái vành lon. Một bàn tay đưa vào, vội vàng giật lùi, vì một lát cuốc bổ xuống liền sau khi vừa giở lên. Bỗng « dưng » một tiếng, bụi đất bắn tóe, những chiếc lon bay ngược cao

lên và mấy người xung quanh bật ngửa. Ba người nằm bất động, máu từ từ thấm đỏ áo.

Xe Mỹ chở những người bị thương đi chừng năm phút sau. Những người còn lại trên đồng hốt hoảng rút lui, dành khoảng trống cho những thằng bé bạo gan.

Ngay chiều đó, xe Mỹ chở về trả hai xác chết, trong đó có anh Điều. Vợ anh ôm xác chồng nghẹn ngào. Thằng Hai cầm lon thịt đứng bên xác cha hẳn bấy giờ không còn nhìn rõ mặt. Hẳn khóc ầm ức như bữa đòi ăn thịt hộp hôm nào.

HUỖNH NGỌC SƠN



HÀNG THÁNG TÌM ĐỌC :

ĐỐI DIỆN

Chủ nhiệm : CHÂN TÍN

Tờ báo duy nhất tại Việt-nam đã bị tịch thu liền trong 4 tháng !

về Provins

Năm 1952, Việt kiều ở Ba-lê đã ấn hành dưới hình thức ronéo ba tập thơ tự do : « *Về Provins* » của Hoàng Anh Tuấn, « *Hy vọng* » của Nguyễn Sa và « *Người em sáng trong cô độc* » của Đỗ Long Vân.

Một số bài trong *Hy vọng* của Nguyễn Sa được in lại trong tập « *Thơ Nguyễn Sa*. »

« *Về Provins* » của Hoàng Anh Tuấn và « *Người em sáng trong cô độc* » của Đỗ Long Vân chưa được phổ biến ở chính quê hương, mặc dầu hai tác giả kể trên đã trở thành những nhà thơ, nhà văn nổi tiếng với nhiều tác phẩm đăng báo hoặc in thành sách.

Tòa soạn *Trình Bày*, trong số này, trang trọng gửi tới độc giả « *Về Provins* » của thi sĩ Hoàng Anh Tuấn.

Em lại về Provins

Qua sân ga ngái ngủ,

Qua chiếc cổng gỗ nhỏ sơn xanh

Qua nhịp cầu sắt dẹt,

Qua dãy phố già nua,

Và băng quờ

Em lại cười — như thuở trước mỗi lần
qua đây —

Có gì đâu !, vẫn là nắng rất tím thường,
rất dần dẹt.

Nắng nhỏ như cây kim

Nắng nhạt màu như nước suối,

Em vẫn cười !

Nhưng chẳng còn đắm đuối

Khi được ngọt tình hoa.

Vâng ! em vẫn về đây.

Tuy năm tháng đã hao gầy đi ít tuổi :

Những khẩu hiệu vôi trên tường đã đổi

Mái tóc đậm màu hơn, thơm hơn,

Nhưng lơ đãng với bàn tay gió thổi,

Và nội cỏ những ngày hè.

Cũng như anh đã biết vì sao em quý mảnh
khăn xanh.

Chiếc khăn thuở nào là mảnh vải,
Như miếng vải lau xe của những kẻ nhà
giấu :

Một miếng vải xanh đã cũ, đã bạc mầu.
Nhưng cũng đủ chít mái đầu thiếu thốn
Nhưng cũng đủ cho mái tóc vàng của
cô gái thêm xinh.

Vải đường thêu, sao mà giồng lá thư
tình,

Của những kẻ đã lâu rồi thông cảm !

Anh nhớ em

Anh nhớ mảnh khăn xanh

Anh nhớ lòng người bạn

Khi say sưa ôm tâm áo mùa đông,
Người bạn anh say tình yêu dân tộc,
Say bàn tay cô gái vô danh,
Say ý đời ngát mở,
Ghi bóng sáng mà say !

Trên nẻo đường kháng chiến,

Cũng như trên những nẻo đường gai

Có những bông hoa cảm thông nở đẹp

Và lòng bạn anh hình như có nắng một mùa hè !

Nắng hè Provins thơm hương mùi cỏ nội,
Đẹp như con đường giải ôc làng Sêu !

Có cô thôn nữ cười bên bờ giếng,

Irène cười băng quơ

Cười như Tuyên theo du kích vào Trám-Lộng

Cười như Sa, Lữ về đóng kịch Chua-Me

Cười như anh bạn phòng thông tin

Cười khi viết xong bản truyền đơn trên phiên-
đá

Irène cười có khác gì không nhỉ ?
Em cười khi thấy kẻ khác cười :
Thằng Jeannot, thằng Phil và con Marthe
Mỗi đứa một củ khoai to !
Những khuôn mặt gầy tươi như lá mới.
Sao em cười mà nước mắt long lanh ?
Sao em cười mà lòng anh nức nở ?
Bên quách thành đồ-vỡ,
Có một tiếng cười vừa đủ đau đau thương.

Có ai về ngang cầu sắt nhỏ để nghe giọng cười
vương
Của Irène, của tôi và của máu nắng mới.
Cười băng quơ bên mây nẻo cuộc đời,
Chắc có kẻ cũng cười
Trong giãc mơ sáng sủa,
Trong xưởng thợ tối tăm,
Dưới bóng cây xanh,
Trong màu khói than hôi
Mơ thằng Jeannot, thằng Phil và con Marthe
của mình
Có những củ khoai to nóng hôi !
Cũng như Irène và tôi,
Có những người thốn thức,
Nắm chặt lấy bàn tay !
Hay cúi đầu máu cặn thừa trên cặp má đỏ gay !

Irène đừng hỏi nữa !
Anh biết em muốn hỏi những gì,
Anh biết em khát khao than thở,
Anh biết em muốn khóc ướt vai anh !
Ngừng đi em những gì đang tan nát,
Và những gì đang ngạt thở rưng-rưng !

Cười đi em !
Cười cho rõ tiếng,
Như dầu chân người trên cát trắng ban
mai,
Như nét gạch ngang xóa bỏ,
Như một đạo em cười khi chúng mình
mơ ước lầy nhau !

Nhưng chỉ cười một nửa,
Còn phần kia để làm giấu cho tình cảm
Provins !
Có phải bữa nay chiều thứ bảy ?
Phiên chợ Provins ?

Irène ! mua cho anh một con chỉ âm vàng,
Em đừng hỏi « để làm gì ? » như em
vẫn hỏi.

Anh sẽ trả lời — dĩ nhiên anh nói dối — :
« Để so với mẫu tóc em ! »

Mà đôi khi,
Khi tóc em vàng mát rượi,
Anh cũng so mẫu sao với mớ tóc của em !

Cũng như anh so mẫu khói đục với lớp sương
khuya,
So mẫu trắng chiến chinh với vành khăn tang tóc,
Anh so quân-y-viện với buổi chiều Provins,
Anh so anh với anh giữa thời gian mỗi giới !
Anh so chiều đại hội với những vị hành tinh !
Anh so những chiến binh xưa kia là thợ mỏ
Với những anh thợ mỏ đang sắp thành chiến
binh !

Anh so mùa thanh bình
Với cánh chim hay với cành lộc biếc !
Irène cười

Như em vẫn cười khi nghe anh kể lễ,
Anh cũng cười
Vì có lẽ cũng như em !

Tiếng chuông nhà thờ sao có chút gì vui !
Như một niềm tin cậy,
Như hứa hẹn nắng hè,
Như có chim, có hoa
Như ngày 14 tháng 7 thật thà
Qua dãy phố già nua làm đom
Irène cười băng quơ,
Nụ cười đẹp như bài thơ,
Nụ cười xinh như đời tình nhỏ,
— Khi cuộc đời nguyên vẹn là cuộc đời !—
Có những bông hoa nở trên tay hân hoan
Có những bàn tay vuốt nhẹ thời thép, hòn gang !
Mơ rèn sắt thành những guồng máy đẹp !
Và Lữ sẽ còn yêu đóng kịch,
Và Sa vẫn còn muốn thêu thùa,
Tuyền ngày xưa cặp mắt vẫn nghịch đùa
Pha thi vị vào những nguồn tin tưởng !
Liêm và các bạn cười
Vì mộng các anh thực hiện
Dù vắng các anh nhưng lũ bạn còn đây !
Còn sông đây để hát,
Còn sông đây để sông những bài thơ !

Irène ! Chúng mình đã hết bơ vơ !
Tuy chúng mình chưa bao giờ riêng lẻ
Năng Provins sao giống nắng làng Sêu !

Chiều nay em về
Qua chiếc cầu sắt di,
Qua chiếc cổng gỗ nhỏ sơn xanh,
Và nhà ga,
Và con tàu lúc lắc !
... Hay bụi ruồi, ruộng dâu,
Hay con đường nâu,
Hay bèn bò sang Đặng,
Hay con đồ chờ nặng
Nhưng em nhi đồng Mai-Hắc-Đề về thủ đô
Irene ! cười đi em
Khi tất cả cùng cười lên một lượt :
Thằng Jeannot, thằng Phil, con Marthe và tất cả
loài người !

HOÀNG ANH TUÂN



NGHỆ THUẬT VIỆT-NAM :

TRANH MỘC-BẢN ĐẦU THỀ-KỶ XX

Sưu tập : NGUYỄN KHẮC NGŨ

Hình dưới : ĐI MŨNG

Hình bên phải : CÀO CỎ





Đông du ký

(Xin xem từ T.B. I)

NGUYỄN SA

4.

Tưởng giới Thạch là một tù nhân. Mỗi đứa chúng ta là một người tù. Những người đối thoại với Tưởng nói dài, chủ nhân đáp bằng những câu ngắn. Người thông ngôn phiên dịch lâu hơn, có lẽ dài hơn. Đường những tiếng ngắn của Tưởng được biến chế, cải đổi thành ngôn ngữ xã giao cần thiết. Chào ông. Đúng. Có thể. Những tiếng ngắn của ông già tám mươi hai tuổi, trong ngôn ngữ phiên dịch trở thành Tổng thống nước Cộng hòa Trung-hoa rất sung sướng được tiếp đón, hôm nay, những nhà văn thế giới đến họp mặt tại Đài-bắc. Tổng thống nói người cũng có một quan niệm tương tự như thế. Tổng thống nghĩ rằng điều đó có thể xảy ra. Điều chắc chắn khi bước vào gian phòng cho tới lúc ra khỏi không có những diễn văn. Thật phiền muộn những cuộc tiếp đón chính thức. Ông vua đứng ở một phía, quan khách xếp hàng dài đằng trước mặt, dáng điệu cứng nhắc trang nghiêm, cứng nhắc trịnh trọng. Vua ban vài lời, anh em vỗ tay đồm độp. Một vị đại diện anh em lộp cộp bước ra *micro*, một cái *micro* khác với *micro* vua vừa dùng,

móc túi lấy một tờ giấy viết sẵn, đọc lên vài lời xưng tụng. Vất vả. Tưởng không ban huấn từ. Anh em văn nghệ Văn bút Thế giới ngồi thoải mái. Đứng lên một phút ngắn lúc chủ nhân bước vào để cùng nhau thì lễ, rồi lại ngồi hút thuốc, nhìn ngắm thông dong, hoặc đối thoại rì rào ầm ĩ. Những nghi thức mệt mỏi đã được bãi bỏ vì nhà lãnh đạo Trung-hoa nhận thức được rằng cuộc tiếp đón bọn văn nghệ lòng không thề giống cuộc tiếp đón con cái trong nhà. Có thể lắm. Những ông vua lớn vua nhỏ của cái quê hương chữ nghĩa phương Đông chưa thể quên những cư xử mà những người đi trước họ đã dành cho họ Lý. Cho nên Tưởng lắng nghe. Tưởng đáp bằng những câu ngắn. Những câu ngắn không có chỗ cho nguyên rửa văn nghệ vô luân, trí thức phòng trà. Không có chỗ cho dầy dổ việc nước việc non. Cũng có thể, như giả thuyết của một bằng hữu tôi đã đưa ra, người anh em đồng hao với Tôn-văn, người quyết liệt trong cuộc tàn sát Thượng-hải những năm 1926, 1927 với tuổi tác chồng cao, không còn nguyên vẹn khả năng. Cọp chỉ còn là pho tượng

cọp. Đó là Cọp bằng thạch cao. Cọp thạch cao xuất hiện trên ban công ngày quốc lễ, đi lại cưỡi gậy đầu trong cuộc tiếp tân để cho guồng máy Quốc dân đảng Trung-hoa giữ được sự nhất trí.

Ba tuần sau, trong một bữa phở thân mật ở nhà ông Phạm xuân Chiều, tôi nhắc tới giả thuyết đó để hỏi ông Đại sứ Việt-nam tại Hán-thành, trước kia có lúc ở nhiệm sở Đài-bắc, có nhiều dịp tiếp xúc với họ Tưởng, ông Chiều có vẻ tán đồng, cho rằng giả thuyết không hoàn toàn vô lý.

Bây giờ, những người bồi mặc áo trắng nếp hồ nghiêm túc xuất hiện ở bốn phía đại sảnh với những khay bánh ngọt, nước trà. Người hầu đứng trước mặt Tưởng nghiêng mình chờ đợi, tay mặt cầm dụng cụ gấp bánh trong tư thế sẵn sàng. Tưởng không quay đầu lại, gậy đầu mờ hồ, người hầu dường như được có một chọn lựa nào đó đã được phát ra, gấp bánh để vào đĩa. Phía tay mặt tôi, bà Xuân Nhã chọn lựa dùm anh Bùi. Cô Nguyễn thị Hoàng chúm môi dần đỏ, cặp môi mặc dù ánh sáng dịu của gian phòng, mặc dù màu đỏ rực rỡ của chiếc áo dài thêu hình con rồng chạy dài từ ngực xuống ngang thân, vẫn nổi bật những nét đậm. Hai gã ngoại giao ngồi trước mặt, cách chừng một thước, thảo luận hăng say về những chiếc bánh. Cả hai mặt đều xanh mướt, tóc mai chân dài ở dưới gò má xương, mặt mặt mỗi loại thú dâm hay *homo*. Gã ngoại giao già chỉ tay vào chiếc bánh, bạn y, người trẻ hơn chỉ vào một chiếc khác nói gì, gã gậy gù, hai chiếc màu đen bọc

chocolat được gấp xuống đĩa. Người hầu khác đã đến kế bên. Xin ngài vui lòng chọn lựa. Từ đáp cảm ơn, nghiêng đầu nhìn ngắm. Tôi chọn chiếc có nhiều *chantilly*. Tôi thích loại bánh có nhiều *chantilly*, thích vị mỡ của sữa béo ngậy làm giảm bớt chất ngọt pha chế trong bột. Bạn tôi chọn chiếc *mille feuilles*. Chiếc bình sứ có nét vẽ màu xanh, bức họa và màu sắc cùng loại với những chiếc tách ở trên bàn, với một kích thước lớn hơn, những sợi hồng trà trong suốt trên nền sứ trắng muốt.

Tôi ăn một cách thống khoái. Bánh thật mịn, *chantilly* béo, chất đường pha vào bột vừa đủ, có phần hơi nhạt. Tôi thích bánh hơi nhạt, sợ lắm cái loại bánh ngọt quá, ăn chưa xong chân răng đã nhức buốt gây ra sự khó chịu vì còn thêm mà ăn chẳng được. Người hầu bàn lại nghiêng mình mời mọc. Tôi gậy đầu, tay đặt điều thuốc xuống chiếc gạt tàn thuốc lá. Gạt tàn này bằng hoa cương trong vec đã gần lắm với cầm thạch. Tôi muốn cầm chiếc gạt tàn thuốc bỏ vào túi. Ôi gạt tàn thuốc bỏ vào túi được thì thật khoái. Mùa đông lạnh thấu xương, ngồi không bỏ áo choàng, mùi cà-phê và khói bốc lên thơm phức ấm áp. Những mảng tuyết rũ chưa kỹ trên vai áo, với hơi nóng của gian phòng, hơi nóng của thân thể tan thành nước làm ướt lần nỉ ngoài. Không cần phải quan sát kỹ, cứ hút thuốc thân nhiên. Điều thuốc hút xong, tách cà phê vừa cạn, đứng lên cho kịp giờ học, đi ra, chiếc gạt tàn đã nằm gọn trong túi. Mười năm trọ học, ba trăm cái. Với hàng ngàn cái nhìn trăm trở

thần phục của bạn hữu. Chúng mày thấy không. Cái này tao đóp ở *café* Flore. Cái kia ở Sorbonne. Không có Aux deux Magots. Sao lại không. Cái màu hồng ở góc đó. Cái nào tao phải bỏ ra nhiều công phu nhất chúng mày biết không. Cái S.N.C.F. này này. Cái chuyến đi Nancy, tao phải chọn chuyến đêm, lựa toa vắng hoe. Thằng *contrôleur* vừa soát vé xong là ông móc *tourne-vis* ra. Nó gắn chặt vào thành toa xe lửa. Phải làm thật lẹ. Nó thấy là ra tòa rồi. Lấy ở đây chắc khó hơn. Ông Tưởng giới Thạch ông ấy không nhìn, có nhìn ông ấy cũng chẳng chạy ra thộp mình. Nhưng bốn phía, ở trên cao, ở sau lưng, chắc chắn có những cặp mắt ghê gớm của bọn hộ vệ.

Gian phòng chột tối hơn. Những tiếng động từ cửa kính phía sau nổi lên ào ạt. Đám mây trắng xuống thấp nhìn thấy ở đỉnh Dương-minh sơn trên chuyến *bus* đưa tới đây đã trở thành cơn mưa. Những giọt mưa chắc chắn phải lớn mới gây ra tiếng động rầm rập như thế. Đó là loại mưa gần như mưa đá dội xuống Đà-lạt tháng Bảy năm 1957. Đúng, Đà-lạt những cơn mưa cũng ào ào, rầm rập như thế. Đà-lạt cũng có những đám mây trắng xuống phía trước mặt tưởng chỉ cần đi một lúc nữa là có thể cầm lấy vào tay, níu lấy đu lên. Cũng có mưa. Cũng có bánh ngọt, thuốc lá, trà, cửa kính. Cũng có Tưởng giới Thạch.

Mời ngài dùng thêm. Thôi đủ cảm ơn. Trà, một chút. Được. Cũng có Tưởng giới Thạch. Ông phải biết cái nỗi đau khổ của một thằng làm

chính trị phương Đông. Ngã sang bên trái cũng chết. Quay sang bên mặt cũng đi đứt. Thân phận của một thằng chậm tiến, một thằng nhược tiều, một thằng đất nước phân hóa nó chó đẻ lắm, khốn nạn lắm. Đi với thằng Cộng cũng chết. Liên Nga dung Cộng cũng chết. Quay ra với thằng Mỹ nó cũng bóp cổ. Nó chơi đấy, nó bỏ đấy.

Ông phải biết, Tưởng giới Thạch vốn không phải là con đẻ của đế quốc, không phải là con đẻ của ngoại bang, cũng không phải là tay sai của tư bản.

Nó là cái gì thì ăn nhập mẹ gì đến tôi. Anh dẻo biết tôi là một thằng dốt sừ, một đời đi học tôi có học cái thứ đó bao giờ đâu. Anh nằm im nhắm nốt cái cà phê, hít xong điếu này làm điếu nữa đi. Mặc mẹ tôi. Tôi nhìn một chút mưa. Một chút sương mù đã làm mờ cửa kính kia. Lên đây nhìn thấy sương mù, thấy mây, thấy mưa, thấy cửa kính là quý, là thơ rồi. Tưởng giới Thạch mà làm gì. Tôi không thể nói với Nguyễn văn Khánh những lời đó. Bạn tôi, lúc nằm, lúc chồm dậy hào hứng, Nó nằm với Tưởng giới Thạch. Chồm dậy với Tưởng giới Thạch. Mấy anh thích chính trị, sao nó mê sừ một cách lạ. Trong khi chờ đợi làm những Võ nguyên Giáp, họ bay nhảy trong sừ ký, bay nhảy với Staline, Kennedy, với hội nghị Yalta, với Postdam, với những mưu lược, những hào sảng và những đắng cay.

Ông phải biết khi Tôn Văn nằm xuống, thừa hưởng di sản chính trị

của Tôn, Tưởng cũng ý thức được rằng đế quốc Tây phương chỉ muốn một điều là cắt nước Tàu ra làm một chục mảnh Mảnh tô giới ở chỗ này, mảnh nhượng địa ở chỗ kia. Cho nên, cũng như Tôn, Tưởng phải tiếp tục chơi trò liên Nga dung Cộng. Nhưng ông có biết không, mang quân đi thống nhất Trung-quốc, thế thác đổ ào xuống từ ngọn núi cách mạng, thuyết phục Lục vịnh Bình đốc quân Quảng-tây, Đường kế Nghiêu đốc quân Vân-nam, đánh tan Tôn truyền Phương chiếm Giang-tây, Phúc-kiến, Chiết-giang, Phùng ngọc Tưởng ở Cam-túc Thiểm-tây, Trương học Lương ở Tây-an hàng, Tưởng và đoàn quân Bắc phạt đâu có thể nhìn thấy được rằng ở mỗi mảnh đất đi qua đã để lại một ít hạt giống, đã để lại một bộ phận cán bộ của Mao đứng ở đó để nắm lấy dân. Tưởng làm sao nhìn thấy được viên sĩ quan nhỏ bé trông coi thư viện của trường Hoàng-phổ. Cái lúc Tôn giao cho Tưởng trường Hoàng-phổ, cuộc đời của một quân trường với người chỉ huy trường đó dĩ nhiên không có con người, không có tình cảm, chỉ có những sinh viên sĩ quan, những quân kỷ nghiêm khắc. Trong vòng giây thép gai làm rách da rách thịt gọi là quân kỷ, Chu ân Lai khiêm tốn ngồi trong quan-sát-đài thuận lợi gọi là thư viện để nhìn thấy từng sinh viên, phân biệt được người có chí và anh phôi bò, anh hiếu học và anh bông lông, Chu ngồi đó với những cụ cười, trao những cuốn

sách bằng những ngón tay tình cảm. Tình cảm của ông quân thủ thư viện đó trở thành những nhịp cầu bắc liền đoàn quân của Mao và những viên tướng coi những Lộ quân đồng đảo của Tưởng, mở ra những cánh cửa, những thành phố, những sông ngòi, đồi núi đầy dần Tưởng ra biển Đông. Phải, trên con đường di chuyển cùng một bộ tư lệnh hành quân lên Bắc-kinh năm 1927 đó, Tưởng đã không nhìn thấy bóng dáng nhỏ bé, lúc ấy nhỏ bé, của những Lâm tố Hàn, Mao trạch Đông, Chu ân Lai, Lâm bạch Chu, Đàm bình Sơn. Càng không thể nhìn thấy Lâm Bru, Lưu bác Thừa, Chu Đức, Siêu quang Kinh. Chu, tôi đã nói với ông chỉ là một anh quân thủ thư viện mơ hồ. Lâm bạch Chu, trưởng ban nông dân, Đàm bình Sơn, trưởng ban công nhân, Mao là một Ủy viên nào đó của Trung ương Quốc dân đảng. Đến khi những Bru, những Thừa, những Đức, những Kinh cùng với những Borodine, những Wassili Blucher đứng dậy bất thành, Tưởng mới nhìn thấy bầu trời liên Nga dung Cộng có cơn mưa, Tưởng mới thấy con dao dài dưới gối của cuộc hôn nhân. Đến khi, năm 1926, đứng ở cửa thành Thượng-hải nhìn vào trong, nhìn vào thành phố sôi động từng đình công, tường phố trùng trùng những khẩu hiệu với bức hình của chính mình, ca ngợi như « người giải phóng Thượng-hải, người lãnh đạo anh hùng cuộc cách mạng thế giới trên đà tiến bước », và ở Hán-khâu, ở

Nam-kinh, là những cuộc chém giết người da trắng dưới sự lãnh đạo của Lâm tổ Hàn, với trách nhiệm dù muốn, dù không của Tưởng, người cầm quân Bắc phạt mới nhìn thấy trong mọi trường hợp mình chỉ còn là một người tù. Nhận lấy danh dự « người lãnh đạo anh hùng của cuộc cách mạng thế giới » là chấp nhận trở thành tù nhân cho một guồng máy. Thoát ra khỏi cuộc cầm tù đó, lòng bất và thanh toán ở Thượng-hải, ở Hán-khẩu, ở Nam-kinh, trong quân đội, trong Trung ương Quốc dân đảng là mở ra cuộc cầm tù mới. Và những bánh răng cửa guồng máy này tàn nhẫn không kém, những bánh răng của gọi là Stilwell, J. Patton Davies, J. Stewart Service, Marshall, Hurley và cả Roosevelt, Truman. Ông bảo phải làm sao bây giờ. Thụ kim, rồi Thiểm-tây, Cam-túc, sau một cuộc Vạn lý Trường chinh đứng lên sừng sững. Từ biên, tiếng ủng và gươm dài của quân đội Thiên-hoàng đã vang dội. Ông bảo phải làm gì một khi ngàng đầu lên buổi sáng đã là rừng núi buồn Trùng-khánh, với con đường Ba - thực chạy về phía Tây. Nhưng nhận võ trang chín mươi sư đoàn để thực hiện cuộc kháng Nhật là nhận dự án xử dụng sông Dương-tử, nhận tham mưu hỗn hợp, nhận Yalta, ba năm sau, nhận cuộc xẻo thịt quê hương, nhận sự từ khước chủ quyền, nhận những cuộc mặc cả số phận một dân tộc trên đầu dân tộc đó. Ông lạ gì những món võ kinh tế kèm theo cuộc trợ giúp quân

sự như một cái giá phải trả, cái trò áp lực để nắm trọn quyền chỉ huy quân sự. Mỹ đòi quân đội Trung-hoa phải đặt dưới quyền của Stilwell. Ông lạ gì hội nghị Yalta Mỹ thỏa thuận cho Nga mảnh đất Mãn châu, đất đai nhà Thanh bị bóp cổ nhường cho Nga trước 1905. Thật đau đớn, thật thảm hại khi anh lệ thuộc nhược tiểu bực mình thét lên chúng tôi sẽ dành lại bằng sức mạnh, Truman cười mỉa mai cái sức mạnh đó bao giờ các anh có. Bao giờ có, bao giờ có, lấy ở đâu ra, lấy ở Thiểm-tây Cam-túc làm sao vượt được Vạn lý Trường chinh, lấy ở phía bên này thì thân phận tù nhân còn chưa thoát, hưởng chi.

Tưởng là người tù. Tù nhân của chính sách liên Nga dung Cộng một lúc. Tù nhân của chính sách viện trợ Mỹ một lúc khác. Mưa ào ạt rầm rập trên cửa kính. Mưa Đà-lạt kỳ dị, mây đen trở thành mưa và mây đen vẫn còn đó. Mây đen chó đẻ. Hết thuốc rồi. Không, còn bao nữa đây. Thiểm-tây Cam-túc cách một Vạn lý Trường chinh. Ở đây là những răng cửa tàn nhẫn gọi là Stilwell này và Stilwell khác, Marshall này và Marshall khác. Ông chăm trước đi. Có lẽ bạn ta có lý. Tưởng là tù nhân. Mỗi đứa chúng ta là một người tù. Trong cái nhà tù ghê gớm của một dân tộc chết đuối còn những nhà tù nhỏ của bản thân. Tại sao tôi không ở đó, ở Đà-lạt, với mưa, với trời lạnh, với thuốc lá, cà-phê, cửa kính trong mười mấy năm nay để bay nhảy với thơ, với áo lụa Hà đông, với tuổi mười ba mà lại xuống

đó ngụp lặn trong ung thối, trong ảo vọng, trói chặt chân tay bằng những hào quang vô ích. Ôi *Sáng tạo*, ôi *Hiện đại*. Ôi trường học, ôi văn nghệ, ôi ảo tưởng vinh quang. Mời ngài dùng thêm chút bánh. Cảm ơn. Một chút trà. Thanh trà, hồng trà. Cảm ơn.

Bạn thiết, ta cũng cảm ơn bạn. Nhưng này bạn, bạn có nhìn thấy những sợi ria mép trắng như cước trên đôi môi mỉm cười như bất động của Cọp thạch cao. Nụ cười ở cùng khắp đó, ở công trường Trung-hoa lộ, ở trên cao gian phòng khách lớn câu lạc bộ sĩ quan. Những sợi ria ở cùng khắp ở Hoa-liên và Đài-nam, Đài-bắc và Đài-trung. Những sợi ria thẳng, gọt tía đều đang từ biển nào mọc lên thành những chấn song sắt của một phòng giam mới. Đó là gian nhà tù buồn có phi lao vọng tới từ biển xa, có giọng ngâm thơ cổ. Quân bất kiến : Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai bốn lưu đảo hải bất phục hồi. Ông già có khuôn mặt nước da đỏ hồng, nụ cười có tập luyện ngồi cách đây sáu thước đang ở trong một nhà tù mới, đang bị giam cứu không thể vượt thoát được trong uy danh và ảo vọng dĩ vãng. Đài-loan này vẫn không phải là nước Tàu, không phải là Trung-nguyên. Vẫn có một anh Thống đốc hòn đảo. Trên viên Thống đốc, mà chẳng là Thống đốc, có một chính phủ Cộng hòa Trung-hoa Dân quốc, với triều đình, với Tổng-thống, mà thực sự là Thống đốc, có Bộ trưởng, có những viên tướng chỉ huy những Lộ quân tướng

tượng trưng điệp xa xưa. Lão ngư ông chẳng thê ra biển tám mươi hai ngày, đánh được con cá to đề khoan khoái trong nhận thức mình vẫn còn là một ngư phủ tài ba, ta vẫn là cái ta mà ta muốn là chó ta không phải chỉ là cái ta mà ta đã là. Rồi trên đường về, mệt nhọc, mặc cho đàn cá mập cắn nát con cá to vừa đánh được, cầu nát đến tận xương, mệt nhọc trong chiến thắng vô ích, khoan khoái vô ích, chiến thắng chết đuối trong căn phần bị kết án thất bại. Lão ngư ông của Hemingway đang ngồi đó với những vang vọng lăm liệt, kỷ niệm níu kéo bất lực, thời gian buộc chặt vẫn bỏ đi. Thiên-hạ chỉ còn là một hòn đảo hoang vu. Trung-nguyên chỉ còn là Băng-hỏa đảo. Người sĩ quan cận vệ nghiêng mình nói điều gì. Tưởng người bất động thật lâu rồi mới chậm rãi quay đầu lại, quay đầu từ Trung-nguyên trở lại Băng-hỏa, từ thiên-hạ tới nơi tá túc cuối cùng. Tưởng vẫn mỉm cười, nhẹ nhàng đứng dậy, Tưởng Tổng Mỹ-linh khoác tựa vào tay người chồng, cả hai cúi đầu đáp lại những tiếng vỗ tay chào từ biệt. Đôi mắt buồn. Đôi mắt buồn. Nụ cười buồn. Tưởng rời Trung-son lâu khi chúng tôi lên lầu hai của tòa nhà thăm những phòng họp của Quốc dân đảng Trung-hoa. Đôi vợ chồng lãnh tụ Trung-hoa bước ra khỏi chiếc cửa lớn trang hoàng bằng những đại tự. *Đạo lớn thì hành, thiên hạ là của chung*. Thiên hạ bây giờ ở đâu. Đôi mắt buồn. Đôi mắt buồn. Nụ cười

những sách sau đây hiện có bán
tại tòa soạn tạp chí trình bày :

NHẬT-BẢN DUY TÂN
DƯỚI ĐỜI MINH-TRỊ THIÊN-HOÀNG
của NGUYỄN KHẮC NGŨ
196 tr., giá 180 đ.

NGƯỜI VIỆT CỘNG SẢN
KHÔNG CỘNG SẢN *Trần Tuân Nhậm*
KHÍ GIỚI CỦA CÁC CƯỜNG QUỐC
TRONG
MƯƠI

tap chí văn hóa chính trị xã hội
ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

4

SỐ 4 - RA NGÀY 15 THÁNG CHÍN 1970

● **đồng**

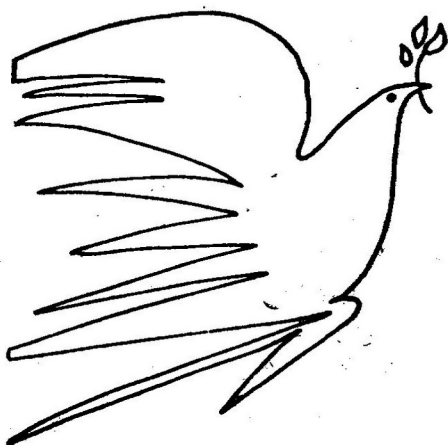
buồn. Trong một lúc tôi chợt nghĩ đến hình ảnh một ông già đã xông pha bốn biển vượt núi cao hào sâu dừng lại ở một ngôi làng lạc bước vui với một hòn giả sơn. Đài-loan có vẻ đẹp của một giả sơn. Đài loan là một giả sơn. Đúng rồi. Giả sơn mỗi sáng mỗi chiều bị đe dọa bởi những đám mây xám bay tới từ phương Tây, bay trên Đài-bắc, bay trên Nhật-nguyệt đàm, bay trong nụ cười của Cọp, bay trong mắt

buồn Tưởng Tống Mỹ-linh, những đám mây xám có vương vất giọng hát Đông phương Hồng đe dọa.

Trên gác cao Trung-sơn lâu nhìn xuống dưới tôi đứng kể bên Trần dạ Tử và Đỗ quý Toàn. Toàn nói với tôi là anh đã lấy một chiếc gạt tàn thuốc lá. Tôi chợt nhận thấy một sự thật chua xót: tôi đã mất tuổi trẻ.

(Còn tiếp)

NGUYỄN SA



Tìm đọc những sách sau đây của Nguyễn ngọc Lan :

- **Chứng từ năm năm :
hòa bình và quê hương**
- **Đường hay pháo đài ?**

Trình Bầy xuất bản



Nixon dưới mắt Hà-nội

RICHARD J. BARNET

I

Năm ngày sau diễn văn ngày 3 tháng Mười Một của Tổng thống Nixon tôi đã tới Hà-nội để mở một loạt những cuộc thảo luận về chiến tranh, gồm cả một cuộc phỏng vấn khá lâu với Thủ tướng Phạm văn Đồng. Sau khi tôi trở về một vài ngày tôi cũng đã gặp gỡ những cố vấn chính yếu về VN của chính phủ Hoa-kỳ, kể cả Henry Kissinger. Sau những cuộc nói chuyện của tôi với các chiến lược gia của cả hai bên tôi nhận thấy rõ rệt là Hà-nội và Hoa-thịnh-Đôn không có cùng một cuộc chiến.

Sự phân tích địch hoàn toàn khác nhau ở hai thủ đô. Những người miền Bắc VN không xét đoán công việc họ làm hay hay dở bằng cách đếm xác chết hoặc so sánh con số thống kê tháng này với những số thống kê tháng trước. Họ có khuynh hướng chung là nhìn vào chiến trường và luôn

luôn nhắm vào những hậu quả chính trị dài hạn của họ. Họ ghi nhận rằng từ 1965 tới nay chính phủ Hoa-kỳ đã ra sức dành một chiến thắng quân sự với 500.000 quân, rằng chính phủ Hoa-kỳ không thành công và đã phải chuyển các lực lượng của mình vào những vị trí phòng vệ (1) và khởi sự triệt thoái những lực lượng đó. Các nhà lãnh đạo chính quyền Nixon tỏ ra lạc quan là vì sau những cuộc oanh tạc từ trên không liên tiếp vào các vị trí của VC, lúc này người ta đã có thể yên ổn kéo tới những vùng ở Nam VN ngày trước rất nguy hiểm.

Những người miền Bắc VN

Richard J. Barnet, tác giả *Chính sách Can thiệp và Cách mạng* và cuốn *Kinh tế Tử thần* mới xuất bản.

(1) Bài này viết trước ngày quân đội Mỹ tràn vào Kampuchea. (LTS)

không dùng sự xê dịch làm tiêu chuẩn thắng lợi chính trị mà dùng cái khả năng cai trị. Họ nhìn nhận rằng họ đã bị thiệt hại nghiêm trọng ở miền Nam. Theo một tài liệu bắt được mới đây do Bộ Ngoại-giao Mỹ phân phát, họ đã ám chỉ tỷ lệ đào ngũ cao hơn bằng cách nhìn nhận rằng « một số Đảng viên đã đi đến chỗ đầu hàng địch và phản bội dân tộc. » Ở chính miền Bắc VN cũng có những chứng cứ khó khăn do việc dội bom gây ra, những khó khăn này gồm cả việc thiếu điện lực, nhiên liệu, và nhất là nhà cửa.

Tuy nhiên, tôi lấy làm ngạc nhiên vì khuynh hướng tự tin ở thủ đô Bắc Việt. Lãnh tụ MTGP ở Hà-nội có nói với tôi : « Chúng tôi đang thắng lợi ở các thành thị. » Họ nói rằng bây giờ ở bất cứ chỗ nào ở Saigon đều có thể kiếm ra tài liệu của MTGP. Càng ngày càng có thêm những người thuộc giai cấp trung lưu hướng theo họ. Các viên chức của MT còn nói với tôi rằng họ có một Bộ Tư lệnh quân sự ở ngay chính Saigon. Có điều này thật là dưới những cuộc tấn công của máy bay B-52, MTGP đã phải rút ra khỏi những vùng đã lâu ngày nằm dưới quyền kiểm soát của họ. Nhưng diễn biến này khó có thể đúng với lời tiên đoán đầy lạc quan hiện được đưa ra tại Hoa-thịnh-Đốn bởi Sir Robert Thompson và các chuyên viên khác thuộc chương trình bình định, rằng VN sẽ được « yên ổn » vào năm 1972.

Ngay cả những phúc trình lạc quan nhất cũng không cho rằng chế độ của ông Thiệu lúc này có thể thiết lập một thứ trật tự chính đáng nào ở những vùng của VC ngày trước hoặc có thể thu hút được sự trung thành của dân chúng. Những người Bắc VN tin chắc rằng chương trình bình định, một chương trình tùy thuộc ở sự duy trì những cuộc ném bom của người Mỹ, là một chiến lược dễ kéo dài chiến cuộc hơn là dễ chấm dứt chiến cuộc. Họ biết rằng việc dội bom ngày càng làm cho dân chúng xa cách người Mỹ và họ tin rằng khi một số khá lớn bộ đội Mỹ rút lui thì « chính phủ và quân đội (...) sẽ sụp đổ. »

Sự phân tích chiến lược Mỹ về phương diện chính trị và quân sự mà tôi nghe được ở Hà-nội, trong hầu hết mọi trường hợp, đều đã được một số các viên chức cao cấp nhất của chính quyền Mỹ nhìn nhận sau đó. Người VN rất ham đọc tờ *US News and World Report* và tờ *The New York Times*. Họ muốn biết sự phân tích chiến tranh hiện tại của Hoa-thịnh - Đốn và họ cố tìm hiểu tâm trạng của dân chúng. Tin tức tình báo chính trị của Hoa-thịnh - Đốn về Bắc Việt, trái lại, có vẻ ở một mức độ thấp kém hơn. Trong lúc các chuyên viên phân tích của bộ ngoại giao Mỹ và cơ quan CIA hiểu những tài liệu đã xuất bản và những sự tiếp xúc giữa cá nhân ở Hà-nội, các viên chức Hoa-kỳ thường lẫn

lộn vấn đề của họ bởi không đọc kỹ những gì Bắc Việt đã cho in ra. Những gì người VN nói trong những bản tin tức chính thức của họ đã bị đủ thứ giải thích bóp méo. Các nhà phân tích ở Hoa-thịnh-Đốn có vẻ chú ý tới những bài nhận định của ký giả Alsop về những tài liệu bắt được, những lời đồn thổi của giới ngoại giao và sự tương đồng lịch sử hơn là những gì phía bên kia đã thực sự nói ra.

II

Tôi đã nói chuyện khá lâu về chiến tranh với Phạm văn Đồng. Nhiều người Mỹ đã tới thăm Thủ tướng Bắc Việt, nhưng tôi là người đầu tiên gặp ông sau khi Hồ chí Minh từ trần. Khi tôi hỏi ông sự mất mát này có hậu quả ra sao trên phương diện tinh thần, ông nói rằng ý thừa ngấm vụ đối với « bác Hồ » đã khiến cho mọi người « xiết chặt hàng ngũ ». Lúc nói, ông có vẻ bình tĩnh, hầu như có thể nói là thanh thản, nhưng đặc biệt cứng rắn. Thỉnh thoảng ông giận dữ lên giọng khi nói về T.T. Nixon. Đôi lúc ông mỉm cười khinh bỉ những mưu mẹo của địch thủ « Cáo già » của ông, nhưng cái giọng trời vượt hơn cả vẫn là cái giọng đượm nỗi buồn rầu. Trong thời gian lưu trú ngắn ngủi của tôi, tôi không thấy có gì khẳng định hay phủ nhận những suy luận của những nhà chuyên môn về Hà-nội rằng ở đây hiện có sự tranh chấp quyền bành lãnh đạo. Trông bề ngoài và

hành động, Phạm văn Đồng có vẻ là con người phụ trách mọi việc.

Thủ tướng Đồng đã nói với tôi những gì ông đã từng nói với nhiều người đến thăm khi trước. Bắc Việt và MTGP có một mục tiêu chính trị chính. Hoa-kỳ phải rút lui về phương diện chính trị và quân sự ra khỏi VN và để cho người VN lo liệu việc chính trị mà không có sự can thiệp bên ngoài. Họ không có lợi gì trong việc làm nhục Hoa-kỳ. Thật thế, họ đã chuẩn bị sẵn sàng làm cho Hoa-kỳ bại lòng về việc dàn xếp ổn thỏa, không phải là vì họ thấy mình bắt buộc phải làm cho đời sống dễ chịu hơn cho một xứ đã bỏ hai triệu rưỡi tấn bom xuống nước họ, mà là vì họ không muốn Hoa-kỳ trở lại.

Các viên chức Bắc Việt hiểu rằng nếu Nixon « cắt và chạy » mà không có một quyết định ngoại giao nào về chiến cuộc, thời sẽ có những kẻ như George Wallace kêu gào phục thù, và người dân Việt rất có thể vẫn phải hứng chịu hậu quả do sự điên rồ của chính trị Mỹ. Theo quan điểm của họ, nếu Hoa-kỳ có thể rời khỏi VN với một vẻ ngoài xứng đáng, cao cả và nhất định không bao giờ trở lại, thì đó là điều đáng mong muốn hơn nhiều. Một viên chức Hà-nội đã ghi nhận rằng khi người VN đánh đuổi được quân xâm lăng vào thế kỷ 17, họ đã đợi một khoảng thời gian phải chăng, thế

rồi khi không còn có vẻ gì là triều-cống nữa, họ đã tặng ông vua Tàu một con voi. Viên chức nọ nói : « Chúng tôi cũng sẽ sung sướng được tặng cho ông Nixon một con voi. »

Phái đoàn của MTGP tại Ba-lê gồm cả một cựu đại úy trong quân đội của Saigon đã đào ngũ vào năm 1960. Ông này nói sự nhục nhĩ cuối cùng đã đưa ông tới chỗ gia nhập phong trào kháng chiến xảy ra khi ông Diệm ra lệnh dựng tượng tượng O'Daniel, người đứng đầu cố vấn quân sự Mỹ, trên khu đất diêm binh tại căn cứ mà ông đương trú đóng. Bản chất của những viên chức khác thuộc Mặt Trận mà tôi gặp ở Hà-nội cũng đều là bản chất « giai cấp trung lưu ». Trước khi gia nhập kháng chiến, đa số họ không hề có liên hệ Cộng-sản hoặc ngay cả những thiện cảm đối với chủ nghĩa Mác nữa. Sự phân tích của họ về chiến cuộc cũng gần hết như của các viên chức VNDCCH, nhưng ở nhiều diêm, sự nhấn mạnh của họ thường khác nhau. Chẳng hạn, họ có vẻ có thể chấp nhận làm việc với một số chính trị gia không Cộng-sản nổi bật như Tướng Dương văn Minh và Thượng Nghị-sĩ Trần văn Đôn hơn cả những viên chức cao niên của Hà-nội, những người này đã biểu lộ sự « lưu ý » tới những nhân vật như vậy, nhưng cũng cho thấy nỗi e ngại là « Chú Sam đang giật dây »,

« Ngày xưa », một bộ trưởng đã nói với tôi, « người ta có thể đổi ngựa giữa đường. Tình thế hiện tại khó khăn hơn nhiều, nhưng có lẽ ngay lúc này họ đã sẵn sàng thay ngựa mới ». Về một số những vấn đề chính trị riêng biệt ảnh hưởng tới tương lai Nam VN, các viên chức Hà-nội thường nhấn mạnh tới việc chuyển qua cho Mặt Trận. « Đó là một vấn đề cần thảo luận với các đồng chí của chúng tôi từ miền Nam. »

Các viên chức VNDCCH và MTGP đều không thể lay chuyển nổi trong mục tiêu chiến tranh căn bản của họ, đó là độc lập quốc gia và tự do không có sự hiện diện hay kiểm soát của Hoa-kỳ trên một tấc đất nào của lãnh thổ VN. Mặt khác, về phương diện chọn lựa các phương tiện để hoàn thành những mục tiêu đó, thì họ khá mềm dẻo một cách hợp lý. Trưởng phái đoàn Hoa-kỳ ở Ba-lê là H. Cabot Lodge cứ khẳng khái đọc lại một cách sai lầm hai trong số các đòi hỏi chính của họ. Trái với những lời tuyên bố lặp đi lặp lại của các viên chức Hoa-kỳ, Bắc Việt không hề nhấn mạnh và đã nhiều tháng nay không có nhấn mạnh rằng toàn thể bộ đội Mỹ phải rút lui trước khi có những cuộc thương thuyết chính trị về tương lai chính trị của Nam VN. Nhưng họ có nhấn mạnh rằng Hoa-kỳ cần phải đưa ra một lời cam kết có thể tin cậy được là sẽ ra đi. Một cam kết

như vậy sẽ gồm sự hứa hẹn rút lui *toàn thể* bộ đội chứ không phải chỉ có những bộ đội tác chiến, và sự rút 100.000 người ngay tức khắc sẽ là một dấu hiệu đứng đắn.

Tính chất có thể tin cậy được hay không là vấn đề then chốt. Kế hoạch rút lui của Nixon, dưới mắt Hà-nội, là chứng cứ hiển nhiên của sự Nixon muốn ở lại chứ không phải là muốn rời bỏ. Bắc Việt đã cho thấy rõ lập trường của họ về điểm này, không những riêng với tôi, mà còn cả trong những cuộc phỏng vấn với Harrison Salisbury, Joseph Starobin và những người khác nữa. Những nhà thương thuyết của chính quyền Johnson giờ lại quả quyết rằng Bắc Việt vẫn nói hoài một sự trên một năm rồi. Hiển nhiên sự mềm dẻo của Hà-nội về điểm này là một thứ điệp văn mà chính quyền Nixon không muốn nhận được.

Một sự xuyên tạc khác nữa về lập trường thương thuyết của VN là luận điệu chính thức của Hoa-kỳ cho rằng Hà-nội đòi hỏi việc « lật đổ » chính phủ Nam VN như một điều kiện đi trước những cuộc thương thuyết. Theo bản chất và lịch sử của chế độ tại Saigon, đòi hỏi này có lẽ cũng không đặc biệt phi lý, thế nhưng Hà-nội không đưa ra đòi hỏi đó. Bắc Việt hiện yêu cầu thành lập một « nội các hòa bình » tại Saigon là vì họ thấy tiếp xúc

với một nhóm tướng lãnh coi những cuộc thương thuyết như một sự phản bội, không có gì là hứa hẹn cả.

Có nhiều viên chức ở Hoa-thịnh-Đốn đã hỏi thẳng vào mặt tôi, tại sao Bắc Việt vẫn không chịu thương thuyết với Ô. Thiệu? Tôi cũng đã nhắc lại thẳng vào mặt họ là Hà-nội không được khích lệ gì khi phải thương thuyết với một chính trị gia đã công khai nói đi nói lại hoài rằng ông không bao giờ chấp nhận một chính phủ liên-hiệp. Những cuộc thương thuyết như vậy sẽ chỉ là chuẩn nhận một sự thất bại trên chiến trường, một việc cho đến nay chưa xảy ra và có vẻ hầu như khó mà xảy ra được. Họ cũng không được khích lệ gì bởi viễn tượng là « một vài điều đáng đề ý có thể nảy ra » từ những cuộc thương thuyết như vậy. Theo họ thì ông Thiệu chỉ lưu tâm đến việc ngăn chặn những cuộc thương thuyết, và bao lâu ông còn nắm quyền thì đó chính là điều ông sẽ làm. Nguyên một việc thương thuyết với ông Thiệu cũng đã giúp làm nổi hơn một chế độ đương ở vào một giai đoạn mà mỗi lúc một có nhiều người VN ôn hòa và quốc gia công khai thách thức tính cách chính đáng của chế độ đó.

Đối với những người ở Hà-nội thì cái trắc nghiệm đối với một chính trị gia Nam V.N là liệu ông ta có một căn bản chính trị độc lập với người Mỹ hay không. Nếu

ông không có, thì họ sẽ cho rằng ông đúng là một kẻ (...) chỉ có một nhiệm vụ là bảo vệ ảnh hưởng Mỹ tại VN. Có nhiều lãnh tụ MTGP đã nói với tôi rằng « trong chính quyền Saigon hiện tại » có những người mà họ có thể chấp nhận được như những nhân viên của một « nội các hòa bình » để thu xếp việc bầu cử và thành lập chính phủ đoàn kết. Trái với những điều chính quyền Nixon quả quyết, Hà-nội hiện không tìm kiếm một chính phủ yếu hơn ở Saigon để thương thuyết với, mà là họ đang tìm kiếm một chính phủ mạnh hơn. Họ sẵn sàng chấp nhận một chính phủ gồm những người mà họ coi là những người Việt yêu nước thực sự đầu cho những người này có là những chống Cộng đi nữa. (Tài liệu bắt được gọi là « Nghị quyết số 9 » mà Bộ Ngoại giao Mỹ phổ biến đã cho thấy một cách mạnh mẽ là MTGP mong đợi có những sự liên hiệp được thành lập.)

Các viên chức Hà-nội mà tôi đã hầu chuyện chỉ rõ rằng những người như Trần văn Đôn, Dương văn Minh, Trần ngọc Liễn mà ông Kỳ không chịu để cho ứng cử Phó Tổng thống cùng với tướng Minh trong cuộc bầu cử trước đây, và Âu trường Thanh, nguyên Bộ trưởng Kinh tế của ông Kỳ hiện đương lưu vong, có thể là những nhà lãnh đạo chấp

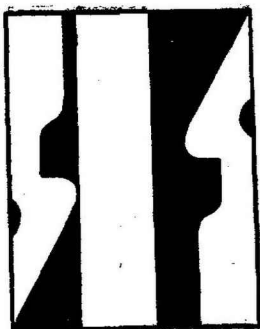
nhận được trong một « nội các hòa bình », miễn là những người này không chịu trở thành những tay trong cho Hoa-kỳ.

Các viên chức ở Hà-nội cho sự kiện những nhân vật ở Saigon như ông Minh, ông Đôn đã công khai chỉ trích ông Thiệu rất có ý nghĩa. Họ gợi ý rằng việc ông Thiệu mới đây do dự trong việc đàn áp những người đối lập như vậy, một việc mà ông Thiệu không cho thấy trong quá khứ, chứng tỏ ông Thiệu không những đang mất thế mà ông còn đang cá cả hai mặt.(...)

Phạm văn Đồng gọi công cuộc « Việt-nam hóa » là « Mưu đồ lớn » của Mỹ để chiến thắng. Theo ông nhận xét thì chiến lược đó đã được tính toán để khuất phục Hà-nội rằng Hoa-kỳ đã chuẩn bị để ở lại lâu hơn họ trong một cuộc chiến tranh tiêu hao. Theo quan điểm của ông thì Nixon đã ra dấu hiệu sau đây : « Tôi sẽ rút các lực lượng Hoa-kỳ ở VN xuống tới một mức mà nhân dân Hoa-kỳ chấp nhận và những lực lượng này sẽ được sử dụng để duy trì chế độ Nam V.N hiện tại năm quyền trong nhiều năm sắp tới nữa. » Khi tôi thuật lại điều này cho một viên chức cao cấp của Bộ Ngoại giao Mỹ, ông này đáp : « Ồ, thế là họ nhận được sự điệp rồi. »

(Còn một kỳ)

RICHARD J. BARNET



nhật ký tập thể :

● MỘT BUỔI SÁNG TRÊN QUÊ HƯƠNG :



Những quyền sách tình dục có làm chấm dứt chiến tranh nhân loại được không ? Tôi hỏi tôi, khi đi giữa hai dãy sập bán vải và sách báo. Một thằng bé, mặt mũi sáng sủa, đến kêu tôi, chìa bàn tay bần ra xin tiền. Tôi lắc đầu. Nó bỏ đi. Tôi cũng bỏ đi, theo sau nó. Bỗng dưng tôi cảm thấy tôi như một bài thơ siêu thực đang đội mũ đi chơi ngoài đường.

Trên vách, bên hông một công thự, những tấm bích chương bầu cử nhìn tôi với đôi mắt phán xét của quan tòa. Những tấm hình chụp thật ngay ngắn, sắp thành hai hàng đứng song song bên những khẩu hiệu chống đối chính phủ nhắm vào đám đông quần chúng. Người ta đập phá và người ta xây cất. Xung quanh tôi. Tôi có nên hay không, nghi ngờ những con người có thiện chí, những kiến trúc sư của thành phố thế hệ mai sau đó ? Có nhiều tấm hình chắc đã được chụp từ lâu, từ nhiều năm trước, nhưng đã được người ta chọn lựa để có một bộ mặt tươi trẻ hơn bây giờ.

Mùa Hè sắp chấm dứt. Tôi sắp sửa trở về trường nhận lại chức vụ chận ngăn của một người giáo sư dạy sinh-ngữ. Học trò vẫn thường coi tôi và môn học tôi dạy chúng như món xa xỉ phẩm tai hại làm cản trở và mất thì giờ học thi của chúng. Bây giờ học Pháp văn để làm gì hả thầy. Đâu còn Tây mà nói chuyện. Đó là câu nói vô phép nhằm chận mà tôi đã được nghe từ nhiều năm nay. Mùa Hè sắp chấm dứt. Tội nghiệp chúng, tội nghiệp tôi.

Ở trong vài con đường, những cây me trổ gốc sau những cơn mưa đông chiều nằm ngổn ngang. Chúng mọi thật sự là những *monuments* của thành phố chúng ta, cần thiết cho tôi — mà cũng không chừng cho tất cả mọi người — cho đôi mắt của tôi đã quá mệt mỏi vì bụi, vì nắng, vì bài vở, cần thiết hơn những pho tượng những vị anh hùng cỡi ngựa không nhắc nhở gì cho tôi, với hình thù xấu xí và đen đúa của chúng, ngoại trừ lòng tự kiêu của một dân tộc đã bao phen xua đuổi quân thù. Tội nghiệp người ta đã cưa chúng — những cây me, ra thành nhiều khúc bỏ bên lề đường, như người ta đang cưa quê hương. Tôi không làm gì được cho chúng mà chỉ xót xa thương tiếc bằng những tình cảm lặng mạn. Chắc tôi

không được bình thường.

Tôi mỉm cười. Một người lính Mỹ đang đi về phía tôi nhìn thấy tôi mỉm cười. Anh ta ngớ ngàng cúi đầu lễ phép chào tôi. Tôi đáp lại. Và tôi bỗng nghĩ đó là nghi lễ của những kẻ sắp xa nhau. Sống chung với nhau nhiều năm mà chưa quen biết nhau, chưa hiểu được nhau. Thật đáng tiếc. Bây giờ đã muộn rồi. Người Mỹ — những nhân vật ở Washington và những người lính tham chiến ở Việt-nam — đã quen nhìn chúng ta qua hình ảnh những chính khách, những người lính Việt-cộng và gần gũi với họ hơn trong đời sống hằng ngày, những người ngoài đường đón họ đôi đồ-la, hay dặt mồi, xin tiền, cướp giật. Còn chúng ta thấy họ như những tên lính say rượu, chơi gái, bắn giết bừa bãi — những người thừa tiền và bom đạn đang lúng túng vụng về hoặc mưu mô xảo trá trong việc giúp đỡ những quốc gia chống Cộng. Chúng ta một số người Mỹ và người Việt-nam — nhìn nhau qua những hình ảnh phác họa đó. Thật là đáng tiếc, một phần nào. Bây giờ đã muộn rồi. Tôi bỗng thấy chán ngán vì những ý nghĩ vẩn vơ trên. Sáng nay tôi đã định đi chơi cho khuấy khỏa trọn buổi sáng, trước khi kỳ Hè chấm dứt. Sau những lần đi chấm thi liên miên ở tỉnh. Tôi cảm thấy bức tức. Tôi muốn đi khỏi thành phố này một lần, sống xa quê hương để nhìn lại quê hương dưới một hướng nhìn khác, tổng quát đầy đủ hơn. Nhưng làm sao được? Tôi đang sống ở đây, đang bước đi giữa đám đông. Tôi nhớ quê hương tôi nhớ đồng bào tôi. Nhưng những người đang mua bán ồn ào chen lấn kia không mang lại cho tôi hình ảnh của quê hương. Tôi không muốn ngược mặt nhìn lên trời vì tôi biết tôi sẽ thấy một bầu trời xanh cũ chạt chọi và một mặt trời quá quen thuộc. Chúng chỉ làm tôi thêm đau mắt. Tôi bước đi. Tôi sẽ quên buổi sáng hôm nay. Mùa Hè đã chấm dứt. Tôi phải làm sao cho những mùa Hè sắp tới được tươi đẹp hơn. Tôi nói với tôi.

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

● MỘT ĐÊM TRÊN ĐẤT KAMPUCHEA :



Những tàu lá dừa nhập nhòa bóng tối thỉnh thoảng lại rào rào rủ xuống hàng loạt nước lạnh như. Trong ngôi nhà tập trung phụ nữ, những khuôn mặt trắng bệch im lìm như ẩn hiện dưới ánh lửa bập bùng của ngôi nhà cháy — một ngôi nhà gỗ lớn bây giờ đổ rụi xuống thành một bãi lửa và than hồng.

Ông già bị thương nằm nghiêng đầu trên chiếc chõng tre, đôi mắt nhìn qua đám lửa, mắt hút vào vùng mù tối mạn bờ sông. Mũi trên của ông bị miếng lụa đạn phạt ngang, biến thành một miếng

thịt tươi đỏ hồng. Một tấm mền phủ kín nửa thân dưới của ông cũng loang vết máu,

— « Dara. Dara. » Có tiếng gọi thì thăm đầu đó. Một tiếng gọi êm ái, dịu dàng nhưng chứa chan nước mắt. Đám tù binh nằm sấp mặt trên mảnh sân lầy lội, phủ đầy bóng tối, không hề cử động. Ánh than hồng nhảy múa trên những tấm lưng rần như một vũ nữ mà quái. « Dara. Dara. » Tiếng gọi bật lên nức nở và bóng một người đàn bà ôm mặt gục xuống trong ngôi nhà tập trung phụ nữ. Một người đàn ông bệnh hoạn nhô ra khỏi bóng tối, húng hắng ho, nói lớn một câu tiếng Miên :

— « Xin phép Lục ... » Tôi không hiểu nghĩa những tiếng còn lại.

— « Tàu na chi-ta ? » — Tôi hỏi. (Đi đâu dương ?)

Người đàn ông lập cập bước tới, vừa nói vừa giơ tay chỉ ra đám cháy. Một con heo lớn nằm nhe răng ở đó, bên cạnh một đứa trẻ cong queo bị thui đen nửa người.

— « Chu-ruk ngọp ? » — (Con heo chết ?)

— « Chu-ruk ngọp... » Người đàn ông tiếp tục nói, húng hắng ho, hai tay chấp lại vái lia. Ý hẳn ông ta muốn xin làm thịt con heo ? Ông ta có vẻ đói. Dara. Dara. Tiếng người đàn bà nấc lên ngọt ngào. Dường như chị ta cắn răng vào một tấm khăn để cho tiếng khóc đừng vang động làm phiền lòng chúng tôi. Tôi mệt mỏi vẫy tay và người đàn ông quay lưng đi lập cập. Vai ông ta cong xuống, một tay kéo lê chiếc gậy tre đầu khoằm. Ánh lửa bập bùng dội vào mặt ông ta, làm tạt bay áo quần và những sợi râu thưa. Khuôn mặt ông ta u tối lắm rồi đến nỗi tôi có cảm tưởng rằng ánh lửa rất lạnh.

Có tiếng chân nhọp-nhọp đi ngang thửa đất dính nhều sau lưng tôi. Ánh đèn pin xanh lè liếm dài từng vệt và tiếng thùng thiếc khua loảng xoảng,

— « Ai ? » Tiếng người lính gác bật hỏi lớn.

— « Tui tui đây mà ». Một người trả lời.

— « Trung sĩ Tám hả ? Đi đâu mà qua lối này ? »

— « Đi kiếm thịt bò dĩa ăn chờ đi đâu. Ngày nay có đứa nào có hột cơm vô bụng đâu. »

Tiếng chân đi xa dần. Ánh đèn lấp loé ở mạn bờ sông. « Dara, Dara ». Người đàn bà bỗng rú lên, mặt vui trong tấm khăn rằn đen. Bóng chị ta lảo đảo trong khuôn cửa, đầu gục vào cột nhà. Người đàn ông hom hem đang lập cập dùng cây gậy đầu khoằm kéo cái xác đứa bé cháy đỏ lên mình con heo chết. Một cánh tay đứa bé cung lên, trắng toát, như đang đùa nghịch. « Dara. Dara ». Người đàn bà gào khóc lớn hơn. Tiếng khóc hốt hoảng, điên dại, nghe ghê rợn như một tiếng mèo gào. Tôi choáng váng nhắm mắt. Và đột nhiên,

tôi hiểu hết ý nghĩa những câu tiếng Miên của người đàn ông. Không phải ông ta muốn ăn thịt con heo chết. Không phải thế. Ông ta đã nói:

— « Xin phép Lục cho tôi thiêu xác con tôi. Tôi thiêu xác nó cùng với con heo chết nếu Lục không ăn thịt. »

Đại khái như vậy.

Một giọt nước mưa lạnh như nước rơi xuống má tôi và tiếng gió phàn phật khua trên bụi chuối. Tôi nghe rõ tiếng chân lập cập của người đàn ông đi quanh đám lửa và tiếng lục cục của những khúc cột than hồng được kéo lên mình đũa bé cung tay. Dara-Dara. Mùi da thịt khét lẫn với mùi máu tanh phả vào mặt tôi như một nhát búa. Tôi muốn nôn mửa đến mặt xanh mặt vàng.

Dara. Dara. Tôi ngồi dậy, châm một điếu thuốc rê. Hai mắt tôi đầy khói, cay sè. Ánh đèn pin vẫn lấp loáng ở mạn bờ sông, chỗ con bò chết. Tiếng chân nhộp nhộp tiếp tục đi trên thửa đất nhéo ướt. Từng nhóm lính mò đi kiểm đồ ăn và người lính gác mệt mỏi không buồn hỏi nữa.

« Thế nào cũng có thằng đập vào xác chết ». Ý nghĩ thoáng đi qua đầu tôi như một tiếng cười ròn. Thử tưởng tượng nó chống tay vào đùi mặt gã đàn ông bẹp đầu nằm gần con bò chết. Sự kinh hoàng của nó sẽ tức cười đến chừng nào. Tôi muốn cười thành tiếng nhưng cổ họng tự dưng đau thắt lại. Dara. Dara. Người đàn bà thồn thừc trong khuôn cửa nhập nhòa bóng tối, và những xác chết nằm phơi dưới trời mưa mù xám. Mùi xình thổi đã phảng phất đâu đó trong những luồng gió lạnh ngắt. Dara. Dara.

— « Ngủ đi. Ngủ đi ». Tôi nhủ thầm. Hình như đầu óc tôi bắt đầu tê liệt. Tôi nằm xuống, dụi tắt điếu thuốc vào đám cỏ ướt. Tôi nghĩ đến mẹ tôi, đến đứa con đau yếu. Những ý nghĩ cũng nhạt nhẽo và xám mù như đêm tối. Dara-Dara. Những tia đèn pin lấp loáng và tiếng chân đi ngược trở lại nhộp nhộp. Vài người chửi thề và cười nói nói, những chiếc thùng sắt tây nặng trĩu va vào chân bập bình. Mùi ủng tanh của bùn, của máu đọng bay ào qua theo họ.

— « Còn thịt bò không xấp ? » Người lính gác hỏi non nã.

— « Còn ». Tiếng Trung sĩ Tám trả lời và cười khàn khạch.

— « Còn đồng ruột, bộ xương với cái đầu mở mắt ». Một tiếng nói trầm trầm tiếp theo.

— « Í, còn. Còn chờ. » Trung sĩ Tám nói hấp tấp. « Còn nguyên một con nữa nằm kế đó. » Im một giây. « Con bò rằng hồ ha mà ? » Tiếng cười rúc lên, vỡ òa như mái ngói trút xuống.

Tôi nhắm mắt lại. Rồi mở mắt. Những khuôn mặt trắng bệch, im lìm vẫn ẩn hiện dưới ánh than hồng. Ông già bị thương cất tiếng rên, đôi mắt trũng sâu, mắt hút vào đêm tối. Mưa lay rây. Những

tàu lá dừa nhập nhòa thỉnh thoảng lại rũ nước rào rào. Những giọt nước nặng như đá, và lạnh như xương.

Cảm giác tê liệt của đầu óc mỗi lúc một nặng nề hơn, tràn ngập trong thịt xương tôi. Tại sao tôi nằm đây, tôi không biết nữa. Hình như đầu óc tôi cũng trống rỗng như gã rãng hồ ngoài bờ sông. Chỉ còn lại những hình ảnh lạ lùng, dị dạng nhẩy nhót đây đó như một đàn chim sâu. Dara. Dara. Người đàn bà kêu khóc và mùi xình thối choáng váng lộng óc. Những xác chết úp sấp co quắp và nằm ngửa dang chân tay. Những khuôn mặt còn nguyên và máu thịt bầy nhầy, không còn hình mất mũi. Khôi hài thật. Cả bò và heo cũng trở thành tử sĩ trong một trận giặc chẳng ăn nhằm gì đến chúng. Con bò chỉ còn lại đồng ruột, bộ xương và cái đầu mở mắt kễ bên gã đàn ông bẹp đầu răng hô, đôi mắt ngó sững vào khoảng không xám mù.

Dara. Dara. Tôi xoay mặt ngó lại đũa bé. Nó vẫn nằm ngửa, cung tay trên mình con heo chết. Cánh tay đã biến thành màu nâu sẫm, héo tóp như một cành củi khô. Cái đầu nó tròn và đen thui nằm gối lên những khúc cột than hồng. Tôi lại nghĩ nó đang nghịch nghợm, toan với nắm một cái gì đó. Không biết nó muốn với nắm lấy cái gì trên bầu trời dày đặc và xám mù nước mưa?

TRẦN ĐÔNG PHƯƠNG

(Srok Saang, đêm 12 tháng 6)



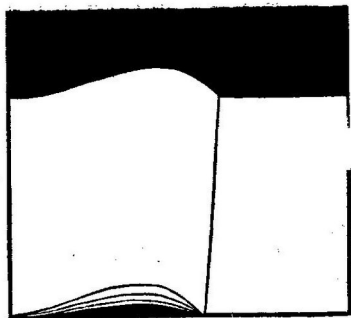
Ý - THỨC

BẢN NGUYỆT SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NỖ LỰC PHẦN ĐẦU CHO HOÀI BẢO
VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN TỘC

Số ra mắt : ngày 01 tháng 10 năm 1970

Tòa soạn : 666, Phan-Thanh-Giản — Sài-gòn



VIỆT SỬ : XỨ ĐÀNG TRONG 1558-1777 (Cuộc Nam tiến của dân Việt-nam)

của Phan Khoang, Khai Trí xb, 1970, 697 trang, giá 500đ.

Công trình mở mang lãnh thổ về phương Nam của người Việt-nam dưới thời các Chúa Nguyễn là một công trình hết sức lớn lao và chứa đựng nhiều sự kiện, nhiều tình tiết phức tạp ly kỳ nhưng cho tới nay ít được các học giả của ta chú ý tới. Nó đã bị sự cổ kính phong phú của các triều đại trước ở miền Bắc, vinh quang của nhà Tây Sơn, sự hùng mạnh của thời Nguyễn sơ và sự bi thương của giai đoạn mất nước gần đây lấn át. Một số các nhà khảo cứu Tây phương tuy có nghiên cứu về giai đoạn này nhưng họ chỉ chú trọng nhiều đến sự kiện người Tây-phương tới nước ta thời đó, chứ không mấy lưu tâm tới những gì đã xảy ra trong nội bộ dân bản xứ. Các công trình được thực hiện lại vụn vặt, không bao trùm toàn thể giai đoạn lớn. Cuốn *Việt-sử : Xứ Đàng Trong 1557 — 1777* của Phan Khoang do đó có thể được coi như tác phẩm từ lâu người ta đã chờ đợi. Riêng đối với những ai yêu thích môn Sử học thì sự chờ đợi đó đã trở thành một sự nóng lòng vì gần đây tác giả đã cho trích đăng một phần *Việt-sử : Xứ Đàng Trong* của ông trong tạp san *Sử-Địa*, một tạp san tương đối là có thẩm quyền về môn này ở Việt-nam hiện tại.

Với một khối lượng khá phong phú là ngót bảy trăm trang giấy, tác giả đã trình bày toàn thể lịch sử Xứ Đàng Trong từ năm Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận-hóa đến năm 1777 là năm các chúa Nguyễn bị Tây-sơn đánh bại. Lối trình bày được lựa chọn là sự diễn tiến theo thời gian với một Chương Mở Đầu nói về hai đất Thuận-Quảng trước khi Nguyễn Hoàng trấn thủ, từ những cuộc nổi dậy của người Chăm vào thế kỷ II sau T.C. chống lại các quan lại nhà Hán qua những cuộc Nam Tiến đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt cho đến cuộc Nam chinh vĩ đại thời Lê Thánh Tông và những cuộc di dân lập nghiệp. Ba chương kế tiếp :

Chương Nhì nói về các triều đại chúa Nguyễn từ các tiên tổ của họ cho tới Duệ Tông Nguyễn phước Thuận.

Chương Ba nói về các công việc các chúa Nguyễn làm ở Nam-hà gồm có ba phần là Bắc cự, Nam tiến và Tò chức chính quyền, các chế độ.

Như vậy nếu nhìn một cách đại cương người ta phải nói rằng, tác phẩm rất đầy đủ và phong phú. Tác giả đã rất công phu sưu tầm tra cứu và phải mất nhiều thời gian mới thực hiện được. Nhưng khi đi sâu vào nội dung, cảm tưởng đầu tiên mà người đọc nhận thấy là rất mệt. Rất mệt vì lối viết tôn trọng diễn tiến của các biến cố theo thời gian một cách quá sát gần như biên niên của tác giả. Ở nhiều chỗ người đọc có cảm

tưởng rằng mình đang đọc *Đại-nam Thực-lục* hay *Quốc-triều Chánh-biên*. Các sự kiện cứ tuần tự được trình bày nối tiếp theo năm tháng, thiếu vắng hẳn một sự kết hợp và giải thích. Phần nói về các Chúa Nguyễn là diên hình.

Sự quá tôn trọng thứ tự thời gian của tác giả còn đưa ông đến sự lựa chọn một bố cục theo chung một chiều hướng. Chẳng hạn như ở Chương Nhất tác giả đã chỉ trình bày Thuận-Quảng trước khi Nguyễn Hoàng trấn thủ thay vì trình bày Xứ Đàng Trong bao gồm luôn tất cả những đất đai mà sau này các chúa Nguyễn sẽ thu phục được để người đọc có thể có một nhận định rõ ràng hơn ngay từ lúc đầu. Các xứ Phù-nam Chân-lạp mãi về sau này trong phần Nam tiến và sau khi đã nói xong việc lấy hết đất Chiêm-thành mới được đề cập tới. Đồng thời các tiết mục cũng không được hệ thống hóa. Phần nói về cuộc Bắc cự và tổ chức chính quyền, các chế độ cho người ta thấy điều đó.

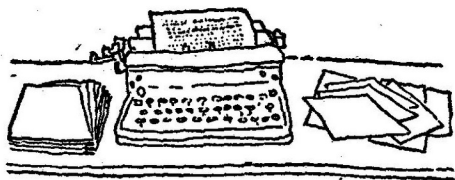
Thời Chúa Nguyễn trấn nhậm miền Nam là thời kỳ rất quan trọng trong lịch sử ngoại giao của Việt-nam vì ở thời này người Âu châu đã tới giao thiệp và đạo Thiên Chúa đã được truyền bá vào nước ta. Biển cố này đã không được đề cập tới nhiều trong tác phẩm. Tổng cộng tác giả chỉ dành cho có chưa đầy 50 so với ngót 700 trang của cuốn sách. Chương thứ Tư nói về sinh hoạt của nhân dân cũng quá khiêm nhường.

Về tài liệu, tác giả đã dành trọn phần tiểu dẫn để trình bày tình trạng và đã tỏ ra rất thông suốt các tài liệu đồ của ta bằng chữ Hán. Đây là điểm đáng quý nhất của tác phẩm. Điều đáng tiếc là mỗi khi dẫn chứng hay chú thích, tác giả đã không chỉ dẫn rõ ràng từng quyền, từng trang để người đọc nếu cần có thể tham khảo thêm các tác phẩm ấy, khỏi mất thì giờ tìm kiếm. Các tài liệu như tài liệu của người Tây phương, tài liệu Chiêm-thành, Phù-nam, Chân-lạp thì phải nói rằng quá nghèo nàn và thiếu sót. Về Chiêm-thành cuốn sách đã được ông dùng duy nhất ở đây là cuốn *Le Royaume du Champa* của G. Maspéro. Cuốn này xuất bản từ năm 1928, đến nay đã quá lạc hậu cần phải được bổ khuyết bằng những sách hay bài khảo cứu đăng rải rác trong các tạp chí từ thời đó. Còn các tài liệu Tây phương thì quả thật là thiếu sót. Những tài liệu này lẽ ra có thể giúp ông bổ khuyết rất nhiều những gì mà các tài liệu Việt-nam không cung hiến hay có cung hiến nhưng cung hiến một cách thiếu sót, sai lầm. Tất nhiên tại Việt-nam người ta không thể kiểm được một lượng quan trọng gấp bội những gì ông đã xir dụng. Chỉ cần mở những thư tịch, đặc biệt là cuốn *Bibliographie critique sur les relations entre le Viêt-nam et l'Occident (Ouvrages et articles en langues occidentales)* của Nguyễn thế Anh (1), là có thể thấy được một phần lớn.

Gạt bỏ những điều kể trên, không tránh được khi đề cập đến một vấn đề quá lớn, *Việt-sử*: *Xứ Đàng Trong* của Phan Khoang là một tác phẩm có giá trị. Đây là công trình mới nhất của một học giả đứng đắn, đáng tin tưởng và dễ mến thuộc thể hệ còn chịu ít nhiều ảnh hưởng của Hán học đã đóng góp vào việc nghiên cứu lịch sử nước nhà. Tác phẩm này phải là một tác phẩm mà những người muốn tìm hiểu lịch sử Việt-nam không thể nào không tìm đọc coi như một nguồn tài liệu quý giá, nó hướng dẫn người ta tới những nguồn tài liệu đầu tay khác.

PHẠM CAO DƯƠNG

(1) Paris, Maisonneuve & Larose, 1967.



● **Kỷ niệm Sinh nhật Nguyễn Du, năm thứ 206 :**

Theo thông lệ từ vài năm gần đây, năm nay lễ Kỷ niệm Nguyễn Du đã được Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa tổ chức tại trường Quốc gia sư phạm dưới sự chủ tọa của Thủ tướng Đại tướng Trần thiện Khiêm.

Vì có các quan lớn dự lễ, nên khách mời không có xe hơi, đặc biệt là phụ nữ mang ví xách tay đã được khám xét cẩn thận. Và có lẽ vì thi giờ ít ỏi giữa cuộc sống chập dờn nên khách dự lễ ngồi chưa kín được nửa số ghế của giảng đường.

Chương trình của buổi lễ khá dài. Nào là bài nói chuyện của Hội Bút Việt với đề tài: *« Tính chất phi thường trong con người bình thường Thúy Kiều »*, nào là Hội Văn nghệ sĩ quân đội trình diễn hoạt cảnh cổ ngâm thơ; nào là nhóm Hát Bội của Phủ Văn hóa trình diễn tuồng Kim Vân Kiều lớp *« Ôn đền oán trả »*.

Bây mười năm trước, sau khi dẹp yên đám Bãi Sậy, thị xã Hưng Yên của Tổng đốc Lê Hoan mới vang lên được những lời ngâm vịnh *Truyện Kiều*. Nay giữa lúc nhiễu nhương, buổi sáng xuống đường, buổi chiều tuyệt thực mà giới chức cầm quyền Văn hóa ở Sài-gòn cũng cố gắng tổ chức lễ Kỷ niệm Nguyễn Du để khỏi mang tiếng mất gốc thì phải kể là tốn nhiều công phu lắm vậy.

● **Vụ án Geismar :**

Giáo sư Alain Geismar, một trong những lãnh tụ phe Tả vô sản sẽ ra tòa vào khoảng đầu tháng Chín 1970, nghĩa là sớm hơn dự liệu. Tội danh « xúi dục bạo động có hậu quả » của ông, từ ngày 30 tháng Bảy đã được đổi lại là « tái lập liên minh đã bị giải tán », để thay vì đưa ông ra một tòa tiểu hình, người ta có thể giao ông cho một tòa án đặc biệt, để tránh những cuộc biểu tình có thể xảy ra nhằm ủng hộ ông. Hơn ba tuần nay, Giáo sư Geismar đã xin Tòa án An ninh Quốc gia, chiếu luật pháp, cho ông từ chối quan tòa Leloir, vì ông này khi bị một nhóm người đến đốt biệt thự của mình, đã tuyên bố trước với báo chí là « cá nhân ông thù ghét bọn khuynh tả ». Mặc dù vậy, người ta nghĩ chính quyền sẽ đưa Giáo sư A. Geismar ra xử một cách vội vã, vì ngày khai trường đã sắp đến, và điều mà mọi người Pháp đều đoán biết, đây sẽ là một « ngày khai trường của cả xã hội ».

● **Nghỉ hè ở Hy-lạp :**

Trên những bản đồ « quảng cáo » cho Hy-lạp như một nơi nghỉ hè lý tưởng, do các dân quân kháng chiến Hy-lạp phân phát ở Paris, người ta đọc: « Hãy để ý đừng mang theo những ấn phẩm phá hoại... các bạn có thể bị tù. Ngược lại lúc nào các

bạn cũng có thể đọc những tờ báo Hy-lạp — không phải chọn lựa : tờ nào cũng giống nhau. Trên bãi biển, nhớ đừng bao giờ nghe các đài France-Inter, Radio Luxembourg, Europe No 1, B.B.C... các bạn sẽ chọc giận một tên điên chỉ ở gần đó. Và lại các bạn đã được Đài Quân đội Hy-lạp giải trí rồi... Nếu chồng các bà đẻ râu hay đẻ tóc dài, quan thuế Hy-lạp sẽ cạo râu và hớt tóc không lấy tiền... Khi đến Myconos, trên tàu có thể các bạn sẽ gặp những người bị xiềng xích. Các bạn đừng ngại : trên đường đi của bạn có đảo Yaros được dùng làm trại tập trung. Mười ngàn người « dân chủ » (đàn ông, đàn bà và... trẻ con) đã ở sẵn đó, và hòn đảo chưa bao giờ chịu treo bảng « hết chỗ »... Các du khách có trên tay những bản đồ « quảng cáo » nói trên đều được hứa hẹn một mùa hè khó quên.

● Văn chương và xã hội :

Ngày 21 tháng Năm 1968, trước công tòa nhà Massa của Hội các Nhà văn gồm các cụ hàn xua, người ta trông thấy một biểu ngữ dài với hàng chữ « Hiệp hội các Nhà văn — Đoàn kết với Sinh viên và Công nhân ». Bên trong, Maurice Roche, Jean-Pierre Faye, Bernard Pingaud, Michel Butor cùng ngồi với một sinh viên văn khoa trên bàn chủ tọa cuộc họp đầu tiên đưa đến quyết định chính thức thành lập một hiệp hội giống như Hiệp hội các Nhà văn ở các nước xã hội. Cách đây hơn một tháng, trả lời những thắc mắc của nhà văn Armand Lanoux về vai trò của Hiệp hội này, Bernard

Pingaud, trong một bài báo đăng trên tờ *Le Figaro Littéraire*, tháng Bảy 1970, đã giải thích đường lối xã hội « không bị thống trị bởi một guồng máy thư lại » của họ, và sẵn sàng mở cửa đón những anh em nào có chọn lựa chính trị rõ rệt để cùng thảo luận và tìm kiếm một con đường đúng đắn cho văn hóa. Bernard Pingaud còn cho biết nhóm « Lettres » sẽ cho phổ biến một bản tường trình trong đó mọi người sẽ thấy rõ con đường cải cách trong lãnh vực văn chương có thể đi rất xa, và những cải cách đề nghị không nhằm « củng cố chế độ », trái lại, còn cho thấy sự cần thiết phải thay đổi chế độ nữa. Nhà văn đại diện cho Hiệp hội kết luận tất cả những cải cách đề nghị đều nằm trong một viễn ảnh độc nhất, đó là « viễn ảnh chính trị ».

« Cần nên biết là « nhà văn » có thể nhập vào với xã hội này mà không bị biến thành vô dụng hay không. Bởi vì, ngược lại, cái ngày mà các nhà văn chỉ viết cho các nhà văn, có lẽ văn chương cũng sẽ vẫn tiếp tục được, nhưng nó sẽ mất hết ý nghĩa. Và đó chính là điều đang đe dọa chúng ta ».

TIN NGẮN

● Mùa thu này, giáo sư Noam Chomsky, tác giả các cuốn *Cartesian Linguistics* và *American Power and the New Mandarins*, sẽ cho in một tập sách gồm những bài ông viết tố cáo sự phá hoại của Hoa-kỳ ở Ai-lao, Cao-mên và Việt-nam, đã được đăng rải rác trên tờ « *The New York Review of Books* ». Cũng cần nhắc, khoảng hơn hai tháng trước đây,

Chomsky đã đến viếng Hà-nội, trong một phái đoàn gồm các giáo sư Đại học ở Hoa-kỳ.

● Hội Họa Sĩ Trẻ sẽ tổ chức Triển Lãm Thường Niên vào tháng 12. 1970, mang tên « *Chấn dụng Tháng Chạp* ». Nhân dịp, Hội sẽ cho phát hành một tuyển tập cùng mang đề tài của phòng tranh, với sự góp mặt của một số nhà văn.

● Nhà xuất bản Quảng Hóa, với sự cộng tác trình bày của họa sĩ Nguyễn Quỳnh, tác giả hai vở kịch « *Hư Vô Bất Tử* » và « *Bờ Biển Xanh* », vừa cho ấn hành hai tập nhạc « *Nhi Đồng Ca* » (tuyển tập những bài ca của tuổi thơ) và « *Ca Khúc Cho Ngày Mai* » (Trong Tập Hòa Bình Ca) của Phạm Duy. Nhân dịp phát hành, Quảng Hóa đã tổ chức một cuộc tiếp tân đêm 2-9-1970 trên sân thượng khách sạn Lý Tưởng, trụ sở của nhà xuất bản.

● Nhà văn Michel Butor vừa được tờ báo quan trọng nhất ở Na Uy là tờ « *Aftenposten* » đề cử và ủng hộ tranh giải Nobel Văn chương 1970. Na Uy ở kề cận Thụy Điển, nên lên tiếng chắc phải được nghe rõ lắm.

● Hai năm sau cuộc Cách mạng tháng Năm 1968, nhà xuất bản Tương lai (Editions de l'avenir) cho in một tập hình vẽ mô tả những cuộc đụng độ giữa sinh viên và cảnh sát trong những ngày tranh đấu của thanh niên sinh viên Pháp. Cùng với

ngòi bút vẽ của họa sĩ Marek Halter, là những bài của các nhà văn Claude Roy, Maurice Clavel, Jean - Pierre Faye... những bài văn, như những *illustrations* cho hình vẽ.

● Cơ quan Thông tấn của Trung-hoa Lục địa vừa cho xuất bản một vở đại nhạc kịch cách mạng dịch qua Pháp ngữ, tựa là *La Prise de la Montagne du Tigre* (Chiếm ngọn Núi Cọp) ca ngợi giai đoạn chiến thắng trong cuộc chiến giữa quân đội nhân dân giải phóng và Quốc dân Đảng. Vở đại nhạc kịch trên nằm trong chương trình chuyển biến các chủ đề « cổ điển » trong truyện Tàu và thay bằng những nhân vật mà Giang Thanh, người vợ thứ tư của Mao trạch Đông (người hiện phụ trách « cải tổ » Đại hí viện Bắc-kinh), gọi là những kẻ sáng tạo Lịch sử của Trung-hoa: thợ thuyền, nông dân và Chiến sĩ Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa.

● Nhà Grove Press vừa cho tái bản toàn bộ tác phẩm của Samuel Beckett, gồm 16 cuốn, lấy tên là « *The Collected Works of Samuel Beckett* ». Những người đọc được Beckett có thể đặt mua ở 214 Mercer Street, New York, N.Y. 10012. Một trong những tác phẩm mới của Beckett, *Sans*, vừa được tác giả dịch qua Anh ngữ với tựa *Lessness* và cho đăng ở Tạp chí *Evergreen*, số tháng Bảy 1970.

N.T.H.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

10 khuôn mặt văn nghệ :

Nguyễn Bính, Đinh Hùng, Nguyễn Tuân, Lãng Nhân, Vũ Bằng, Văn Cao, Vũ Hoàng Chương, Sơn Nam, Nguyễn Sa, Mai Thảo.

của TẠ TỰ

ĐÃ PHÁT HÀNH :

ĐIỆU BUỒN CHO CHARLIE

Kịch của JAMES BALDWIN

Bản Việt-văn : PHAN LỄ-THANH

JAMES BALDWIN sinh tại Harlem năm 1924, là con của một công nhân. Năm 24 tuổi ông đã phải rời Hoa-kỳ để qua Paris và đã tưởng là sẽ không bao giờ trở lại quê nhà. Nhưng sau 9 năm tại Âu châu, ông đã trở về Hoa-kỳ để trở thành một nhà văn da đen lừng lẫy nhất hiện nay.

Trong số những tác phẩm nổi tiếng thuộc các loại tùy bút, tiểu thuyết, truyện ngắn .. của Baldwin, không có tác phẩm nào lại chịu nhiều phản ứng hèn hạ, dữ dội như các kịch phẩm của ông: vở *The Amen Corner* (1955) và vở *Điệu buồn cho Charlie* (1964) này. Người da trắng đã bài xích *Điệu buồn cho Charlie* bằng cách bôi nhọ rằng đó là một vở kịch tuyên truyền! Thật ra «Điệu buồn cho ông da trắng» đó (Charlie là tiếng gọi chung người da trắng Hoa-kỳ) với, một giọng say sưa bốc lửa, đã phơi trần bộ mặt thực của xã hội kỳ thị chủng tộc Mỹ, một xã hội giả dối, đồi trụy, sát nhân.

Lấy một người da đen có thể coi như «tồi tệ» và một người da trắng được mô tả một cách rất có thiện cảm để dựng lại cái mâu thuẫn của xã hội Mỹ ngày nay, Baldwin đã cho thấy không phải nguyên một sự kiện «một kẻ giết người được tha bổng» là chứng cứ ác của xã hội đó, mà đúng hơn, Baldwin có ý nói: cho dù người da đen có thể nào chẳng nữa, họ cũng vẫn có quyền sống khác hơn là súc vật. Với hình ảnh vị mục sư tay cầm Kinh Thánh tay cầm súng sửa soạn dẫn đầu một cuộc tuần hành đòi quyền sống ở hời chót, Baldwin như muốn kết luận: giữa tình yêu và bạo động, xã hội Mỹ phải chọn một. Nếu không chấp nhận yêu thương thì xã hội da trắng Mỹ nhất định phải đối diện với súng đạn chứ không thể có cách nào khác.

CHIA BUỒN

Được tin :

Cụ PHẠM VĂN THIỆP

thân phụ của bạn Diễm Châu đã thất lạc tại Saigon, hồi 10g 15 ngày 4-9-1970, hưởng thọ 72 tuổi.

Toàn thể anh em trong nhóm biên tập Tạp chí Trình Bầy xin thành thực chia buồn cùng bạn Diễm Châu và tang quyến.